

Sau khi giảng xong pháp thoại, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải bây giờ Như Lai mới có đại trí mà trước đây Ta cũng đã có đại trí.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân: Uppalavaṇṇā là nữ tu sĩ Bherī, Suddhodana trước đây là người cha, Mahāmāyā là người mẹ, Bimbisundarī (tức Yasodharā) là Amarā, Ānanda là con kết, Sāriputta là Cūḷani, Devadatta là Kevatta, Thullanandinī là Calākā, Sundarī là Pañcālacaṇḍī, Mallikā là chim nhồng, Ambaṭṭha là Kāminḍa, Pottapāda là Pukkusa, Pilotika là Devinda, Kassapa là Senaka, Maṅgalikā là Hoàng hậu Udumbarā và Lāḷudāyī là Vedeḥa, Mahosadha là Ta. Tiền thân này được hiểu như vậy.

§543. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ BHŪRIDATTA

(*Bhūridattajātaka*)⁴⁸ (J. VI. 157)

Bất kỳ mọi bảo ngọc kim ngân...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc Ngài trú tại thành Xá-vệ về việc các cư sĩ hành trì trai giới. Vào ngày trai giới, họ thức dậy thật sớm, phát nguyện hành trì giới luật, bố thí và sau khi thọ trai, họ đem hương hoa đến tinh xá Kỳ Viên, gặp thời thuyết pháp, họ đều ngồi xuống một bên nghe giảng.

Bậc Đạo sư đến tại pháp đường, ngồi xuống sàng tọa được trang hoàng dành cho Ngài xong liền quan sát hội chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, đức Như Lai thường muốn đàm đạo với một vài vị này hay vị kia trong hội chúng khi bài thuyết giảng có liên quan đến họ. Vì thế, vào dịp này, Ngài biết rằng bài pháp thoại liên quan đến các bậc Đạo sư ngày xưa sắp được thuyết giảng cho các cư sĩ nên trong khi đàm đạo với họ, Ngài hỏi:

– Này các cư sĩ, các ông có hành trì trai giới chăng?

Khi các cư sĩ đồng thanh đáp có, Ngài bảo:

– Tốt lành thay! Này các cư sĩ, các ông đã làm rất tốt! Tuy nhiên, việc các ông có một vị Phật làm Đạo sư như Ta và hành trì trai giới thì không phải là chuyện lạ gì, vì các bậc Hiền trí ngày xưa chưa có bậc Đạo sư nào cũng đã từ bỏ mọi vinh quang của thế tục và giữ gìn ngày trai giới.

Nói xong, theo lời thỉnh cầu của các cư sĩ, Ngài kể một chuyện quá khứ.

I. THÁI TỬ BRAHMADATTA VÀ LONG NỮ

Ngày xưa, khi Vua Brahmadata trị vì thành Ba-la-nại, ngài phong cho con trai làm phó vương. Nhưng khi ngài thấy thái tử đạt vinh quang lừng lẫy, ngài lại đâm ra hoài nghi một ngày kia thái tử sẽ chiếm trọn giang sơn. Vì thế, ngài bảo con:

⁴⁸ Xem Cp. 85, *Bhūridattacarīya* (Hạnh của đức Bồ-tát Bhūridatta).

– Vương nhi hãy ra đi tìm chỗ cư trú nào mà thấy hợp ý trong lúc này, đến khi ta băng hà hãy về đây kế thừa vương nghiệp!

Thái tử vâng lệnh, giã từ vương phụ ra đi đến vùng núi Yamunā, dựng một cái chòi lá gần chỗ dòng sông giáp bờ biển và sống bằng rau quả qua ngày.

Lúc bấy giờ, có một long nữ dòng giống nāga ở dưới biển, mới mất chồng, lòng khao khát dục tình khi nhìn thấy các long nữ khác an vui cảnh chồng con nên bỏ lên địa giới, đi lang thang trên bờ biển, chợt thấy dấu chân của thái tử liền theo lối mòn đi đến chòi lá. Lúc ấy, thái tử đã đi ra ngoài kiếm trái cây. Long nữ bước vào chòi, thấy chiếc giường gỗ và đồ đạc trong chòi, nhủ thầm: “Đây là nơi cư trú của một ân sĩ, để ta thử xem vị này có thật là một vị chân tu không. Nếu vị đó là bậc chân tu, sống khắc kỷ, vị ấy sẽ không chịu nhận chiếc giường trang hoàng lộng lẫy của ta. Còn nếu đó là người với tâm tư mê đắm dục lạc, không phải là bậc chân tu tịnh tín thì vị đó sẽ nằm trên chiếc giường của ta rồi ta sẽ lấy vị đó làm chồng và ở lại đây.”

Vì thế, long nữ vội trở về cõi của mình, góp nhặt hương hoa thần tiên, trang hoàng một sàng tọa toàn bằng hoa. Sau khi làm lễ cúng hương hoa, rắc phân hương khắp chòi và trang hoàng cái chòi thật đẹp, nàng đi về cõi mình trú ngụ. Buổi chiều, khi thái tử trở về, chàng vào chòi thấy mọi vật như thế liền nói:

– Ai đã sắm sửa sàng tọa này?

Khi chàng ăn đủ loại trái cây xong, chàng lại kêu lên:

– Ôi, hoa thơm ngào ngạt, sàng tọa này êm ái quá!

Lòng chàng đầy hân hoan vì thật tâm chàng không phải là bậc chân tu khổ hạnh, chàng liền nằm xuống giường hoa và ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, chàng thức dậy và cũng đi kiếm trái cây, chẳng nhớ quét dọn chòi lá. Vào lúc ấy, long nữ xuất hiện, thấy hoa héo úa liền hiểu ngay: “Kẻ này còn tham dục lạc, không phải là bậc chân tu, ta có thể bắt lấy được rồi.” Thế là nàng lượm hết hoa cũ, đem hoa khác đến trải lên sàng tọa thật đẹp, trang hoàng cái chòi lá, rải hương hoa như trước trên thềm nhà rồi trở về cõi mình cư ngụ.

Thái tử lại ngủ một đêm nữa trên giường hoa và sáng hôm sau chàng tự nghĩ: “Ai đã trang hoàng chiếc chòi này?” Vì thế, chàng không đi hái trái nữa, đứng ẩn mình không xa túp lều. Long nữ thu lượm hoa xong đi đến lều của chàng. Thái tử chiêm ngưỡng dung nhan cực kỳ lộng lẫy của long nữ liền say mê nàng ngay và chàng lẳng lặng đi vào chòi trong khi nàng đang trang hoàng sàng tọa, và hỏi nàng là ai.

– Tâu đức ông, tiện thiếp là long nữ.

– Chẳng hay nàng đã có gia thất chưa?

– Tâu đức ông, trước đây tiện thiếp đã có gia thất, hiện giờ tiện thiếp là sương phụ không có chồng, chẳng hay chàng ở đâu?

– Ta là Thái tử Brahmadata, con vua tại thành Ba-la-nại, nhưng còn nàng, tại sao lại đi phiêu bạt rời bỏ xứ sở của dòng giống nāga?

– Tâu đức ông, chỉ vì tiện thiếp trông thấy hạnh phúc của các nàng long nữ đã yên bề gia thất nên lòng chưa thỏa mãn về đường tình duyên đứt gánh, phải lang bạt đó đây tìm bóng tùng quân để nương tựa tâm thân bồ liễu.

– Ta cũng không phải là vị chân tu mà ta đến trú ngụ nơi đây chỉ vì cha ta đuổi ta đi. Vậy nếu nàng không chê ta, ta xin nguyện cùng nàng làm đôi vợ chồng sống hòa hợp ở nơi đây.

Tức thì long nữ bằng lòng và từ đó họ chung sống hòa hợp ở nơi ấy. Nhờ thần lực của long nữ, nàng biến hóa ra một ngôi nhà sang trọng có sàng tọa quý giá trong khuê phòng lộng lẫy. Từ đó, chàng không còn phải ăn hoa quả nữa mà được hưởng toàn cao lương mỹ vị của thần tiên. Sau một thời gian, nàng thụ thai và sinh được một con trai, họ đặt tên là Sāgara Brahmadata. Khi ấu nhi đã chập chững biết đi, nàng lại hạ sinh được một con gái trên bờ biển nên được đặt tên là Samuddajā.

Lúc bấy giờ, một sơn nhân trú tại thành Ba-la-nại tình cờ đến nơi đây, gặp thái tử, chào hỏi xong thì nhận ra chàng nên sau khi ở lại đó vài ngày, gã nói:

– Tâu Thái tử, tiểu thần xin về thông báo với vương tộc biết ngài đang cư trú nơi đây.

Thế rồi gã ra về kinh thành. Lúc ấy, vua vừa băng hà, các đại thần làm lễ tang cho vua xong liền hội họp nhau lại sau đó bảy ngày, rồi họ quyết định:

– Đất nước không thể một ngày không có vua, nay chúng ta chẳng biết thái tử trú ngụ phương nào, còn sống hay chẳng, để chúng ta đưa vương xa đến đón ngài về làm vua.

Vừa khi ấy, gã sơn nhân về thành, hay tin đó vội đến tìm các đại thần, báo cho họ biết trước khi đến đây, gã đã ở gần thái tử mấy ngày. Các đại thần rất trọng đãi gã rồi đi theo lời gã chỉ dẫn đến gặp thái tử. Sau khi chào hỏi thân tình xong, họ báo cho thái tử biết đức vua vừa băng hà và mời chàng về kế vị, chàng nghĩ thầm: “Ta muốn biết long nữ tính sao đây?” Chàng liền bảo vợ:

– Nay hiền thê, vua cha ta vừa băng hà, các đại thần đã đến giương chiếc lọng hoàng gia lên cho ta, vậy đôi ta cùng đi về trị vì Ba-la-nại rộng mười hai do-tuần, nàng sẽ thành chánh hậu trong số mười sáu ngàn cung phi ấy.

– Phu quân ôi, thiếp không thể nào đi theo chàng được.

– Tại sao vậy?

– Dòng giống của thiếp có thứ độc được giết người và tánh khí lại dễ nóng giận vì chuyện không đâu, huống chi là việc hờn ghen trong cung cấm là chuyện hệ trọng, nếu thiếp gặp việc gì bất bình và chỉ cần đưa mắt giận dữ nhìn, tức thì tia mắt bắn ra như nắm trấu, vì thế thiếp không thể nào đi theo chàng được.

Ngày hôm sau, thái tử lại bảo nàng cùng đi, nàng đáp:

– Thiếp không thể nào đi được, nhưng các con của thiếp lại không phải thuộc nòi giống nāga, chúng là con của chàng, thuộc giống người, nếu chàng còn thương thiếp xin hãy chăm sóc lấy chúng! Nhưng vì chúng quen thói ở nước, rất yếu đuối, chúng sẽ chết nếu đi đường chịu dãi dầu nắng gió, vì vậy thiếp xin làm một con thuyền đổ nước vào để chúng chơi đùa trong nước và khi đến kinh thành, xin chàng cho lệnh đào một hồ nước cạnh hoàng cung cho chúng, như thế chúng mới khỏi khổ được.

Nói xong, nàng cung kính chào già từ thái tử, đi vòng quanh chàng một cách kính cẩn, ôm các con vào lòng, hôn đầu chúng và giao con lại cho chàng, khóc lóc một hồi và biến đi về cảnh giới của nāga. Thái tử cũng nặng trĩu u sầu, giàn giụa nước mắt liền đến gặp các đại thần. Tức thì họ rảy nước thánh lên đầu chàng làm lễ phong vương và thưa:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương trở về thành.

Chàng ra lệnh cho họ đóng thuyền xong đặt lên xe và đổ nước vào:

– Hãy rảy hương hoa đủ màu sắc trên mặt nước vì các con ta tính ưa nước, thích vui đùa trong nước.

Các đại thần tuân lệnh. Khi tân vương về đến thành Ba-la-nại, ngài vào thấy kinh thành trang hoàng rực rỡ liền bước lên lầu an nghỉ, có mười sáu ngàn mỹ nữ ca múa vây quanh cùng các cận thần. Ngài cho mở đại yến trong bảy ngày xong, ra lệnh đào hồ nước cho các vương nhi để các vương nhi chơi đùa suốt ngày.

Nhưng một ngày kia, khi nước được dẫn vào hồ, một con rùa trôi vào theo, rồi không tìm thấy lối ra, nó lội trên mặt nước. Trong khi các vương nhi nô đùa, rùa hiện ra, thò đầu nhìn đám trẻ rồi lại lặn xuống nước. Đám trẻ thấy rùa, sợ hãi chạy đi báo với vua cha:

– Phụ vương ôi, một con dạ-xoa trong hồ làm chúng con sợ quá.

Vua ra lệnh bắt con rùa và một người thả lưới xuống bắt được rùa đem lại trình vua. Khi các vương nhi trông thấy rùa liền la to:

– Phụ vương ôi, nó là con quý.

Vì vua thương yêu con nên nổi giận với con rùa, ra lệnh cho quân hầu trừng trị nó. Một người bảo:

– Nó là quân thù của Đại vương, vậy phải bỏ nó vào cối mà giã nát ra thành cám.

Kẻ khác nói:

– Đem nấu nhừ ra mà ăn.

Kẻ khác nữa lại bảo:

– Đem nó nướng than đi.

Và kẻ khác nói:

– Bỏ nó vào nồi và đốt lò.

Nhưng có một đại thần rất sợ nước, bảo:

– Ném nó xuống vực xoáy của sông Yamunā, nó sẽ bị tiêu hủy hoàn toàn, không còn hình phạt nào nặng hơn nữa.

Rùa nghe thế liền rút cổ lại bảo:

– Nay hiền hữu, ta đã phạm tội gì khiến ông nói đến một hình phạt nặng nề như vậy dành cho ta? Các hình phạt kia ta còn chịu được, chứ hình phạt này thật vô cùng tàn bạo, xin ông đừng nhắc đến nữa.

Khi vua nghe được, ngài bảo:

– Phải hành hình nó như thế.

Và ngài ra lệnh ném nó vào vực xoáy của sông Yamunā, nơi đây nó tìm ra dòng nước đưa nó đến động nāga. Lúc bấy giờ, có vài tiểu long thuộc dòng vua rồng Dhatarattha đang nô đùa trên dòng nước, thấy rùa liền bảo nhau:

– Bắt lấy tên tiểu nô kia!

Rùa nghĩ thầm: “Ta vừa thoát khỏi tay vua xứ Ba-la-nại lại rơi vào tay bọn quỷ nāga hung ác này, làm sao thoát được đây?” Nó liền nghĩ ra một kế, bịa ra một chuyện và bảo chúng:

– Tại sao các long tử thuộc dòng dõi triều đình Vua Dhatarattha lại nói năng như vậy? Ta là linh quy tên Cittacūḷa, sứ giả của vua xứ Ba-la-nại đến yết kiến Vua Dhatarattha, đức vua của ta muốn gả công chúa của ngài cho long vương Dhatarattha, vậy hãy cho ta được bái yết ngài!

Chúng bằng lòng dẫn rùa đến, nhưng khi thấy rùa, vua không đẹp ý, bảo:

– Những kẻ có hình thù tồi tàn như vậy không thể nào làm sứ giả được.

Rùa nghe vậy liền đáp lại, nêu rõ các đức tính của nó cho vua biết:

– Tại sao Đại vương lại cần sứ giả cao như cây dừa làm gì? Hình dạng nhỏ bé hay cao lớn đâu có gì quan trọng? Điều quan trọng là khả năng hoàn thành sứ mạng được giao phó. Tâu Đại vương, vua của chúng thần có rất nhiều sứ giả. Con người thì làm việc trên đất liền, chim chóc thì làm việc trên không, tiểu thần thì ở dưới nước. Vì tiểu thần là kẻ được đức vua sủng ái tên gọi là Cittacūḷa, tiểu thần giữ một chức vụ đặc biệt, xin đừng nhạo báng tiểu thần.

Sau đó, Vua Dhatarattha hỏi rùa tại sao được vua bảo đến đây, nó liền đáp:

– Đức vua của tiểu thần muốn bày tỏ tình thân hữu với mọi đức vua trên cõi Diêm-phù-đề và nay ngài muốn gả Công chúa Samuddajā để tỏ tình thân hữu với long vương Dhatarattha, vậy xin Đại vương chớ chậm trễ, hãy lập tức gửi sứ giả đi cùng tiểu thần định ngày hôn lễ và đón công chúa về!

Vua rồng vô cùng đẹp ý, tán tụng rùa hết lời và ra lệnh cho bốn long tử cùng đi với rùa định ngày hôn lễ sau khi gặp vua kia rồi trở về xứ. Bốn chàng long tử cùng rùa từ giả động chúa rồng nāga. Rùa trông thấy một hồ sen giữa sông Yamunā và kinh thành Ba-la-nại nên muốn trốn đi liền bày kế nói:

– Nay các long tử, đức vua cùng vương hậu, vương tử của ta đã thấy ta xuất hiện trên mặt nước khi ta đến cung vua nên các ngài bảo ta dâng lên vài hoa sen và củ sen, vậy ta phải đi hái đấy. Các long tử hãy để ta đi một lát, hễ không thấy ta về thì cứ đi thẳng vào xin yết kiến đức vua, ta sẽ đến đó để gặp các chàng sau.

Họ tin lời để rùa ra đi, nó liền trốn biệt. Các chàng tiểu long không thấy rùa trở lại tưởng rằng nó đã đến châu vua liền đi đến hoàng cung giả dạng các thanh niên. Đức vua tiếp đãi ân cần và hỏi họ từ đâu đến. Họ bảo:

– Tâu Chúa thượng, từ Dhatarattha.

– Các công tử đến đây có việc gì chăng?

– Tâu Chúa thượng, chúng thần là sứ giả của long vương Dhatarattha, xin kính chúc Chúa thượng ngọc thể an khang và đức vua của chúng thần xin kính tặng Chúa thượng bất cứ bảo vật nào Chúa thượng đẹp ý. Đức vua của chúng thần cũng cầu xin Chúa thượng gả Công chúa Samuddajā để làm vương hậu của ngài.

Rồi họ ngâm vãn kệ thứ nhất để giải thích việc này:

784. Bất kỳ mọi bảo ngọc kim ngân,
Tích trữ trong cung điện chúng thần,
Đều của Đại vương, tùy thánh ý,
Xin trao công chúa đến long quân.

Vua nghe vậy liền đáp vãn kệ thứ hai:

785. Từ trước chẳng hề có thể nhân,
Kết duyên con gái với long quân,
Sánh đôi vậy thật không tương xứng,
Sao trầm nghĩ ra chuyện lạ lùng?

Các chàng tiểu long bảo:

– Nếu như việc kết giao với long vương Dhatarattha không xứng đáng thì tại sao Chúa thượng lại sai sứ thần linh quy Cittacūla đến yết kiến Đại vương của chúng thần và ngỏ lời muốn gả Công chúa Samuddajā? Sau khi đã gửi sứ thần đi như vậy, Chúa thượng lại tỏ ra khinh mạn Đại vương của chúng thần. Nay chúng thần sẽ biết cách đối phó xứng đáng với thái độ khinh mạn ấy.

Nói xong, họ ngâm hai vãn kệ để hăm dọa:

786. Ngài sẽ bỏ thân, hỡi Đại vương,
Ngài và đất nước nghĩa gì chẳng?
Trước cơn thịnh nộ từ long chúa,
Vinh hiển thế nhân sẽ úa tàn.

787. Ngài kẻ yếu hèn, một thế nhân,
Phải suy tàn bởi tính kiêu căng,
Dám khinh Thái tử Yāmuna,
Con của Varuṇa Đại vương.

Vua liền đáp hai vắn kệ:

- 788.** Ta chẳng hề khinh bỉ Đại vương
Dhataratṭha hiền hách danh lòng,
Là vua bộ tộc nāga ấy,
Thừa hưởng vương quyền đứng lẽ chân.
- 789.** Song dù ngài vĩ đại cao sang,
Sát-đế-ly dòng dõi xuất thân,
Chính thống Videha quý tộc,
Ngài đừng mơ tưởng đến công nưong.

Mặc dầu các chàng tiểu long muốn giết vua ngay lập tức bằng một luồng khí độc, họ kịp suy nghĩ lại rằng họ được phái đi đến đây định ngày hôn lễ, cho nên giết vua rồi bỏ đi thì thật không phải lẽ, vì thế họ bảo:

– Chúng thần xin từ tạ để về tâu lại Đại vương của chúng thần rồi!

Rồi họ biến mất. Khi về, vua hỏi xem họ đã rước được công chúa chưa, họ giận dữ đáp:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương lại phái chúng thần đến đó mà chẳng có duyên cớ gì cả. Ví dụ Đại vương muốn giết chúng thần, xin giết ngay tại đây cho thỏa dạ. Vua nước ấy mạ lỵ, phỉ báng Đại vương, tôn con gái mình lên tột đỉnh và kiêu mạn về dòng dõi vương gia.

Cứ thế, họ thêm dệt thêm câu chuyện khiến vua nổi giận, ban lệnh họp quần thần binh lính lại, bảo:

- 790.** Này Kambalassatarā,
Đứng lên báo cho chúng mãng xà,
Tiến đến Ba-la-nại khuấy động,
Song đừng làm hại trẻ hay già.

Các nāga hỏi:

– Nếu không cần phải hại ai cả thì chúng thần đến đó để làm gì?

Vua liền ngâm kệ bảo họ phải làm như sau:

- 791.** Ở trên hồ nước, các hoàng thành,
Đường xá và trên các ngọn cành,
Trên các cung môn cần kết dải,
Đong đưa theo gió nhẹ, treo mình.
- 792.** Mào trắng và thân trắng mãng xà,
Bao quanh thành thị của nhà vua,
Vòng vây ta xiết dần dần chặt,
Dân xứ Kāsi sẽ sợ ta.

Binh lính nāga tuân lệnh.

Bạc Đạo sư diễn tả quang cảnh xảy ra:

- 793.** Nghe xong mệnh lệnh của long vương,
Các rắn đủ màu đã khấn tụng,
Hiện đến Ba-la-nại khuấy động,
Và không giết hại một dân thường.
- 794.** Chúng treo mình khắp các ngôi nhà,
Hồ nước, lối đi, các ngã ba,
Bò tới ngọn cây thông lưng lẳng,
Trườn lên vòm cổng, rướn mình ra.
- 795.** Thấy bao nhiêu rắn hiện buong lơi,
Những phụ nữ la khóc khắp nơi,
Nhìn các rắn giương mào trối dậy,
Hoảng kinh, họ thở dập dồn hơi.
- 796.** Thành Ba-la-nại rồi thê lương,
Đã bị bủa vây rất thảm thương,
Dân chúng giơ tay lên khóc thét,
“Xin ban công chúa cho long vương!”

Trong lúc vua đang ngự trên long sàng, ngài nghe tiếng kêu khóc của các vương phi cùng nhiều thần dân khác và chính ngài cũng sợ chết vì những lời hăm dọa của bốn tiểu long kia nên ngài kêu to ba lần:

– Ta sẽ gả Công chúa Samuddajā cho Vua Dhatarattha!

Khi các chúa nāga nghe được lời ấy liền rút quân lùi lại cách khoảng ba dặm đường và cắm trại tại đó, xây dựng lên một kinh thành giống cảnh của chư thiên rồi cho người mang lễ vật cầu hôn đến nhà vua:

– Xin Hoàng thượng gả công chúa như đã hứa!

Vua nhận lễ vật xong, ra lệnh cho các người đem lễ vật ấy lui về và ngài bảo:

– Các người hãy ra về, trăm sẽ cho các đại thần đưa công chúa đến!

Rồi ngài triệu công chúa lại, đưa nàng lên thượng lầu, mở cửa sổ ra bảo nàng:

– Này Công chúa, con hãy ngắm kinh thành tráng lệ kia, vua nọ cầu hôn con về làm chánh hậu tại đó. Kinh thành ấy không xa mấy, bao giờ con thấy nhớ nhà cứ về thăm cha, nhưng bây giờ con phải vu quy.

Sau đó, vua ra lệnh các cung nữ gọi đầu, trang điểm cho công chúa đủ ngọc ngà trân bảo rồi đưa nàng lên loan xa che kín, có các đại thần hộ tống. Các chúa nāga ngự ra đón nàng theo lễ nghi rất trọng thể. Các đại thần vào thành, tiễn biệt công chúa và ra về được tặng vô số ngọc vàng. Công chúa được đưa vào hoàng cung, đặt nằm trên sàng tọa tráng lệ như cảnh tiên, và các thiếu nữ nāga cải dạng có lưng gù cùng những dị tật khác hầu hạ quanh nàng như thể thị nữ ở cõi nhân gian vậy. Khi công chúa vừa đặt lưng xuống sàng tọa thần tiên này,

nàng cảm thấy êm dịu lạ lùng và ngủ thiếp đi. Vua Dhataratṭha mang nàng biến khỏi chỗ đó cùng với hội chúng rồng về hiện nơi cảnh giới của loài nāga.

Khi công chúa thức dậy và thấy sàng tọa thần tiên trong cung điện xây bằng ngọc vàng châu báu cùng các hoa viên và hồ nước trong cảnh giới nāga chẳng khác nào kinh thành tráng lệ của thiên giới, nàng hỏi các thị nữ gù lưng quanh nàng:

– Kinh thành này thật tuyệt diệu, chẳng giống kinh thành của ta, vậy nó là của ai thế?

– Tâu Lệnh bà, đó là kinh thành thuộc quyền Chúa thượng của Lệnh bà, những kẻ thiếu đức không thể nào hưởng được cảnh vinh quang như thế này. Lệnh bà đã được vinh quang như vậy là nhờ công đức cao trọng của Lệnh bà.

Sau đó, Vua Dhataratṭha ra lệnh đánh chuông trống khắp hoàng thành rộng năm trăm do-tuần, bố cáo với thần dân rằng kẻ nào để lộ tướng rồng tinh cho Công chúa Samuddajā thấy sẽ bị trừng trị ngay. Vì thế, không ai dám xuất hiện nguyên hình trước mặt nàng. Cho nên nàng hưởng cuộc sống rất êm ấm hòa hợp với nhà vua vì tưởng rằng đây là cảnh giới nhân gian.

II. BẠC ĐẠI TRÍ DATTA

Theo thời gian, Vương hậu Dhataratṭha thụ thai và sinh hạ một vương tử có dung mạo khôi ngô nên được đặt tên là Sudassana. Sau đó, bà lại sinh hạ vương tử thứ hai đặt tên là Datta, đó chính là Bồ-tát. Rồi bà lại sinh hạ vương tử thứ ba đặt tên là Subhaga và vương tử thứ tư tên Aritṭha. Dù đã sinh hạ bốn vương tử, bà vẫn chưa hề biết đây là cảnh giới của nāga. Nhưng một ngày kia, có người bảo Aritṭha:

– Vương hậu là giống người chứ không phải giống nāga.

Aritṭha tự nhủ: “Đề ta thử mẹ xem sao.” Một ngày kia, trong lúc đang bú sữa mẹ, vương tử xuất lộ nguyên hình rắn ròng, lấy đuôi ve lưng bàn chân mẹ. Khi hoàng hậu thấy rùng, kinh hãi thét lên ném con xuống đất, lấy móng tay cào vào mắt con đến chảy máu ra. Vua nghe tiếng thét hỏi lý do và khi vua nghe chuyện Aritṭha làm ra, ngài bước đến hăm dọa:

– Đem tên tiểu nô này giết đi!

Công chúa biết bản tính nóng nảy của vua liền lên tiếng bênh vực con:

– Tâu Chúa thượng, thần thiếp đã đánh vào mắt vương nhi rồi, xin Chúa thượng tha tội cho nó.

Vua nghe vương hậu nói vậy liền tha:

– Thôi, trăm còn làm sao được nữa!

Rồi vua tha thứ cho con. Từ ngày đó, hoàng hậu mới biết đây là xứ rồng nāga và cũng từ đó Aritṭha được gọi là Kāṇaritṭha (Độc Nhãn Aritṭha).

Bảy giờ, các vương tử đã đến tuổi trưởng thành. Vua cha giao cho mỗi vị một vương quốc rộng chừng một trăm do-tuần vuông, vinh quang lừng lẫy và mỗi vị có mười sáu ngàn long nữ hầu hạ trong cung đình. Vương quốc của vua cha cũng chỉ một trăm do-tuần vuông. Các vương tử hằng tháng đều đến vấn an đức vua cùng hoàng hậu. Nhưng Bồ-tát cứ nửa tháng lại yết kiến cha mẹ một lần, ngài vẫn thường đưa ra một số vấn đề xảy ra ở cảnh giới nāga và vẫn thường cùng vua cha đến yết kiến Đại Thiên vương Virukkha⁴⁹ (Quảng Mục Thiên vương) để đàm đạo các vấn đề ấy.

Một ngày kia, Đại Thiên vương Virukkha cùng với hội chúng nāga lên cảnh giới chư thiên để chào Thiên chủ Sakka, một vấn đề được đưa ra đàm đạo nhưng không có ai trong chư thiên giải đáp được trừ bậc Đại sĩ lúc ấy đang ngồi trên bảo tọa. Thế rồi, Thiên chủ tỏ lòng hâm mộ ngài, đem tặng hoa quả của cõi trời và bảo ngài:

– Nay Hiền giả Datta, ngài có đại trí lớn như quả địa cầu, từ nay ta xin gọi ngài là Bhūridatta (Đại trí Datta).

Và Thiên chủ ban cho ngài danh hiệu ấy. Sau đó, bậc Đại sĩ bái yết Thiên chủ Sakka để tỏ lòng sùng kính và khi ngài ngắm vẻ huy hoàng tột đỉnh của thiên triều cùng các thiên nữ, ngài mơ ước được lên thiên giới: “Ta còn làm gì được với tướng nāga chuyên ăn ếch nhái này nữa? Thôi ta nguyện trở về thế giới nāga hành trì trai giới, tu tập công hạnh để được sinh lên cõi chư thiên.”

Suy nghĩ như vậy xong, khi trở về xứ nāga, ngài liền xin cha mẹ:

– Tâu Phụ vương cùng Mẫu hậu, con nguyện hành trì trai giới.

– Nay Vương nhi, con hãy hành trì, nhưng trong lúc hành trì con chớ ra ngoài, chỉ ở trong cung điện trống vắng trong xứ rồng ở đây thôi, vì khi ra ngoài loài rồng sẽ gặp sự kinh sợ.

Ngài tuân lệnh, từ đó ngài chỉ trì giới trong hoa viên của cung nāga vắng vẻ. Nhưng các long nữ vẫn cứ châu chực quanh ngài, đàn ca múa hát mãi, khiến ngài nghĩ thầm: “Nếu ta ở đây, việc trì giới của ta sẽ không bao giờ thành tựu, vậy ta sẽ đến cõi nhân gian mà trì giới mới được.” Rồi ngài sợ bị can ngăn nếu đem việc đó tâu với vua cha nên ngài bảo vương phi:

– Nay Vương phi, nếu ta lên cõi nhân gian sẽ đến một cây đa trên bờ sông Yamunā, ta sẽ cuộn mình trên gò mối gần đó mà hành trì giới luật đủ bốn phép,⁵⁰ rồi ta sẽ nằm đó tu tập, trì giới suốt đêm. Sau đó, Vương phi hãy phái thị nữ cứ mỗi buổi sáng, lúc rạng đông, đến trang hoàng hương hoa cho ta rồi đàn ca múa hát rước ta về lại cảnh giới nāga.

Nói xong, ngài cuộn mình trên gò mối và nói to:

– Kẻ nào muốn cứ đến lấy máu thịt, xương da ta đi.

⁴⁹ Bản CST ghi Virūpakka.

⁵⁰ Giới luật đủ bốn phép gồm có không đồ kỵ, không uống rượu, không tham dục và không sân hận.

Rồi ngài trì giới gồm bốn phép, nằm đó với thân tướng chỉ gồm có đầu đuôi mà thôi. Đến rạng sáng ngày hôm sau, các long nữ đến và làm theo lệnh ngài đã ban, đưa ngài về lại cảnh giới nāga như cũ và cứ thế, ngài trì giới trong suốt một thời gian dài.

III. HAI CHA CON BÀ-LA-MÔN SĂN THÚ

Lúc bấy giờ, có một người Bà-la-môn sống ở một làng gần cổng thành Ba-la-nại, thường cùng con trai tên gọi Somadatta vào rừng đặt bẫy chông bắt thú rừng rồi gánh thịt đi bán để sinh nhai. Một ngày kia, gã chẳng bắt được con thú nào dù chỉ là một con tắc kè nhỏ, gã bảo con trai:

– Nếu ta về nhà tay không, mẹ con sẽ giận dữ, vậy ta cứ bắt lấy con gì cũng được.

Thế là gã đi về phía gò mồi nơi Bồ-tát đang tĩnh tọa và quan sát dấu chân nai thường xuống dòng sông Yamunā để uống nước, gã bảo:

– Này con, đây là hang nai, con hãy đợi trong lúc cha bắt nai đến uống nước.

Và gã giương cung đứng dưới gốc cây chờ nai đến. Vào buổi chiều, một con nai đến uống nước liền bị bắn trọng thương, tuy nhiên nó chưa ngã xuống ngay nhưng vì mũi tên làm máu tuôn xối xả, nó liền chạy trốn. Hai cha con đuổi theo đến tận nơi nó ngã xuống, bắt lấy nó rồi ra khỏi rừng đến gốc cây đa thì mặt trời vừa lặn.

– Lúc này đi xa thì bất tiện lắm, thôi ta ở lại đây.

Nói xong, họ đặt con nai qua một bên rồi trèo lên cây, nằm trên cành. Gã Bà-la-môn thức giấc lúc rạng đông, cố nghe ngóng tiếng động của nai, vừa lúc đó các long nữ đến dâng sàng tọa hương hoa cho Bồ-tát. Ngài đã bỏ xác rồng và hiện hình thiên thần mang đủ bảo vật trang nghiêm ngồi trên sàng tọa sức nức hương hoa trong dáng điệu uy nghi của Thiên chủ Sakka.

Các long nữ thành kính cúng dường ngài vô số hương hoa rồi trỗi khúc nhạc thiên đường, đồng thanh ca múa. Khi gã Bà-la-môn nghe tiếng nhạc, gã tự hỏi: “Ai đây, ta phải xem sao mới được!” Gã liền gọi con trai nhưng cậu bé vẫn cứ ngủ say. Gã tự nhủ: “Thôi để nó ngủ. Nó còn mệt thì ta đi một mình vậy.” Gã leo xuống đất tiến đến gần ngài. Các long nữ thấy gã liền động thổ ngay cùng các nhạc khí, trở về cảnh giới nāga, chỉ còn Bồ-tát ngồi lại một mình. Gã Bà-la-môn đứng gần ngài ngâm hai vắn kệ hỏi ngài:

797. Hồng nhân thiếu sinh được thấy đây,
 Là ai, tòa rộng đôi bờ vai,
 Mười ngàn xuân nữ vây quanh nọ,
 Đeo xuyên vàng, xiêm áo đẹp thay?

798. Chàng là ai ở giữa rừng xanh,
 Như lửa thêm dầu mỡ mới tinh,
 Có phải Sakka, thần đại lực,
 Hay là rồng chúa đại oai danh?

Bậc Đại sĩ nghe vậy thâm nghĩ: “Nếu ta bảo là một vị Đế-thích, gã sẽ tin ngay vì gã là một Bà-la-môn, nhưng ta phải nói sự thật. Thế là ngài nói về nòi giống nāga của ngài:

799. Ta chúa nāga, lực đại hùng,
 Với luồng khí độc mạnh vô song,
 Đất nước phồn vinh, dân lớn bé,
 Ta đây nổi giận giết tiêu vong.

800. Mẫu thân ta chính Samuddajā,
 Chúa tể Dhatarattha, thân phụ ta,
 Em của Sudassana thái tử,
 Tên ta là Bhūridatta.

Nhưng khi bậc Đại sĩ nói xong, ngài liền nghĩ: “Bà-la-môn này hung ác, gã có thể phản ta, tiết lộ ta với người bắt răn và thế là cản trở việc trì giới của ta. Vậy ta đưa gã về vương quốc nāga, tiếp đãi gã trọng thể tại đó, như thế ta vẫn không gián đoạn việc hành trì giới luật.” Thế là ngài bảo gã:

– Nay hiền hữu Bà-la-môn, ta muốn tiếp đãi ông thật trọng thể, vậy bây giờ hãy theo ta đến xứ sở nāga đầy lạc thú!

– Tâu Chúa thượng, hạ thần còn một con trai, nếu hạ thần có đi, xin cho con trẻ đi cùng!

Bồ-tát đáp:

– Hiền hữu cứ đi tìm hiền điệt lại đây!

Rồi ngài tả nơi cư ngụ của ngài cho gã biết:

801. Hồ kia u tối thật kinh hoàng,
 Sóng nước không ngừng, bão tố dâng,
 Nhà của ta, thần dân trú ngụ,
 Còn ai dám trái lệnh ta ban.

802. Hãy lặn chìm trong làn sóng xanh,
 Đàn công, đàn hạc gọi đồng thanh,
 Xuống đây tận hưởng niềm hoan lạc,
 Dành sẵn cho ai giữ giới hành.

Gã Bà-la-môn đi tìm con, kể chuyện cho con nghe rồi đem con trở lại và bậc Đại sĩ liền đưa họ đến bên bờ sông Yamunā. Khi đứng đó, ngài bảo:

803. Hiền hữu cùng con chớ ngại ngần,
 Theo lời ta bảo, sống ung dung,

Vinh quang hạnh phúc trong cung điện,
Lạc thú ta ban đủ mọi phần.

Nói xong, bậc Đại sĩ dùng thần lực đưa hai cha con đến cảnh giới nāga, nơi đây họ hưởng cuộc sống thần tiên. Ngài ban cho họ phúc lạc của tiên giới, mỗi người có đến bốn trăm thiếu nữ nāga hầu hạ, vinh hoa phú quý thật không sao kể xiết. Bồ-tát vẫn tinh tấn hành trì giới luật, cứ nửa tháng ngài đi bái yết phụ vương, mẫu hậu và thuyết pháp; còn khi đến thăm gã Bà-la-môn, ngài thường vắn an gã và bảo:

– Hiền hữu cần gì cứ nói cho ta biết, xin cứ hưởng lạc thú, đừng để bất toại điều gì!

Rồi sau khi chào hỏi Somadatta ân cần, ngài trở về tu thất của ngài. Gã Bà-la-môn sau khi sống trong cảnh giới nāga được một năm, do trước đây thiếu tu tập công đức, dần dần cảm thấy không toại ý, chỉ muốn trở về nhân gian. Cảnh giới nāga đối với gã chẳng khác nào địa ngục. Cung điện được trang hoàng lộng lẫy chỉ giống như nhà tù, các cung nữ nāga được điểm trang vàng ngọc cũng tựa như bày quý cái. Gã nghĩ thầm: “Ta chán lắm rồi, để ta hỏi thử xem Somadatta nghĩ sao.” Gã tìm con trai và hỏi:

– Con có được toại nguyện chẳng?

– Làm sao con lại bất mãn được? Cha con ta không nên nghĩ như vậy. Còn thân phụ không toại nguyện chẳng?

– Đúng vậy!

– Tại sao thế?

– Vì ta không gặp được mẹ con cùng anh em con, thôi ta cùng đi về xứ.

Người con bảo không muốn đi về, nhưng vì bị cha nài mãi nên cuối cùng cũng thuận. Gã Bà-la-môn nghĩ thầm: “Con ta đã ưng thuận ra đi, nhưng nếu ta bảo với Hoàng tử Bhūridatta rằng ta không toại nguyện, hoàng tử sẽ ban cho ta thật nhiều ân huệ khác nữa và thế là ta không thể đi về. Mục đích của ta chỉ đạt được bằng một cách này thôi: Ta sẽ tả cảnh huy hoàng của ngài rồi hỏi ngài: ‘Tại sao ngài rời bỏ mọi vinh quang để lên nhân thế hành trì trai giới?’ Khi ngài đáp: ‘Để được lên thiên giới’, ta sẽ bảo ngài: ‘Chúng thần lại càng phải nên tu tập như thế hơn nữa vì chúng thần đã sống bằng nghề sát sinh hại mạng. Thần cũng muốn trở lại trần thế để thăm quyền thuộc xong rồi sẽ xuất gia sống đời khổ hạnh.’ Thế là ngài sẽ phải để ta đi!”

Sau khi quyết định xong, một ngày kia, Bồ-tát đến hỏi thăm gã xem có gì chưa toại ý chẳng, gã liền vội trấn an ngài rằng không có điều gì gã mơ ước mà ngài không ban cho gã, rồi không hề nói gì đến ý định ra đi, trước tiên gã chỉ ngâm kệ tả cảnh phồn vinh thịnh vượng của xứ ngài:

804. Đất bằng trải rộng khắp nơi,
Hoa trắng tagara nở rợp trời,

- Tổ bộ yên chi màu đỏ thắm,
Rừng xanh rực rỡ phủ nền tươi.
- 805.** Đèn đài linh hiển khắp trong rừng,
Hồ lấm thiên nga đắm mắt trần,
Tô điểm lá sen tàn rải rác,
Khác nào các tấm thảm đang nằm.
- 806.** Cung đình ngàn cột trụ nguy nga,
Tiên nữ bao nàng rộn múa ca,
Cột trụ dát toàn châu ngọc quý,
Tứ bề phản chiếu ánh trời xa.
- 807.** Ngài có cung đình thật hiển vinh,
Chính nhờ công đức đã hoàn thành,
Mọi niềm ước nguyện đều viên mãn,
Ngay khi nguyện ước mới thành hình.
- 808.** Ngài chẳng ước mơ điện Ngọc hoàng,
Thiên triều tráng lệ sánh sao ngang,
Cung ngài vinh hiển còn hơn thế,
Với cảnh huy hoàng chiếu ánh quang.

Bậc Đại sĩ đáp:

– Nay hiền hữu Bà-la-môn, đừng nói thế, cảnh vinh quang của ta so với Thiên chủ Sakka chỉ như hạt cải bên cạnh núi Sineru (Tu-di). Chúng ta không bằng được quần thần của ngài nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

- 809.** Ý dẫu tới cao chẳng dám mơ,
Vinh quang ngôi vị của Sakka,
Bốn Thiên vương ở trong triều đại,
Mỗi vị một miền được định ra.

Khi ngài nghe gã lặp lại: “Cung điện của ngài chẳng khác nào cung Thiên chủ Sakka”, ngài đáp:

– Ta đã nghĩ đến chuyện này từ lâu, chính vì ta muốn lên điện Vejayanta (Tối Thắng) mà ta thực hành sự tu tập trai giới.

Rồi ngài ngâm kệ nói rõ tâm nguyện mình:

- 810.** Ta mong tha thiết cảnh cao đường,
Của các bậc tiên thánh vĩnh hằng,
Vì thế ta ngồi trên ổ mối,
Hành trì giới hạnh mãi không ngừng.

Gã Bà-la-môn nghe vậy thâm nghĩ: “Nay ta đã có cơ hội rồi đây”, và với lòng hân hoan, gã ngâm kệ xin phép ngài ra đi:

811. Thần đã cùng con trẻ bắt hươu,
Ngày xưa bôn tẩu chốn rừng sâu,
Bạn bè để lại nhà không biết,
Sống chết thần nay hiện ở đâu.
812. Bhūridatta, thần muốn đi,
Hỡi ngài minh chúa tộc Kāsi,
Chúng thần cất bước thăm lần nữa,
Quyền thuộc thân bằng ở chốn quê.

Bồ-tát đáp:

813. Ta muốn các ngài ở chốn đây,
Cùng ta hưởng hạnh phúc bao ngày,
Nơi nào trên chốn nhân gian ấy,
Ngài thấy bình an giống cảnh này?
814. Nhưng nếu ngài mong ở chốn kia,
Thì ngài hãy hưởng lạc tràn trề,
Rồi sau sẽ già từ đi nhé,
Hạnh phúc ngài mong gặp bạn bè.

Rồi ngài suy nghĩ: “Nếu gã nhờ ta mà có được hạnh phúc chắc gã sẽ không tiết lộ ta với ai đâu, ta sẽ cho gã viên ngọc như ý (ban mọi điều ước).” Ngài liền tặng gã viên ngọc rồi bảo:

815. Kẻ được mang viên bảo ngọc thân,
Ngắm đàn con cháu với gia trang,
La-môn lấy ngọc và đi nhé,
Chẳng có bao giờ gặp bất an.

Gã Bà-la-môn đáp:

816. Hạ thần hiểu rõ những lời ngài,
Ngài thấy thần nay đã lão lai,
Thần sẽ đi theo đời khổ hạnh,
Nghĩa gì lạc thú ở trên đời?

Bồ-tát nói:

817. Nếu ngài chẳng giữ trọn lời thề,
Tìm thú thế nhân lần nữa kia,
Thì hãy đến tìm ta lại nhé,
Ta ban ngài lạc thú tràn trề.

Gã Bà-la-môn đáp:

818. Bhūridatta, cảm tạ muôn vàn,
Ân huệ mà ngài đã phát ban,
Ví thử thần tìm cơ hội tốt,
Sẽ về mong được hưởng hồng ân.

Bạc Đại sĩ thấy rằng gã không còn muốn ở lại đây nữa nên ngài ra lệnh bốn đồng tử nāga dẫn gã trở lại cõi trần.

Bạc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 819.** Bhūridatta lệnh truyền ban:
 Bốn tiểu long thần, hãy bước chân,
 Dem vị La-môn ta ủy thác,
 Dẫn người trở lại chốn người mong.
- 820.** Nghe lời xong, các vị long thần,
 Lập tức lệnh ngài được phục tuân,
 Họ dẫn Bà-la-môn đến chốn,
 Rồi đi để lại gã đơn thân.

Trên đường về, lão Bà-la-môn bảo con:

– Nay Somadatta, ta sẽ giết được con nai chỗ này và con lợn chỗ kia.

Rồi thấy một hồ nước, gã kêu lên:

– Nay Somadatta, xuống tắm đi!

Thế là cả hai cha con cởi hết áo quần thần tiên ra cuộn thành một bó đặt trên bờ, xuống hồ tắm. Lập tức, áo quần biến mất về cảnh giới nāga, chỉ còn bộ áo quần nghèo khổ màu vàng xưa kia của họ mang lên người cùng với cung, tên, giáo hiện ra như ngày xưa ấy.

– Cha ơi, cơ nghiệp tiêu tan hết rồi!

Somadatta kêu gào lên thế. Nhưng cha cậu vội an ủi:

– Đừng lo gì, hễ còn hươu nai trong rừng là ta còn có kế sinh nhai.

Mẹ Somadatta nghe họ về, vội chạy ra đón vào nhà, thiết đãi cơm rượu thỏa thuê. Khi gã Bà-la-môn đã ăn xong và đi ngủ, người mẹ hỏi con:

– Lâu nay hai cha con đi đâu thế?

– Thừa mẹ, cha con và con được vua nāga là Bhūridatta mang đến xứ nāga thần tiên, nhưng vẫn không toại nguyện nên nay lại trở về.

– Thế con có mang về được món châu báu nào không?

– Thừa mẹ, không.

– Thế vị vua đó không cho con món châu báu nào sao?

– Thừa mẹ, Vua Bhūridatta đã tặng cho cha con một viên ngọc ban mọi điều ước, nhưng cha con từ chối.

– Vì có sao?

– Cha con bảo là muốn làm ẩn sĩ tu hành.

– Sao lâu nay đã vớt lại cho ta cả một gánh nặng con cái và đi ở xứ nāga, bây giờ lão đòi làm ẩn sĩ à?

Thế là bà nôi con thịnh nộ, đập vào lưng gã bằng chiếc thìa lâu nay vẫn dùng nó chiên cơm rồi mắng gã xối xả:

– Ông thật là thứ Bà-la-môn ác độc, tại sao ông bảo là sắp đi tu làm ả sĩ và từ chối bấu vật? Rồi tại sao ông còn vác mặt về nhà mà không thực hiện nguyện ước tu hành? Hãy cắt ra khỏi nhà ta ngay!

Nhưng gã bảo vợ:

– Nay hiền thê, xin nàng chớ vội thịnh nộ, hễ còn hươu nai trong rừng là ta còn cấp dưỡng mẹ con nàng.

Thế là ngày hôm sau, gã cùng con trai vào rừng tiếp tục tìm kẻ sinh nhai bằng nghề cũ.

IV. VIÊN NGỌC THẦN VÀ GÃ BẮT RỒNG

Lúc bấy giờ, có một con chim Garuḷa⁵¹ sống trong cây bông vải ở vùng Tuyết Sơn gần đại dương miền Nam, bay lượn trên mặt nước rồi sà xuống vùng Tuyết Sơn chụp lấy đầu của một chúa rồng. Đây là thời kỳ chim Garuḷa chưa biết cách bắt rồng. [Chúng biết cách bắt này trong *Chuyện long vương Paṇḍara*⁵²]. Vì thế, dù đã chụp được đầu rồng mà không làm bắn nước tung tóe, nó lại mang rồng toòng teng đến đỉnh núi Tuyết.

Một Bà-la-môn trước đây là dân xứ Kāśi, sống ẩn dật trên núi này trong một chòi lá, cuối lối đi có mái che là một cây đa lớn nên ban ngày ông vẫn cư ngụ dưới gốc cây. Chim Garuḷa mang rồng đến ngọn cây đa, con rồng cố thoát ra nên cuộn đuôi quanh một cành. Chim Garuḷa không biết việc này, lấy toàn lực bay vút lên trời mang theo cây đa bật gốc. Chim thần mang rồng đến cây bông vải, dùng mỏ phanh bụng rồng ra, ăn hết mỡ rồi ném xác xuống biển.

Cây đa rớt xuống đánh ầm, chim thần không biết vì sao có tiếng động lớn như vậy liền nhìn xuống thấy cây đa, nó tự hỏi: “Cây này ta mang từ đâu lại?” Rồi nhận ra đó là cây đa ở cuối lối đi có mái che của ả sĩ kia, nó suy nghĩ: “Cây đa rất ích lợi cho vị ấy, không biết có tai họa gì giáng xuống cho ta chăng? Ta thử đi hỏi ông xem sao!”

Rồi nó giả dạng làm một tiểu sinh đến gặp ả sĩ trong lúc ông đang đập đất cho bằng phẳng lại. Thế là vương điều đánh lễ ả sĩ xong, ngồi qua một bên, hỏi thăm sự tình như thể nó không biết gì những việc đã xảy ra:

– Cây gì đã mọc ở chỗ ấy?

Vị ả sĩ đáp:

– Một con chim Garuḷa mang một con rồng đi ăn thịt, con rồng quấn đuôi quanh một cành cây để cố trốn thoát, nhưng con chim mạnh quá bay vút lên không làm cây bật gốc theo và đây là nơi cây đã bật lên.

⁵¹ Garuḷa (金翅鳥, Kim Sī điểu): Chim thần Cánh Vàng.

⁵² Xem J. V. 75, *Paṇḍarajātaka* (*Chuyện long vương Paṇḍara*), số §518.

- Thế con chim mắc phải tội gì?
- Nếu nó không biết việc nó làm thì đó chỉ là vô ý thức, không phải tội lỗi.
- Thế còn trường hợp của rồng thì sao?
- Nó không cuộn vào cây với ý định làm hư hại cây, cho nên nó cũng không có tội.

Chim chúa Garuḷa hài lòng với lời giải thích của ả sĩ liền nói:

– Nay hiền hữu, ta chính là vương điều Garuḷa, ta rất hài lòng với lời giải thích vấn đề của ông. Nay ông sống trong rừng này và ta lại biết thần chú Ālambāyana (thần chú bắt rồng rắn) quý vô giá. Ta sẽ tặng nó cho ông để đền đáp công ơn ông đã giải thích cho ta, mong ông nhận nó.

– Ta cũng đã biết nhiều thần chú lắm, hiền hữu cứ an tâm ra đi.

Nhưng chim chúa cứ nài ép mãi cuối cùng cũng nản nỉ được vị ả sĩ nhận lời nên nó trao bùa và chỉ những dược thảo cần thiết rồi tạ từ.

Lúc bấy giờ, ở Ba-la-nại có một Bà-la-môn nghèo khổ nợ nần tứ tung và bị các chủ nợ giày vò mãi, gã tự nhủ: “Sao ta lại cứ sống mãi như thế này? Ta thả vào rừng mà chết còn hơn!” Thế là gã bỏ nhà đi vào rừng, cứ đi như vậy cho đến khi gã đến lều ả sĩ. Gã vào xin ở lại và được ả sĩ vui lòng nhận vì gã siêng năng làm mọi phận sự. Vị ả sĩ tự nhủ: “Gã Bà-la-môn này giúp đỡ ta rất nhiều, vậy ta sẽ cho gã thần chú thiêng mà chim chúa đã cho ta.”

Vì thế, ông bảo gã:

– Nay hiền hữu Bà-la-môn, ta biết thần chú Ālambāyana, ta sẽ cho ông, mong ông nhận lấy.

Gã đáp:

– Hiền hữu hãy an tâm, ta chẳng cần bùa chú gì cả.

Nhưng vị ả sĩ nài ép mãi, cuối cùng cũng thuyết phục gã kia lấy bùa rồi chỉ bảo cho gã những loại cây thuốc cần thiết và cách sử dụng bùa. Gã Bà-la-môn tự nhủ: “Ta đã có kế sinh nhai rồi!” Thế là sau khi ở lại thêm vài ngày, gã lấy có bị chứng phong thấp và sau khi xin vị ả sĩ thứ lỗi, gã kính cẩn từ giã và đi khỏi khu rừng. Qua nhiều chận đường, gã đến bờ sông Yamunā, đi dọc theo đường cái, miệng lầm thầm câu thần chú.

Ngay lúc bấy giờ, cả ngàn tiểu đồng nāga, vốn là thị giả của Bhūridatta đang mang viên bảo châu như ý ấy. Họ đã ra khỏi cảnh giới nāga, ngồi nghỉ chân và đặt bảo ngọc trên một đụn cát, rồi sau khi nô đùa suốt đêm dưới làn nước nhờ ánh sáng tỏa ra từ viên bảo châu ấy, họ mang hết mọi món trang sức lên mình lúc trời mới tảng sáng, thâu hào quang của bảo châu lại và ngồi canh chừng.

Gã Bà-la-môn đến đó ngay lúc gã đang lầm thầm câu thần chú, đám tiểu đồng nghe thần chú hoảng sợ vì tưởng đó là vương điều Garuḷa liền độn thổ về cảnh giới nāga mà quên lấy viên bảo ngọc. Gã Bà-la-môn thấy bảo ngọc liền kêu to:

– Thần chú của ta đã linh nghiệm tức thì.

Gã vui mừng lượm bảo ngọc ra đi. Ngay lúc ấy, gã thợ săn Bà-la-môn đang cùng với Somadatta đi săn nai, chợt thấy viên bảo ngọc trong tay gã kia liền bảo con:

– Đó phải chăng chính là viên bảo ngọc mà Bhūridatta cho ta?

Người con đáp:

– Vâng, chính phải.

– Được, thế thì ta sẽ nói cho gã kia biết những tính tai hại của viên ngọc rồi đánh lừa gã để dành viên ngọc cho ta.

– Thừa cha, trước kia cha đã không lấy viên bảo ngọc khi Bhūridatta tặng cha, nay vì Bà-la-môn này chắc chắn sẽ dối gạt được cha cho mà xem. Cha nên yên lặng thì hơn.

– Cứ thế, con sẽ thấy ai dối gạt được ai hay nhất, gã ấy hay cha.

Rồi gã tiến đến gần Ālambāyana và bảo gã kia:

821. Từ đâu ông có bảo châu này,
Của báu tốt lành, như ý đây,
Viên đá có nhiều đặc tính quý,
Mà ông nắm giữ ở trên tay?

Ālambāyana đáp vắn kệ sau:

822. Sáng nay ta rảo bước trên đường,
Ta thấy ngọc ngay chỗ nó nằm,
Vệ sĩ mắt hồng ngàn đũa chạy,
Để cho ta được miếng mồi ngon.

Gã thợ săn Bà-la-môn muốn đánh lừa gã kia liền nói thêm ba vắn kệ kể những tai hại của viên bảo ngọc vì muốn giành phần cho mình:

823. Nếu được nâng niu, quý trọng nhiều,
Để dành cẩn thận, hoặc thường đeo,
Ngọc làm toại nguyện cho người chủ,
Dù lớn bao nhiêu đủ mọi điều.

824. Với người bất cẩn, chẳng lưu tâm,
Lúc bảo quản hay đeo ở thân,
Khi ấy bảo châu thành đá cuội,
Và mang tổn thất bởi sai lầm.

825. Nay ông chẳng có việc cần dùng,
Cũng chẳng có tài giữ bảo châu,
Vậy hãy đưa ta và đổi lấy,
Vàng ròng đây chẵn một trăm cân.

Ālambāyana liền đáp kệ:

- 826.** Ta sẽ không đem bán bảo châu,
Dù bò hay ngọc quý ông trao,
Các điền của nó ta tường tận,
Nó chẳng bao giờ bán được đâu.

Gã Bà-la-môn nói:

- 827.** Nếu ngọc hay bò chẳng thể mua,
Ngọc kia ông có được bấy giờ,
Giá nào ông bán ra viên ngọc,
Hãy nói ta nghe rõ thật thà.

Ālambāyana đáp:

- 828.** Ai bảo cho ta biết chốn nào,
Tìm ra rồng chúa đại anh hào,
Ta cho người ấy ngay viên ngọc,
Tỏa sáng bốn bề rực rỡ sao.

Gã Bà-la-môn hỏi:

- 829.** Có lẽ nào đây chính điều vương,
Hôm nay giả dạng Bà-la-môn,
Đi tìm dấu vết săn môi thịt,
Để bắt long vương lấy món ngon?

Ālambāyana đáp:

- 830.** Ta quả thật không phải điều vương,
Mắt ta chẳng thấy bóng chim thần,
Danh y, đạo sĩ là ta đấy,
Nọc rắn rồng là việc sở trường.

Gã Bà-la-môn nói:

- 831.** Phải chăng ông có lực thần nào,
Hay đã học hành kỹ thuật cao,
Việc ấy khiến ông không nhiễm độc,
Khi cầm nọc rắn giết người sao?

Gã miêu tả năng lực của mình như sau:

- 832.** Kosiya ẩn sĩ chốn rừng hoang,
Khổ hạnh dài lâu giữ vững vàng,
Chim chúa sau cùng đem tiết lộ,
Cho ngài bùa chú bắt long thần.
- 833.** Bạc Thánh tối cao sống ẩn thân,
Trên sườn núi nọ thật cô đơn,
Nhiệt tình hầu hạ ngài, ta đã
Phụng sự ngày đêm chẳng nhọc nhằn.

834. Vì vậy, cuối cùng để thưởng công,
Cho ta hầu hạ những năm ròng,
Đạo sư khả kính ta tôn quý,
Tiết lộ cho ta mật chú thần.

835. Tin vào chú thuật vạn quyền năng,
Ta chẳng sợ rỗng rần cực hung,
Những nọc giết người, ta giải hết,
Ta là Trí giả Ālambāyana.

Trong khi nghe gã này nói, gã thợ săn Bà-la-môn nghĩ thầm: “Gã Ālambāyana này sẵn sàng trao bảo ngọc cho kẻ nào chỉ chỗ chúa rồng, vậy ta chỉ chỗ của long vương Bhūridatta cho gã rồi lấy bảo ngọc.” Thế là gã ngâm kệ hỏi ý kiến con trai:

836. Con hỡi, ta tranh lấy bảo châu,
Soma, ta hãy vội đi mau,
Đừng làm lỡ vận như người đại,
Đập đĩa cơm bằng gậy bấy lâu.

Somadatta đáp:

837. Mọi hiển vinh ngài đã phát ban,
Khi cha đi đến ở tha phương,
Nay cha trở mặt và ăn cướp,
Như vậy là đền nghĩa đáp ân?

838. Ví dù cha muốn được giàu sang,
Đi tìm như trước ở long vương,
Xin ngài, ngài sẽ vui lòng tặng,
Mọi thứ cha mong ước thỏa lòng.

Gã Bà-la-môn đáp:

839. Những thứ được do bởi vận may,
Chén cơm nằm sẵn ở trong tay,
Ăn ngay đừng hỏi gì thêm nữa,
Con sẽ mất phần tặng thưởng này.

Somadatta nói:

840. Đất này đang há miệng chờ trông,
Lửa địa ngục nung nấu cực nồng,
Chờ đợi sau cùng người phản bội,
Hay cơn đói lửa xé tan lòng,
Sống tàn, chết dở, con người ấy,
Kẻ dối lừa ngay bạn chí thân.

841. Hãy đi cầu Bhūridatta,
Nếu muốn giàu sang, ngài sẽ cho,

Điều nguyện ước hằng mong thỏa mãn,
 Song cha gây tội lỗi này ra,
 Con e tội ấy không lâu sẽ
 Phát lộ cha ngay, thật đấy mà!

Gã Bà-la-môn đáp:

842. Song nhờ tể lễ thật cao sang,
 Tội ác La-môn có thể mang,
 Tuy thế về sau đều rửa sạch,
 Chúng ta dăng đại lễ đấng đàn,
 Như vậy sẽ được làm thanh tịnh,
 Giải thoát tội kia thật dễ dàng!

Somadatta nói:

843. Cha hãy ngưng lời nói xấu xa,
 Con không ở lại nữa bây giờ,
 Lúc này chính lúc con từ biệt,
 Con chẳng cùng cha bước nữa mà,
 Vì sự đề hèn này cầu xé,
 Đang làm thối nát trái tim cha.

Nói xong, chàng trai hiền đức kia bác bỏ lời cha dụ dỗ, hét vang lên bằng giọng sang sảng làm chấn động cả chư thần quanh vùng ấy:

– Ta không thể đồng hành với một kẻ tội lỗi như thế được!

Rồi chàng bỏ đi ngay trong khi người cha đứng lặng nhìn theo, sau đó chàng đi sâu vào rừng Tuyết Sơn, trở thành một ẩn sĩ, tu tập rồi chứng đắc các thắng trí cùng các thiền chứng, sau được sinh lên Phạm thiên giới.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua các vần kệ sau:

844. Chàng trai cao thượng ấy Soma,
 Khiến trách cha đang đứng phía xa,
 Làm rung động chư thần chốn ấy,
 Rồi nhanh chân bước khỏi rừng già.

Gã thợ săn Bà-la-môn nghĩ thầm: “Soma đi đâu nếu không phải là về nhà?” Rồi khi thấy Ālambāyana hơi phật ý, gã vội báo:

– Này Ālambāyana đừng ngại gì, ta sẽ đưa ông đến chỗ long vương Bhūridatta.

Thế là gã đem Ālambāyana đến nơi chúa rồng đang trì giới và khi thấy ngài đang nằm cuộn tròn trên gò mối, đầu thu lại, gã đứng tránh sang một bên, đưa tay chỉ ngài và đọc kệ sau:

845. Bắt chúa rồng nơi chốn nó nằm,
Chụp ngay viên ngọc quý muôn vàn,
Hào quang đỏ rực màu tươi sáng,
Như mào miệng trên chóp phượng hoàng.

846. Hãy nhìn gò mối ở đằng xa,
Rồng chúa nằm kia, trải rộng ra,
Không có ý gì lo sợ cả,
Giăng mình như một đồng bông tơ,
Nơi kia bắt lấy ngay rồng ấy,
Trước lúc nó hay bạn đến mà.

Bậc Đại sĩ mở mắt ra nhìn gã thợ săn Bà-la-môn kia, ngài suy nghĩ: “Việc này sẽ gây tai hại cho ngày trai giới của ta, ta đã đem gã ấy đến cung thất nāga rồi cho gã hưởng vinh hoa tột bậc. Gã không nhận viên bảo ngọc ta ban cho, thế mà giờ đây gã trở lại với người bắt rắn. Tuy nhiên, nếu ta phẫn nộ với gã vì việc làm phản trắc này thì công đức của ta bị suy giảm. Giờ đây bốn phận tội cao của ta là giữ ngày trai giới đủ bốn phép không được vi phạm, cho nên, ví dụ gã Ālambāyana kia có phân thân ta ra từng mảnh hay đem ta nấu chín hoặc lấy xiên đâm ta và nướng đi, ta cũng không được căm hận gã về những việc ấy.”

Thế rồi, ngài nhắm mắt lại, quyết giữ nhất tâm cao độ, ngài đặt đầu giữa đám mào rồi nằm hoàn toàn bất động.

V. BẬC ĐẠI TRÍ DATTA BỊ BẮT

Lúc ấy, gã thợ săn Bà-la-môn kêu lên:

– Này Ālambāyana, ông hãy bắt rồng này ngay rồi trao viên ngọc cho ta!

Gã Ālambāyana quá sung sướng khi nhìn thấy rồng chúa nên không chút lưu tâm đến viên bảo ngọc nữa, gã ném ngọc vào tay gã thợ săn bảo:

– Này hiền hữu Bà-la-môn, lấy ngọc đi!

Nhưng viên ngọc tuột ra khỏi tay gã và khi vừa rớt xuống đất liền biến mất vào cảnh giới nāga. Gã Bà-la-môn thấy mình mất hết cả ba thứ: Viên bảo châu, tình thân hữu với Bhūridatta và cả con trai nữa. Gã vừa đi về nhà vừa lớn tiếng khóc than:

– Ta mất hết cả rồi, ta đã không nghe lời con ta.

Còn gã Ālambāyana trước hết bôi khắp thân mình các loại thuốc thần, nhai một chút thuốc rồi phun lên mình, vừa đọc thần chú vừa đến cạnh Bò-tát, nắm lấy đuôi kéo đầu ghì thật chặt, mở miệng ngài ra, phun vào nước miếng sau khi nhai thuốc. Rồng chúa nāga bản tính thuần tịnh không để cho mình nổi sân hận vì sợ vi phạm giới luật công hạnh, ngài cũng không trừng to mắt.

Sau khi gã dùng thuốc và đọc thần chú, gã nắm đuôi rồng, đầu dốc ngược, lắc mạnh cho rồng phun những thức ăn đã nuốt vào. Gã căng rồng nằm dài trên mặt đất rồi lấy tay đè mạnh thân rồng như thể đè chiếc gối. Gã chà xát cả bộ xương ngài, nắm đuôi, nện ngài như thể đập tấm vải. Bạc Đại sĩ không phần nộ mặc dù ngài đang chịu đau đớn như vậy.

Bạc Đạo sư diễn tả việc này qua kệ sau:

847. Nhờ các thuốc men đủ lực thần,
Đọc thần chú có ác công năng,
Gã cầm rồng chúa không kinh hãi,
Và bắt buộc ngài phải phục tuân.

Sau khi làm bạc Đại sĩ tơi tả như vậy, gã sửa soạn một cái giỏ đựng cây leo bỏ ngài vào, lúc đầu thân mình đồ sộ của ngài không vào lọt trong giỏ, nhưng sau khi đá vài cái, gã cố nhét ngài vào. Rồi đến một làng kia, gã đặt giỏ giữa làng rao to:

– Ai muốn xem rồng chúa thì ra mà xem!

Cả làng đổ xô ra vây quanh. Gã liền gọi chúa rồng ra. Bạc Đại sĩ suy nghĩ: “Tốt hơn hết là hôm nay ta nên múa để làm hài lòng dân chúng, có lẽ gã sẽ kiếm được nhiều tiền sẽ thả ta ra, thôi gã bảo ta làm gì ta cũng làm cả.” Thế là khi gã Ālambāyana đem ngài ra khỏi giỏ, bảo ngài phình ra, ngài liền phình lớn thân, khi gã bảo ngài thu nhỏ hay cuộn tròn hiện giáp sắt, hoặc hiện ra một mào, hai mào, ba mào, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi mào, một trăm mào, hoặc hiện mình cao thấp, hữu hình, vô hình, hoặc biến thành xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, hoặc phun nước hay phun khói cùng nước, ngài đều hiện đủ mọi hình dáng như gã ra lệnh và biểu diễn đủ tài nhảy múa. Người đứng xem không ai cầm được nước mắt và dân chúng đem tiền, vàng bạc, áo quần, đồ trang sức đủ loại nên chỉ trong làng ấy gã đã kiếm được cả một ngàn đồng tiền.

Lúc bấy giờ, thoát đầu mới bắt được bạc Đại sĩ, gã có ý định thả ngài ra sau khi đã kiếm được một ngàn đồng tiền, nhưng khi đã kiếm được nhiều như thế, gã lại nói:

– Chỉ trong một ngôi làng nhỏ mà ta đã kiếm được chừng này, huống hồ đến kinh thành ta còn kiếm được bao nhiêu nữa.

Thế là sau khi để gia quyến ở lại đó, gã trang hoàng một cái giỏ bằng ngọc vàng thật đẹp, ném bạc Đại sĩ vào trong, gã lên một chiếc xe ngựa sang trọng cùng một đoàn tùy tùng rầm rộ. Cứ đến mỗi làng mạc, thị trấn, gã đều bắt ngài nhảy múa, sau cùng họ đến thành Ba-la-nại. Gã cho rồng chúa ăn mật và hạt ngũ cốc rang, lại giết ếch nhái cho ngài ăn, nhưng ngài không ăn vì sợ gã không chịu thả ngài ra. Nhưng dù ngài không ăn gì, gã vẫn bắt ngài diễn trò, bắt đầu tại bốn làng gần cổng thành, họ ở lại đó cả tháng rồng.

Rồi vào ngày rằm trai giới, gã tâu trình với vua rằng gã sẽ cho biểu diễn tài múa rồng hầu vua ngự lãm. Vì thế, vua ban lệnh bằng một hời trống cho dân chúng tụ tập lại đông đủ và những tầng ghé sân khấu được dựng lên trước sân châu.

VI. BẠC ĐẠI TRÍ DATTA ĐƯỢC GIẢI CỨU

Nhưng vào ngày Bò-tát bị Ālambāyana bắt, mẹ của Bò-tát nằm mơ thấy một người da đen mắt đỏ vung kiếm cắt tay bà mang đi, máu chảy ròng ròng. Bà kinh hoàng tỉnh giấc, sờ tay phải mới biết mình nằm mơ. Rồi bà suy nghĩ: “Ta đã thấy một giấc mơ hãi hùng, nó báo trước một tai họa nào đó sắp xảy ra hoặc cho bốn con ta, hoặc cho Đại vương Dhātaraṭṭha, hoặc cho chính ta.”

Nhưng lập tức bà liên tưởng ngay đến Bò-tát: “Hiện nay tất cả các con ta đều ở cảnh giới nāga trừ Bhūridatta lên cõi nhân gian quyết tâm hành trì giới luật với lời nguyện giữ ngày trai giới nên ta lo lắng không biết có kẻ bắt rắn hay chim Garuḷa nào bắt con ta chăng.”

Bà cứ băn khoăn mãi về ngài như thế, nửa tháng trôi qua, bà rất u sầu, tự nghĩ: “Con ta không thể nào sống xa ta trong nửa tháng được, chắc có tai nạn gì xảy ra cho con ta rồi.” Một tháng trôi qua không biết bao nhiêu lệ sầu đã tuôn ra từ mắt bà trong cơn đau buồn ấy, bà cứ ngồi nhìn con đường ngài thường trở về nhà, nói không ngớt:

– Chắc chắn bây giờ con ta phải trở về nhà, chắc chắn bây giờ con ta phải trở về nhà!

Lúc ấy, Thái tử Sudassana cùng một đoàn tùy tùng đông đảo đến yết kiến phụ vương và mẫu hậu sau một tháng xa cách. Sau khi để đoàn tùy tùng đứng ngoài điện, chàng bước lên nội cung đánh lễ mẹ xong, đứng sang một bên, nhưng vì đang lo buồn chuyện Bhūridatta, bà không nói với chàng một lời nào cả. Chàng nghĩ thầm: “Trước kia, bất cứ khi nào ta về thăm mẹ, mẹ ta đều vui mừng tiếp đón ân cần niềm nở, thế sao hôm nay mẹ ta lại buồn thảm quá như vậy, vì có gì?” Thế là chàng hỏi mẹ:

848. Mẹ thấy con về đủ chiến công,
Mọi điều ước nguyện đã vuông tròn,
Tuy nhiên chẳng tỏ bày vui vẻ,
Khuôn mặt mẹ đầy vẻ tối sầm.

849. Như hoa sen được hái thô sơ,
Rũ xuống trong tay, chóng héo khô,
Có phải đây là cách mẹ đón,
Khi con trở lại tự phương xa?

Nghe hỏi vậy mà bà không nói gì. Sudassana nghĩ: “Không biết có ai làm cho mẹ giận hay đau lòng gì không?” Chàng ngâm kệ khác hỏi mẹ thêm:

850. Có kẻ nào la mắng mẹ không,
Hay là mẹ khổ não trong lòng,
Khiến cho mẹ mặt mày u ám,
Khi mẹ thấy con trở lại chẳng?

Bà mẹ đáp như sau:

851. Mẹ đã thấy con ác mộng vậy,
Cách đây một tháng đúng hôm nay,
Một người đến cắt lia tay phải,
Khi mẹ nằm sàng tọa ngủ say,
Rồi nó kéo đi tay vấy máu,
Lệ ta chẳng cản được người này.

852. Tràn ngập lòng ta nỗi hãi hùng,
Từ khi thấy cảnh tượng hung tàn,
Đêm ngày ta chẳng hề hay biết,
Một phút mừng vui hoặc lạc an.

Nói xong, bà lớn tiếng khóc than:

– Ta không biết con yêu quý của ta giờ đây ở đâu, chắc lại có tai họa gì xảy ra cho em con rồi.

Và bà nói to lên:

853. Vương nhi, bao mỹ nữ thanh xuân,
Ngày trước thường kiêu hãnh kẻ gần,
Trang điểm lười vàng, tóc óng ả,
Datta con hỡi, vắng long quân!

854. Quanh chàng bao chiến sĩ oai hùng,
Lẫm liệt tuốt gươm, các hạ thần,
Như khóm *kaṇikāra* hoa chói sáng,
Ôi! Ta tìm kiếm đã hoài công!

855. Ta phải đi theo dấu vết chân,
Tìm nơi chàng đã định nương thân,
Hoàn thành nguyện ước đời tu sĩ,
Và tự biết chàng có vạ an.

Nói xong, bà cùng các thị vệ của chàng và các cung nữ của bà đi ra ngoài. Lúc bấy giờ, các vương phi của *Bhūridatta* không thấy ngài trên gò mối liền nghĩ rằng ngài về thăm mẹ nên họ không lo lắng, nhưng khi được tin bà đang khóc lóc vì không thấy con đâu, họ đều chạy ra đón bà và quỳ xuống chân bà đồng lớn tiếng kêu than:

– Ôi Mẫu hậu, cả tháng nay chúng thần thiếp chưa gặp đức phu quân.

Bậc Đạo sư diễn tả lại cảnh ấy như sau:

- 856.** Các vương phi của vị long vương,
Nhìn mẫu hậu đang bước đến gần,
Họ khóc than vô cùng thảm thiết,
Và dang tay trước mặt bà hoàng.
- 857.** “Long quân danh tiếng Bhūridatta,
Đi vắng nơi đâu một tháng qua,
Sống thác, chúng thần không thể biết,
Trong lòng tuyệt vọng, nói sao giờ.”

Mẹ của Bhūridatta cùng các vương phi than khóc ở giữa đường rồi cùng nhau bước vào cung, nỗi sầu khổ của bà tuôn ra không nguôi khi bà nhìn thấy sảng tọa của con.

- 858.** Giống như chim mẹ quá đơn côi,
Nhìn tổ vắng, con bị giết rồi,
Cũng vậy sầu dâng hoài dạ mẹ,
Bhūridatta bật tấm hơi.
- 859.** Giống chim ó biển quá đơn côi,
Nhìn tổ vắng, con bị giết rồi,
Cũng vậy sầu dâng hoài dạ mẹ,
Bhūridatta bật tấm hơi.
- 860.** Và giống như con ngỗng sắc hung,
Nơi hồ nhỏ cạn nước khô khan,
Cũng vậy sầu dâng hoài dạ mẹ,
Bhūridatta vẫn bật tấm.
- 861.** Thảm nơi dạ mẹ nỗi bi thương,
Thieu đốt lửa đang nóng đỏ bùng,
Như thể lò rèn của chú thợ,
Ngoài không thấy cháy, trong hừng hừng.

Trong lúc bà than khóc như vậy, cung thất của Bhūridatta vang dội lên một âm thanh như tiếng biển cả đang động. Không một ai có thể đứng yên. Cả cung thất như rừng cây sāla bị rung chuyển trong cơn bão thổi từ dãy núi Yugandhara.

Bậc Đạo sư diễn tả quang cảnh như sau:

- 862.** Như sāla ngã dưới cơn dông,
Cành lá gãy lìa, rễ bật tung,
Cũng vậy vợ con và mẹ nữa,
Nằm trong nhà vắng vẻ tan hoang.

Cả hai hoàng đệ Ariṭṭha và Subhaga đến phụng dưỡng cha mẹ, nghe tiếng động này vội chạy vào cung của Bhūridatta và trấn an mẫu thân.

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh ấy như sau:

863. Ariṭṭha với Subhaga,
Nôn nóng đến an ủi mẹ già,
Nghe tiếng khóc than rên thảm thiết,
Tại nhà của Bhūridatta.

864. Xin mẹ an lòng, dứt khóc than,
Đây là số phận của trần gian,
Mọi loài đều phải qua sinh tử,
Quy luật vô thường vạn vật mang.

Samuddajā đáp:

865. Con ơi, mẹ biết luật rành rành,
Đây số phận muôn loại chúng sinh,
Nhưng mẹ muộn sâu, tâm chấn động,
Khi không nhìn thấy Bhūridatta.

866. Quả thật, nếu không thấy được con,
Bảo châu đem hỷ lạc tâm hồn,
Bhūridatta Đại trí thì ta sẽ,
Kết liễu đêm nay cuộc sống buồn!

Các vương tử vội báo:

867. Đừng quá sầu bi, hỡi mẹ hiền,
Hãy làm dịu bớt nỗi u phiền,
Chúng con sẽ đón về vương đệ,
Xuyên suốt qua toàn cõi đất liền,
Ở khắp mọi nơi và mọi hướng,
Chúng con theo dõi vết chân em.

868. Băng qua đồi núi hoặc đồng bằng,
Thị trấn và khắp các xóm làng,
Cho đến khi tìm ra tiểu đệ,
Chỉ trong độ khoảng mười ngày đường,
Chúng con xin hứa cùng hiền mẫu,
Đem tiểu đệ về được vạn an.

Lúc đó, Sudassana suy nghĩ: “Nếu cả ba anh em ta cùng đi về một hướng e rằng chậm trễ mất, vậy chúng ta phải đi về ba xứ khác nhau: Một lên cõi thiên thần, một đến Tuyết Sơn, một lên cõi nhân gian. Nhưng nếu Kāṇarīṭṭha lên cõi nhân gian, em ta sẽ đốt hết làng xóm, thị trấn nào mà em ta tìm ra được Bhūridatta vì em ta bản tính độc ác, không nên để em ta lên đó.”

Thế là chàng bảo em:

– Vương đệ Aritṭha, hãy lên cõi trời, xem có phải chăng Thiên chủ triệu vương đệ Bhūridatta để thuyết pháp cho các ngài thì hãy đưa vương đệ trở về.

Chàng lại bảo Subhaga:

– Vương đệ, hãy lên Tuyết Sơn tìm Bhūridatta trong cả năm con sông và đem về đây.

Còn chàng quyết định phần mình lên cõi nhân gian. Chàng suy nghĩ: “Nếu ta giả dạng kim đồng, dân chúng sẽ phỉ báng ta, thôi ta phải giả dạng một ả sĩ vì các vị khổ hạnh thường được người đời quý trọng, niềm nở chào đón.” Thế là chàng cải trang làm một vị ả sĩ khổ hạnh, từ giả mẹ ra đi.

Lúc bấy giờ, Bò-tát có một cô em gái khác mẹ, tên gọi Accimukhī, rất yêu thương Bò-tát. Khi nàng thấy Sudassana ra đi, nàng bảo:

– Vương huynh ôi, em rất lo ngại, cho em đi với!

Chàng đáp:

– Hiền muội, hiền muội không thể đi với ta được vì ta đã cải trang làm ả sĩ rồi.

– Thế thì tiểu muội xin biến thành con ếch nhỏ nằm trong mớ tóc bện lại của vương huynh.

Chàng ưng thuận, thế là nàng biến thành ếch con nằm trong mớ tóc bện lại của chàng. Sudassana quyết đi tìm em ngay từ manh mối đầu cho nên chàng hỏi vương phi xem vương đệ hành trì trai giới ở đâu để đi ngay đến đó. Khi chàng thấy vết máu ở nơi Bò-tát bị Ālambāyana bắt và nơi Ālambāyana đã làm giỏ cây leo để đựng ngài, chàng chắc chắn rằng Bò-tát đã bị người bắt rắn mang đi nên lòng chàng nặng trĩu u sầu, mắt nhắm lệ đi theo dấu chân Ālambāyana.

Khi chàng đến ngôi làng đầu tiên Bò-tát biểu diễn tài múa, chàng hỏi dân chúng xem có phải một người bắt rắn đã diễn trò với một con rồng như vậy chăng.

– Đúng vậy, cách đây một tháng, Ālambāyana đã diễn trò như vậy.

– Thế gã có kiếm được gì lợi chăng?

– Gã kiếm được một ngàn đồng tiền chi nội nơi này.

– Thế bây giờ gã đi đâu?

– Gã đã đi đến làng nọ rồi.

Chàng lại ra đi, vừa đi vừa hỏi đường, cuối cùng chàng đến cung môn. Ngay lúc ấy, Ālambāyana đã đến nơi, tắm rửa, xức dầu thơm xong, mặc áo dài sang trọng rồi bảo người cung môn mang giỏ đựng rồng được trang hoàng vàng ngọc ấy ra. Dân chúng tụ tập rất đông, một chiếc cũi đặt sẵn dành cho vua và trong khi còn ở trong cung, vua đã truyền lệnh:

– Trẫm sắp giá áo, hãy bảo long vương diễn trò đi!

Lúc ấy, gã Ālambāyana đặt cái giỏ dính châu ngọc ấy trên một tấm thảm sắc sỡ đủ màu, ra dấu hiệu bảo:

– Ròng chúa, ra đây!

Sudassana đang đứng trong đám đông lúc bậc Đại sĩ ngẩng đầu lên nhìn quanh dân chúng. Thời bấy giờ, loài nāga nhìn đám người vây quanh vì hai lý do: Một là để xem có chim Garuḷa nguy hại nào, hay là có người thân nào không. Nếu thấy chim Garuḷa thì chúng sẽ không múa vì sợ hãi, còn nếu có người thân nào thì chúng cũng không múa vì hổ thẹn.

Trong lúc nhìn quanh như thế, bậc Đại sĩ thấy anh mình trong đám đông liền cố ngăn dòng lệ đang tràn mi và bò ra khỏi giỏ, tiến đến anh mình. Đám đông thấy ngài đến gần, hoảng sợ bỏ chạy, chỉ còn lại một mình Sudassana, vì thế ngài đến gần anh, đặt đầu lên chân anh và khóc, Sudassana cũng khóc theo. Khóc xong, bậc Đại sĩ trở về chỗ và bò vào giỏ như cũ.

Ālambāyana nhủ thầm: “Chắc rồng này đã cắn ả sĩ kia, vậy ta phải an ủi vị đó mới được.” Gã đến gần chàng và bảo:

869. Ròng vừa tuột khỏi bàn tay,
Chụp lấy chân ngài thật mạnh thay,
Nó cắn ngài chưa? Xin chớ sợ,
Không gì độc hại nọc rồng này.

Sudassana muốn nói chuyện với gã, vì vậy chàng đáp:

870. Ròng của ngài không thể hại ta,
Ta đây xứng hợp với rồng mà,
Hãy tìm khắp chốn, ngài không thấy,
Một kẻ như rồng rắn giống ta.

Ālambāyana không biết chàng là ai, vì vậy gã nổi giận nói:

871. Gã này giả dạng Bà-la-môn,
Thử thách lão đòi chuyện thiệt hơn,
Tất cả đám đông nghe lão nói,
Xử cho hai phía thật công bằng.

Sudassana liền đáp kệ:

872. Vô địch của ta chính nhái con,
Ròng kia vô địch của Tôn ông,
Hãy đem đánh cuộc năm ngàn chắn,
Để bọn chúng ta trợ lực hùng.

Ālambāyana bắt bẻ:

873. Ta giàu phương tiện thật cao sang,
Mạt vận ông quê kệch xó làng,
Ai người làm chứng phe ông đó,
Và số tiền đâu đặt xuống bàn?

874. Có phần bảo đảm của ta đây,
Tiền cuộc, nếu ta mất vận may,

Năm ngàn đồng sẽ nêu uy lực,
Việc thử thách kia, đáp ứng ngay.

Sudassana nghe vậy liền bảo:

– Nào ta thử trở tài để được năm ngàn đồng tiền!

Và chàng không nao núng bước vào cung vua, yết kiến đức vua chính là
cửu phụ (cậu) của chàng và ngâm kệ:

875. Muôn tâu Chúa thượng, nghe lời thần,
Đừng bỏ dịp may hưởng phước phần,
Mong Chúa thượng vì thần bảo chứng,
Đem ra đánh cuộc giá năm ngàn!

Vua nghĩ thầm: “Ăn sĩ này đòi một số tiền quá lớn, thế là nghĩa gì?” Vì thế,
ngài liền đáp:

876. Thân phụ ngài trao lại nợ đời,
Hay là món nợ của riêng ngài,
Khiến ngài phải đến đây đòi trả,
Một món nợ nghe thật lạ tai?

Sudassana ngâm hai vần kệ:

877. Ālam muốn cuộc với long vương,
Đánh bại hạ thần lập chiến công,
Thần chỉ có đây con nhái bén,
Phá tan kiêu mạn Bà-la-môn.

878. Chúa thượng, xin ngài hãy giáng lâm,
Ngự du cùng với đoàn tùy tùng,
Và nhìn chiến cuộc nơi này nhé,
Đang đợi gã kia đấu với thần.

Vua ưng thuận ra đi cùng với vị ăn sĩ. Khi Ālambāyana nhìn thấy vua, gã
liền nghĩ: “Ăn sĩ này kéo được nhà vua vào phe mình, chắc phải là thân hữu của
vương gia rồi.” Gã bỗng sinh ra sợ hãi, vội chạy theo chàng và nói:

879. Ta chẳng muốn đâu hạ nhục ngài,
Ta không một chút muốn khoe tài,
Nhưng ngài khinh thị rỗng này quá,
Kiêu mạn sẽ làm thất bại thôi.

Sudassana đáp hai vần kệ:

880. Ta chẳng cầu mong hạ nhục người,
Cũng không khinh kẻ muốn khoe tài,
Nhưng sao người phỉnh phờ dân chúng,
Bằng loại rỗng không giết hại ai?

881. Ví thử người ta biết tướng chân,
Như ta thấy nó rõ ràng ràng,

Nói gì đến chuyện vàng hay bạc,
 Ngươi chỉ được ăn một bữa xoàng!

Ālambāyana nổi giận đáp:

882. Nhà ngươi khát thực khoác da lừa,
 Dơ bẩn và trông vẻ xác xơ,
 Ngươi dám khinh khi rỗng của lão,
 Nói rỗng không biết cần bao giờ!

883. Đến đây và thử việc rỗng làm,
 Học hỏi bằng kinh nghiệm nếu cần,
 Ta bảo đảm dù không độc hại,
 Nọc rỗng sẽ biến bạn thành than!

Sudassana liền ngâm kệ chế nhạo gã:

884. Chuột hay rắn nước cắn người nào,
 Chọc giận nó phun nọc độc sao,
 Rỗng đồ đầu này không có hại,
 Nó không cắn, đâu biết phun cao.

Ālambāyana đáp hai vần kệ:

885. Ta đã được bao vị Thánh nhân,
 Thực hành pháp khổ hạnh không ngừng,
 Bảo người bỏ thí trong đời sống,
 Sẽ đến cõi thiên lúc mạng chung.

886. Ta khuyên ngươi bỏ thí ngay liền,
 Nếu thực ngươi còn chút của tiền,
 Rỗng sẽ biến ngươi thành cát bụi,
 Ngươi không có thể sống lâu bền.

Sudassana lại nói:

887. Ta cũng nghe từ các Thánh nhân,
 Những người bỏ thí đến thiên cung,
 Vậy mau bỏ thí khi còn sống,
 Nếu có vật gì để phát phân.

888-89. Nhái của ta không phải loại thường,
 Sẽ làm ngươi hạ giọng kiêu căng,
 Là công chúa của long vương đó,
 Nàng ấy là bào muội chính tông,
 Mồm của Acci phun ngọn lửa,
 Hơi nàng cực độc, tiếng vang lừng.

Rồi chàng đứng giữa đám đông gọi to:

– Này hiền muội Accimukhī, em hãy ra khỏi tóc ta và ở trên tay ta!

Chàng đưa tay ra và khi nàng nghe chàng bảo liền thốt lên tiếng kêu ba lần như loài ếch lúc còn nằm trong tóc chàng, rồi nàng nhảy ra vai chàng, phun ra ba giọt nọc độc trên lòng bàn tay chàng rồi trở lại mái tóc chàng như cũ. Sudassana đứng cầm nọc rắn ấy nói lớn ba lần:

– Xứ này sẽ bị tiêu hủy!

Âm vang rền khắp Ba-la-nại đến mười hai do-tuần. Vua nghe tiếng ấy bèn hỏi:

– Tại sao xứ này sẽ bị tiêu hủy?

– Tâu Đại vương, thần chẳng thấy chỗ nào có thể thả nọc này xuống được.

– Đất này rộng lắm, cứ thả xuống đất đi!

– Tâu Đại vương, không thể thả xuống đất này được!

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

890. Nếu thần thả nó xuống đồng bằng,
Tâu Đại vương, nghe kỹ hạ thần,
Đám cỏ, cây leo và dược thảo,
Thảy đều tiêu diệt cháy khô cằn.

– Vậy thì hãy ném lên trời!

– Cũng không được!

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

891. Nếu hạ thần nghe lệnh Đại vương,
Ném tung nọc độc giữa không gian,
Trời không còn đổ mưa, rơi tuyết,
Trong khoảng thời gian đến bảy năm.

– Vậy thì hãy ném xuống nước!

– Cũng không được!

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

892. Nếu vào trong nước, nọc này rơi,
Tâu Đại vương, nghe kỹ mấy lời,
Tất cả cá, rùa đều phải chết,
Muôn loài thủy tộc sống ngoài khơi.

Vua kêu lên:

– Trẫm cũng chẳng biết làm sao nữa! Ngài hãy chỉ cho trẫm cách nào để đất nước khỏi bị tiêu diệt.

– Tâu Đại vương, xin cho đào ba hố liền nhau.

Vua ra lệnh làm ngay. Sudassana đổ đầy thuốc độc vào hố giữa, phân bò vào hố thứ hai và thần dược vào hố thứ ba, rồi chàng thả nọc độc vào hố giữa, một ngọn lửa đầy khói bùng lên lan qua hố phân bò, bùng lên lần nữa rồi lan qua hố thuốc độc, thiêu rụi hết thuốc rồi mới tắt. Ālambāyana đứng gần hố ấy,

bị hơi nóng của nọc độc bắt phải, màu da liền biến dạng và gã thành tên hủi trắng. Gã kinh hoàng la lên ba lần:

– Ta sẽ thả rồng chúa ra!

Nghe thế, Bô-tát liền bước ra khỏi giỏ dát ngọc vàng ấy, hiện hình sáng lòa mang đầy châu ngọc, sừng sững uy nghi trong dáng điệu của Thiên chủ Indra. Sudassana và Accimukhī cũng đứng nơi ấy.

Lúc đó, Sudassana hỏi vua:

– Đại vương có biết đây là các con của ai chẳng?

– Trẫm không được biết.

– Đại vương không biết chúng thần, nhưng Đại vương biết chuyện vua xứ Kāsi gả Công chúa Samuddajā cho rồng chúa Dhataratṭha chứ?

– Trẫm biết rõ lắm, đó là tiểu vương muội của trẫm.

– Chúng thần là các con của công chúa ấy, Đại vương là cữu phụ của chúng thần.

Thế rồi, vua ôm lấy các cháu, hôn lên đầu và khóc xong lại đưa các cháu vào cung tiếp đãi rất trọng thể. Trong khi vua ân cần đón tiếp Bhūridatta, vua hỏi Bô-tát bằng cách nào Ālambāyana đã bắt được ngài trong khi ngài có nọc thần vô địch như vậy. Sudassana liền kể hết đầu đuôi câu chuyện rồi bảo:

– Tâu Đại vương, một vị vua phải trị vì quốc độ như thế này.

Chàng liền thuyết pháp cho vua rồi chàng bảo:

– Tâu cữu phụ, mẫu hậu đang héo mòn vì vắng bóng Bhūridatta, chúng tiểu diệt không dám ở lâu hơn nữa.

– Phải lắm, các hiền diệt cứ ra về, nhưng trẫm cũng muốn gặp vương muội, vậy làm cách nào?

– Tâu cữu phụ, thế tổ phụ, Đại vương Kāsi đâu rồi?

– Ngài không thể sống thiếu vương muội nên ngài đã rời ngôi báu, đi làm ần sĩ, hiện đang sống trong rừng kia.

– Tâu cữu phụ, mẫu hậu cũng đang ao ước được gặp tổ phụ cùng cữu phụ. Chúng tiểu diệt xin đưa mẫu hậu đến lầu ần sĩ của tổ phụ, lúc ấy cữu phụ sẽ gặp luôn mẫu hậu tại đó.

Thế là họ định ngày xong và rời khỏi cung. Sau khi từ giã các cháu trai, vua khóc lóc trở vào, còn họ liền độn thổ ra đi về cảnh giới nãga.

VII. GÃ THỢ SẴN BỊ TRỪNG PHẠT

Khi bậc Đại sĩ trở về với dân chúng như vậy, cả kinh thành đang rền vang những lời than khóc khắp nơi. Chính ngài cũng mệt mỏi vì cả tháng trời ở trong

giỏ nên đi nằm dưỡng bệnh và thần dân nāga tập nập đến viếng thăm ngài đông vô số, khiến ngài lại mệt thêm vì phải chuyện trò cùng họ.

Trong lúc ấy, Kāṇarītṭha lên thiên giới tìm không gặp bậc Đại sĩ, là người trở về đầu tiên nên chàng được phân công làm thần canh cửa của bậc Đại sĩ, vì chàng được xem là người có tính tình nóng nảy, có thể xua tan hết đám đông nāga ấy.

Phần Subhaga, sau khi tìm khắp vùng Tuyết Sơn, cả đại dương cùng các sông ngòi mà cũng không gặp liền phiêu bạt đến vùng sông Yamunā để tìm kiếm. Lúc bấy giờ, gã thợ săn Bà-la-môn thấy Ālambāyana đã hóa thành người hủi, nghĩ thầm: “Gã ấy hóa hủi chỉ vì quấy phá Bhūridatta; nay ta cũng vậy, chỉ vì tham ngọc báu mà phản bội ngài dù ngài là ân nhân của ta, tội này ta sẽ phải mang. Vậy trước khi họa đến, ta phải xuống dòng sông Yamunā rửa sạch tội trong chỗ tẩy uế linh thiêng này.”

Thế rồi gã xuống sông, tự cho là sẽ rửa sạch tội phản bội kia. Vừa lúc ấy, Subhaga đến nơi, nghe gã nói liền nghĩ thầm: “Gã khốn nạn tội tệ này chỉ vì tham bảo ngọc mà phản bội anh ta, ngài đã ban cho gã mọi phú quý vinh hoa, ta không thể nào tha mạng gã được.” Vì vậy, chàng cuộn đuôi quanh chân gã, kéo gã chìm xuống nước đến khi gã ngạt thở, chàng để yên gã một lát, gã ngẩng đầu lên, chàng lại chìm xuống, nhiều lần như thế cho đến cuối cùng gã thợ săn Bà-la-môn kia ngẩng đầu lên nói:

893. Ta đang tẩy tịnh chốn thiêng này,
Bãi Payāga linh hiển thay,
Hỡi kẻ nào lôi ta kéo xuống,
Chìm vào sóng nước Yamunā?

Subhaga đáp lời gã qua vắn kệ sau:

894. Chuyện kể ngày xưa có vị thần,
Đến Kāsi đất nước kiêu căng,
Long vương thật hiển vinh danh vọng,
Hùng dũng cuộn tròn khắp núi sông,
Ta chính con ngài đang chụp lão,
Tên Subha, hỡi Bà-la-môn!

Gã Bà-la-môn nghĩ thầm: “Em trai của rồng chúa Bhūridatta không muốn tha chết cho ta, nhưng ta thử làm động từ tâm của vị này bằng cách tán tụng phụ mẫu của họ rồi xin tha mạng xem sao!” Thế là gã ngâm kệ sau:

895. Kāsi vương tử thật oai linh,
Mẫu hậu sinh dòng giống hiển linh,
Ngài chớ để nô tài hạ đẳng,
Chết chìm trong sóng nước vô tình.

Subhaga nghĩ thầm: “Gã Bà-la-môn độc ác này cố đánh lừa ta để ta xiêu lòng mà tha nó, nhưng ta chẳng tha nó đâu.” Thế là chàng đáp, nhắc lại các hành động của gã:

896. Một nai khát nước đến dòng sông,
 Từ bụi cây, người núp bắn cung,
 Kinh hãi, đau thương nai chạy trốn,
 Bỗng dưng tai họa giáng vào thân.
897. Người thấy trong rừng nai ngã ra,
 Người đem đòn gánh vác nai qua,
 Đến cây đa mọc đầy cành lá,
 Chẳng chịt bao quanh gốc rễ cha.
898. Sơn ca trỗi khúc nhạc du dương,
 Anh vũ trên cây nhảy rộn ràng,
 Đất trải cỏ xanh như thảm lót,
 Hoàng hôn mời nghỉ bước an nhàn.
899. Mắt người độc ác thấy anh ta,
 Đang ẩn mình trong đám lá đa,
 Mang sắc áo hè tươi rực rỡ,
 Vui đùa cùng với các cung nga.
- 900-01. Hoan hỷ, anh ta chẳng hại ai,
 Sao người độc ác giết oan ngài,
 Nạn nhân vô tội, nhìn đây nhé,
 Tội ấy trên đầu người tái lại,
 Ta chẳng tha người dù phút chốc,
 Người đành trả hận tối cao này.

Gã Bà-la-môn nghĩ thầm: “Vị này quyết không tha mạng ta, song ta phải tìm mọi cách thoát đi mới được.” Rồi gã ngâm kệ sau:

902. Học hành, cầu nguyện để cúng dâng,
 Làm tế lễ trong ngọn lửa thần,
 Ba việc khiến La-môn được sống,
 Không ai xúc phạm đầu hờn căm.

Subhaga nghe gã nói đâm ra do dự, chàng nghĩ thầm: “Ta sẽ mang nó về cảnh giới nāga hỏi các vương huynh ra sao.” Và chàng ngâm hai vần kệ:

903. Dưới dòng sông thánh Yamunā,
 Trãi tận chân đèo núi Tuyết xa,
 Thủ phủ nāga chìm đáy nước,
 Là nơi ngự trị chúa Dhatta.

904. Cũng là cung thất các vương huynh,
Ta sẽ đưa lời nguời biện minh,
Tùy các vương huynh quyền định đoạt,
Xử nguời tối hậu thật công bình.

Chàng liền lôi cổ gã đi xênh xệch cùng lớn tiếng lăng mạ, phi báng gã cho đến cung môn của bậc Đại sĩ.

VIII. BẬC ĐẠI TRÍ BÁC BỎ VỆ-ĐÀ

Kāṇarītṭha đã trở thành thân giữ cửa đang ngồi đó, thấy gã kia bị kéo lôi đi một cách thô bạo như thế liền ra gặp họ và bảo:

– Này Subhaga, đừng làm gã bị thương, tất cả Bà-la-môn đều là con của đấng Đại Phạm thiên. Nếu ngài biết ta làm con ngài bị thương, ngài sẽ nổi giận và tiêu diệt thế giới nāga của ta. Trên thế gian này các Bà-la-môn có địa vị cao nhất và thụ hưởng đại vinh danh, vương huynh chưa biết uy danh của họ, nhưng tiêu đệ đã biết rõ lắm.

Vì chuyện kể rằng Kāṇarītṭha trong tiền kiếp ngay trước đời này đã sinh ra làm một Bà-la-môn tể tự nên chàng mới nói quả quyết như vậy. Hơn nữa, nhờ kinh nghiệm của đời trước, chàng rất thông thạo việc tể tự cho nên chàng bảo Subhaga cùng hội chúng nāga:

– Đến đây nào các bạn, ta sẽ giải thích cho các bạn biết đặc tính cao quý của các vị thực hiện tể lễ.

Rồi chàng bắt đầu ca ngợi việc tể lễ:

905. Các Vệ-đà và lễ tế đàn,
Những uy lực lớn ở trần gian,
Thuộc về số ít La-môn ấy,
Người chẳng thể cười họ, nhạo khinh.
Và nếu kẻ nào chê trách họ,
Sẽ tiêu tài, phạm luật, không an.

Rồi Kāṇarītṭha hỏi Subhaga có biết ai tạo ra thế giới này không, khi Subhaga bảo không biết, chàng liền ngâm kệ bảo rằng thế giới được tạo ra bởi đấng Phạm thiên, là vị tổ của các Bà-la-môn:

906. Ngài tạo La-môn để học hành,
Tạo dòng Sát-đế-ly điều binh,
Cày bừa Vệ-xá, và ngài tạo,
Nô lệ Thủ-đà phụng mệnh trên.
Như vậy, Chúa trời ban thượng lệnh,
Từ thời nguyên thủy đã hình thành.

Kể đó, chàng bảo:

– Các Bà-la-môn này có rất nhiều uy lực, ai thân cận với họ và cúng dường họ nhiều lễ vật thì sẽ được ngài định số phận cho khỏi tái sinh mà được lên ngay thiên giới.

Rồi chàng đọc kệ sau:

907. Kuvera, Soma, Varuṇa các thần,
Dhātā, Vidhātā cùng trời, trăng,
Bao phen đã cử hành đàn tế,
Ban các La-môn mọi phước ân.

908. Ajjuna vĩ đại giáng tai ương,
Chỉ chít ngàn tay mọc khắp thân,
Mỗi cặp tay cầm cung dọa nạt,
Dâng thần lửa lễ vật đầy tràn.

Chàng tiếp tục tả, ca ngợi các vị Bà-la-môn qua vần kệ:

909. Có vị vua xưa đã cúng dâng,
Lâu đài, đầy đủ vật uống ăn,
Vớ tâm tịnh tín và tùy hỷ,
Nên đã trở thành một vị thần.

Rồi chàng lại đọc vần kệ diễn tả việc thực hiện cúng dâng của vị vua này:

910. Vua Muja cúng thần lửa bơ,
Thần hảo sắc dung, nhận lượng to,
Nhờ việc dâng thần kính quý ấy,
Vua này đạt cõi thiên cao vời.

Rồi chàng ngâm các vần kệ này để chứng minh bài thuyết giáo của chàng:

911. Dujīpa sống trọn ngàn năm,
Xe ngựa, quân hầu thủy phục tuân,
Ngài chọn cuối cùng đời ân sĩ,
Từ am tranh đã đến thiên cung.

912. Sāgara chiến thắng khắp trần gian,
Dựng trụ vàng dâng lễ tế đàn,
Không ai thờ lửa hơn ngài cả,
Ngài cũng thăng thiên hóa vị thần.

913. Sūra, lạc, Aṅga chúa Kāsi,
Cúng dâng liên tục tưới tràn trề,
Làm ngập sông Hằng thành biển cả,
Cuối cùng triều Đế-thích ngài về.

914. Đại đế Sakka có tướng quân,
Dâng Soma tửu được vinh thăng,

Nay ngài nắm giữ bao thần lực,
Từ số phận như mọi thể nhân.

915. Phạm thiên, đại tạo hóa thành hình,
Ranh giới núi non tại tế đình,
Tuân lệnh ngài, sông Hằng chảy xuống,
Vinh quang ngài đạt bởi hy sinh.

916. Người đời đã nói rõ nguyên nhân,
Mālāgiri và Tuyết Sơn,
Linh Thửu cùng Sudassana,
Nisabha với Kākaneru,
Cộng các núi cao hùng vĩ khác,
Là nhờ các tế sư hình thành.

Rồi chàng hỏi anh:

– Này vương huynh, anh có biết tại sao biển cả thành muối mặn không uống được chăng?

– Hiền đệ Ariṭṭha, ta không được biết.

– Vương huynh chỉ biết làm tổn hại các Bà-la-môn thôi, này hãy nghe đây!

Rồi chàng ngâm vãn kệ:

917. Chuyện kể một Hiền thánh thuở xưa,
Đang khi cầu nguyện ở bên bờ,
Bị chìm xuống biển, từ thời đó,
Nước biển không sao uống đến giờ!

Tất cả các Bà-la-môn đều như thế đấy. Rồi chàng đọc kệ khác:

918. Đê-thích xưa thành đất Ngọc hoàng,
Đặc ân chiếu xuống Bà-la-môn,
Đông, Tây, Nam, Bắc đồng dâng lễ,
Nên được Vệ-đà, họ hưởng phần.

Cứ thế Ariṭṭha miêu tả các Bà-la-môn cùng các tế lễ hy sinh và kinh Vệ-đà cho hội chúng nāga. Nghe vậy, nhiều nāga tìm đến thăm Bồ-tát bên giường bệnh và bảo nhau:

– Vương tử đang kể chuyện cổ tích.

Rồi dường như có nguy cơ là họ chấp nhận tà thuyết ấy.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát đang nằm trên giường bệnh nghe hết câu chuyện xong, hội chúng nāga lại kể cho ngài nghe, ngài suy nghĩ: “Ariṭṭha đang kể một chuyện cổ sai lạc, ta phải ngắt lời thuyết giảng của em ta và đem chánh kiến lại cho hội chúng này.” Rồi ngài trở dậy tắm rửa, trang hoàng châu báu xong liền ngồi trên bảo tọa, tụ tập hội chúng nāga lại. Ngài cho gọi Ariṭṭha đến bảo:

– Này Aritṭha, hiền đệ đã nói lời sai lầm khi diễn tả các Bà-la-môn và kinh Vệ-đà, vì các tế lễ hy sinh theo nghi thức của kinh Vệ-đà không phải là điều đáng mơ tưởng và nó không thể đưa lối đến thiên giới. Hãy nhìn kỹ đây những gì hư vọng trong lời nói của hiền đệ!

Thế rồi ngài ngâm các vần kệ này miêu tả các loại tế lễ hy sinh khác nhau:

- 919.** Vệ-đà là bầy kẻ khôn ngoan,
Lôi cuốn làm hư hỏng nạn nhân,
Ảo ảnh tạo mê lầm mất tục,
Song bao bậc Trí vượt an toàn.
- 920.** Kinh Vệ-đà không bí lực thần,
Cứu người hèn, phản bội, vô luân,
Lửa kia dù thấp bao năm tháng,
Vô vọng cuối cùng tên chủ nhân.
- 921.** Dù cây toàn cõi đất chồng cao,
Để thỏa nguyện thần lửa khát khao,
Nó vẫn thèm thường, khao khát mãi,
Nāga mong đáp ứng làm sao.
- 922.** Sữa thường cứ thế biến dần lên,
Bơ, sữa đông là chuyện tự nhiên,
Khao khát đổi thay vậy ngọn lửa,
Càng khơi động, nó mãi cao lên.
- 923-24.** Lửa không cháy tự gỗ tươi, khô,
Lửa cần nhen nhúm mới bùng to,
Gỗ tươi, khô nếu đều bùng cháy,
Ắt hẳn rừng xanh hóa hỏa lò!
- 925.** Kẻ chất củi, rơm đốt lửa cao,
Đạt nhiều công đức, khác đâu nào,
Đầu bếp nhen lò, hay thợ nguội,
Hoặc người thiêu xác chết kia sao.
- 926.** Chẳng ai cầu nguyện, dẫn thành tâm,
Hoặc chất môi lên đốt lửa hồng,
Được phước đức gì nhờ tế lễ,
Lửa cao ngất khói cũng tàn dần.
- 927.** Lửa mà bạn nghĩ đáng tôn vinh,
Vậy phải ở cùng rác thối tanh,
Ăn xác chết, hân hoan độc ác,
Mọi người kinh tởm vội quay nhanh.
- 928.** Có người tôn kính lửa như thần,
Giống bọn man di trộm nước sông,

Bọn chúng lạc ra ngoài chánh đạo,
Đều không xứng được gọi thần nhân.

- 929.** Thờ lửa, tôi đòi của thế nhân,
Vô tình, mù điếc trước lời than,
Sống đời ích kỷ đầy lầm lỗi,
Mơ tưởng thiên đường có được chăng?
- 930.** Bà-la-môn ấy muốn làm ăn,
Nên bảo Phạm thiên cúng lửa thần,
Sao tạo hóa làm ra vạn vật,
Lại thờ tạo vật chính tay làm?
- 931.** Vì muốn được tôn kính, cao ngai,
Nên xua họ thuyết lý khôi hài,
Hảo huyền, khó hiểu về giai cấp,
Trước khi họ đạt lợi danh hoài.
- 932.** “La-môn cao quý học hành chuyên,
Sát-lý làm vua nắm lực quyền,
Vệ-xá lo cày bừa ruộng đất,
Thủ-đà phục vụ cho người siêng,
Tầng nào phụ trách nơi tầng ấy,
Đáng tối cao từng tạo vậy nên.”
- 933.** Và thuyết này xem là lý chân,
Như điều đã nói bởi La-môn,
Chẳng sanh hoàng tộc, ngai không được,
Chẳng phải La-môn, chú chẳng rành,
Người khác không cày, chỉ Vệ-xá,
Thủ-đà phục dịch người luôn tuân.
- 934.** Vọng ngữ, tham lam thuyết đảo điên,
Kẻ ngu tin tưởng chuyện hư huyền,
Ai người có mắt nhìn toàn cảnh,
Sao chẳng công bình, hỏi Phạm thiên?
- 935-36.** Nếu quyền vô hạn khắp nơi nơi,
Sao chính tay ban phúc hiêm hoi,
Sao vật ngài sinh đều chịu khổ,
Sao không ban phúc đến muôn loài?
- 937-38.** Lừa dối, ngu si ở khắp nơi,
Tràn đầy hư vọng, chánh chân vơi,
Phạm thiên là vị bất công quá,
Đã tạo thế gian lắm trái sai.

939. Những kẻ được xem là trắng trong,
Tha hồ giết nhái, rắn, trùng, ong,
Tục này man rợ, ta khinh ghét,
Như thể Kambo, bộ lạc rừng.
940. Nếu kẻ giết kia được trắng trong,
Nạn nhân cũng được đến thiên đàng,
La-môn hãy giết La-môn sạch,
Như vậy bọn này được lạc an,
Và cả những ai nghe thật kỹ,
Những lời chúng nói thật tà gian.
941. Chẳng thấy bò, dê muốn thiệt thân,
Đề mong có cuộc sống cao hơn,
Chúng miễn cưỡng đi vào chỗ chết,
Vẫy vùng tuyệt vọng trút hơi tàn.
942. Bao phủ tế đàn chuyện sát sinh,
Tuôn lời bóng bẩy tuyệt tài tình,
“Tế đàn như thể con bò mập,
Bảo đảm bao tâm nguyện đạt thành.”
- 943-44. Nếu củi chất quanh vật tế thần,
Chứa đầy kho báu, họ ca vang,
Bạc, vàng, châu, ngọc cho ta hưởng,
Cùng lạc thiên cung sẽ ngập tràn,
Hắn họ tế đàn riêng họ hưởng,
Giữ cho mình sản nghiệp giàu sang.
945. Bọn dối lừa, ngu xuẩn, ác gian,
Chuyện dài thêu dệt phỉnh ngu dân,
“Dâng tiền, cắt móng và râu tóc,
Người sẽ được như nguyện thỏa lòng.”
- 946-47. Thí chủ ngây ngô sẵn nhiệt tình,
Vội hầu bao đến, chúng vây nhanh,
Như bày quạ xúm quanh chim cú,
Tâm hướng về bao chuyện ác hành,
Khiến nạn nhân kia thành sạt nghiệp,
Cuối cùng bị lột sạch sành sanh,
Đồng tiền chắc chắn người kia có,
Đổi lấy hứa suông chẳng thực hành.
- 948-49. Như bọn lạ tham được lệnh vua,
Tịch thu tài sản của nông gia,

Bọn này cướp chỗ nào rình rập,
Tìm của với con mắt ác tà,
Không luật lệ nào lên án chúng,
Tuy nhiên chúng phải chết là vừa!

- 950-51.** Tể sư phải nắm gậy palāsa,
Làm lễ tế đàn tự trước kia,
Nó được gọi thay Thiên chủ đây,
Thế nhưng nếu thật vậy từ xưa,
Phải chăng Thiên chủ Inda đã,
Chiến thắng được yêu quý địch thù,
Tay của trời cho ngài ích lợi,
Có đâu làm quý sợ vu vơ?
- 952.** Người đời đã nói rõ nguyên nhân,
Mālāgiri và Tuyết Sơn,
Linh Thửu cùng Sudassana,
Nisabha với Kākaneru,
Cộng các núi cao hùng vĩ khác,
Là nhờ các tể sư hình thành.
- 953.** Mỗi rặng núi trong quốc độ kia,
Chính là lễ vật tự ngàn xưa,
Đặt lên đàn tế thành từng đồng,
Tín chủ đưa tay nhả nài ra,
Chất lễ vật lên cao tựa núi,
Tuân theo lệnh Đại Phạm thiên mà.
- 954.** Núi được chất cao với lễ dâng,
Nói như vậy đó các La-môn,
Khoe khoang huyễn hoặc, ôi ô nhục!
Đồng gạch kia dù kiếm hết lòng,
Cũng chẳng chứa đâu nguồn mạch sắt,
Để người thợ mỏ phải hoài công.
- 955.** Chuyện kể một Hiền thánh thuở xưa,
Đang khi cầu nguyện ở bên bờ,
Bị chìm xuống biển, từ thời đó,
Nước biển không sao uống đến giờ!
- 956.** Sông đã nhận chìm các Thánh hiền,
Hằng trăm, mà nước vẫn bình yên,
Xuôi dòng chảy mãi không hề thối,
Sao chỉ biển xanh giữ hận hiềm?

957. Giếng nước người đào ở thế gian,
Theo dòng, có nước mặn tuôn tràn,
Phải đâu kéo xuống vào trong ấy,
Những vị La-môn, bởi lời đồn,
Thế mà loài rắn kia đã nói,
Nước này không thể uống vào đâu.
958. Trước tiên chẳng có nữ, nam nhân,
Trí óc làm nhân loại sáng dần,
Dòng giống ban đầu bình đẳng cả,
Nhưng vì thành bại đã bao lần,
Làm con người đổi thay ngôi thứ,
Chẳng phải vì xưa thiếu phước ân,
Những lỗi lầm ngày nay đã khiến,
Họ thành ưu thắng hoặc cùng bản.
959. Kẻ hạ đẳng kia dùng trí khôn,
Độc kinh này, trí chẳng cao hơn,
La-môn tạo Vệ-đà làm hại,
Khi các tha nhân đạt trí thông.
960. Như vệt, câu ca được thuộc lòng,
Khó quên vì nhịp điệu du dương,
Tối tăm ý nghĩa làm mê mẩn,
Ngu trí nuốt trôi thật bốc đồng.
961. Bà-la-môn chẳng giống thú hoang,
Sư tử, cọp, beo của núi ngàn,
Chúng với trâu, bò đồng một loại,
Khác loài nhưng trí vẫn ngu đần.
962. Nếu vua thắng trận dứt đao binh,
Và sống bình an với bạn mình,
Chế ngự dục tham, theo chánh đạo,
Muôn dân hạnh phúc sống phồn vinh.
963. Vệ-đà, Sát-đế-ly cầm quyền,
Độc đoán cả hai, lại hão huyền,
Mù quáng, chúng lẫn mò tiền bước,
Trên đường hồng thủy ngập liên miên.
964. Vệ-đà, Sát-ly nắm quyền năng,
Thâm nghĩa, chúng ta thấy nhận chân,
Rốt cuộc nhục vinh hay được mất,
Cùng chung số phận bốn giai tầng.

965. Như các chủ nhà muốn kiếm ăn,
 Tính bao nghề tốt đẹp, an toàn,
 La-môn nay gặp ngày tàn mạt,
 Tìm kẻ sinh nhai đủ mọi đàng.
966. Chủ nhà lắm lạc bởi tham vàng,
 Mù quáng đi theo dục dẫn đàng,
 Bày đủ mọi trò lừa đảo ấy,
 Kẻ ngu phải đọa, khác người khôn.

Bậc Đại sĩ đánh tan mọi luận thuyết của họ như vậy và chứng tỏ luận thuyết của mình. Khi hội chúng nāga nghe ngài thuyết giảng, tâm họ tràn đầy hoan hỷ. Bậc Đại sĩ cho thả tên thợ săn Bà-la-môn ra khỏi cảnh giới nāga mà không hề đá động gì đến gã, dù chỉ bằng một lời nói khinh miệt.

Vua Sāgara Brahmadata cũng không lỗi hẹn, vội ngự du cùng binh lính đến nơi trú ngụ của vua cha.

Sau khi đánh trống báo cho thần dân biết ngài sẽ đi thăm ngoại tổ phụ và quốc cữu, bậc Đại sĩ du hành qua sông Yamunā với vẻ long trọng huy hoàng. Trước tiên, ngài ngự đến am ẩn sĩ của tổ phụ, theo sau ngài có đầy đủ các vương tử cùng phụ vương, mẫu hậu của ngài.

Lúc ấy, Vua Sāgara Brahmadata chưa nhận ra bậc Đại sĩ khi ngài tiến đến cùng đoàn tùy tùng liền hỏi vua cha:

967. Chiêng trống nào đây, tiếng nói vang,
 Trầm hùng hòa điệu giữa không gian,
 Làm tâm Thánh thượng đầy hoan hỷ,
 Đàn sáo, tù và, tiếng trống con?⁵³
968. Ai là nam tử bước hiên ngang,
 Nai nịt cung tên được điểm trang,
 Vương miện quanh đầu đang chiếu sáng,
 Khác nào ánh chớp tỏa hào quang?
969. Ai đó uy nghi bước đến gần,
 Sáng ngời tướng mạo đáng thanh xuân,
 Như cảnh phượng vĩ đang hồng đỏ,
 Lò thợ rèn kia cháy sáng bừng?
970. Chiếc lọng của ai sáng sắc vàng,
 Có khung sườn đẹp xinh cao sang,
 Che tia ngọ nhật đang soi chiếu,
 Ai đến hào quang tỏa rõ ràng?

⁵³ Các câu kệ từ 967-71, xem J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532.

971. Ai người đầy phước báu dày sâu,
Có cả hai bên những kẻ hầu,
Cầm quạt đuôi trâu rừng mịn tốt,
Che ai đôi phía ở trên đầu?
- 972-74. Gậy vàng vung vẩy các đuôi công,
Hòa đủ màu bên cạnh mặt rồng,
Rực rỡ vòng tai tô điểm tóc,
Khác nào tia chớp lóe không trung?
- 975-76. Hào kiệt nào đây mắt sáng trong,
Mão long đội giữa đôi mày cong,
Răng trắng như chồi hoa, vỏ ốc,
Hoàn toàn đều đặn, thẳng ngay hàng?
- 977-78. Bàn tay hồng đỏ tựa sơn son,
Nhuỵ óa bimba thắm nở tròn,
Chàng trẻ sáng ngời như mặt nhật,
Nhuỵ sālā nở rộ đầu non,
Inda Thiên chủ mang bào giáp,
Chiến thắng kẻ thù, thấy đẹp tan.
979. Ai vừa hiện trước nhãn quang ta,
Mở ví bên sườn, tuốt kiếm ra,
Chuôi nạm ngọc vàng đầy kỹ xảo,
Huy hoàng chiếu sáng dưới tay ngà?
980. Ai cười hài vàng khỏi gót chân,
Hài thêu dệt gấm thật cao sang,
Cúi đầu trịnh trọng trang nghiêm lễ,
Bày tỏ lòng tôn kính Trí nhân?

Khi nghe con của ngài là Vua Sāgara Brahmadata hỏi như vậy, vị ả sĩ xuất gia đã chứng đắc thắng trí cùng các thần thông liền trả lời:

– Nay Vương nhi, đó là các vương tử của Vua Dhataratṭha, các nāga con của bào muội con đó.

Rồi ngài ngâm kệ sau:

981. Dhataratṭha vương tử các chàng đây,
Uy lực, vinh quang vĩ đại thay,
Tất cả đều tôn sùng chấp nhận,
Samuddajā mẫu hậu chung này.

Trong lúc các vị đang đàm đạo, hội chúng nāga đến nơi, đánh lễ dưới chân vị ả sĩ rồi ngồi xuống một bên. Công chúa Samuddajā cũng đánh lễ cha xong, khóc lóc một hồi rồi từ tạ, cùng hội chúng nāga trở lại thế giới của mình. Quốc

vương Sāgara ở lại đó vài hôm rồi trở về thành Ba-la-nại. Còn Công chúa Samuddajā về sau qua đời tại thế giới nāga.

Phần Bồ-tát vẫn giữ giới suốt đời và tu tập đủ mọi công hạnh trong ngày trai giới nên khi mạng chung, ngài cùng với hội chúng nāga đi lên thiên giới thật đông đảo.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư dạy:

– Như vậy các vị thiện nam, các bậc Hiền nhân ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, đã từ bỏ mọi vinh quang của quốc độ nāga và trang nghiêm hành trì các công hạnh trong ngày trai giới.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, gia tộc của Đại vương là cha mẹ Ta, gã thợ săn Bà-la-môn là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), Somadatta là Ānanda (A-nan), Accimukhī là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), Sudassana là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Subhaga là Moggallāna (Mục-kiền-liên), Kāṇāritṭha là Sunakkhatta và Bhūridatta chính là Ta, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

§544. CHUYỆN CANDAKUMĀRA (*Candakumārajātaka*)⁵⁴ (J. VI. 129)

Ngày xưa có một vị hôn quân...

Trong lúc trú tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu), bậc Đạo sư đã kể câu chuyện này liên quan đến Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Nội dung câu chuyện có trong *Chương kể phá hòa hợp Tăng chúng* [thuộc Tạng luật]. Chuyện được Như Lai nói rõ kể từ khi vị này xuất gia đến khi mưu sát Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la). Ngay sau khi Devadatta đã lập mưu sát hại vua này, ông liền đi tìm Vua Ajātasattu (A-xà-thế) và nói:

– Tâu Đại vương, ý nguyện của ngài đã thành, nhưng ý nguyện của ta chưa thành.

Vua trả lời:

– Ngài muốn gì?

– Thật sự ta muốn cho người giết đấng Thập Lực và ta sẽ trở thành đức Phật.

– Vậy thì ta phải làm sao đây?

– Ta phải tập hợp các tay thiện xạ lại.

Vua chấp thuận, truyền triệu tập năm trăm người thiện xạ có thể bắn cung nhanh như chớp, trong số đó chỉ lựa ra ba mươi một người, đưa họ đến gặp Devadatta và bảo họ phải tuân lệnh ông. Ông gọi người trưởng đoàn ra dặn:

⁵⁴ Câu chuyện này trong bản Tích Lan và PTS: *Khaṇḍahāla-jātaka*, số 542; trong bản CST: *Candakumārajātaka*, số 544. Tham khảo: Cp. 77, *Candakumārācariya* (Hạnh của Hoàng tử Canda).

– Nay hiền hữu, Sa-môn Gotama đang sống trên núi Linh Thứu, hằng ngày Ngài thường kinh hành trong tịnh thất vào một thời điểm nào đó. Vậy bạn hãy đến đó bắn Ngài với tên tâm thuốc độc, khi đã giết hại Ngài xong, hãy trở về bằng con đường này!

Rồi ông lại cho hai người thiện xạ đi theo con đường kia, bảo họ:

– Các vị sẽ gặp một người trên đường đi, hãy giết người ấy và trở về bằng con đường này!

Ông lại cho bốn người thiện xạ đi đường kia với lời dặn dò như vậy. Sau đó, ông lại dặn thêm tám người, rồi mười sáu người thiện xạ như trên. Tại sao ông làm như vậy? Chính là để che giấu sự thâm độc của mình.

Thế rồi, người trưởng đoàn thiện xạ buộc kiếm bên sườn trái, bao đựng tên bên lưng, cầm lấy chiếc cung làm bằng sừng dê và đi đến chỗ đức Như Lai trú ngụ. Nhưng sau khi ông giương cung lên và nhắm mũi tên để bắn Ngài, lại không thể thả dây cung được, toàn thân cứng đờ như thể bị đè bẹp. Ông cứ đứng đó kinh hoàng với nỗi sợ chết.

Khi bậc Đạo sư nhìn thấy ông, Ngài liền nói với giọng dịu dàng:

– Đừng sợ, hãy đến đây!

Ông lập tức ném vũ khí và vừa nói vừa sụp người xuống đánh lễ chân Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn, tội lỗi đã trấn áp con như một đứa trẻ, như một tên khùng hoặc một tên tội nhân. Trước đây con không biết công hạnh của Ngài, con đã đến theo lệnh của lão già điên rồ mù quáng Devadatta để lấy mạng của Ngài, con xin Ngài tha mạng cho!

Ông lay cầu xin tha tội và ngồi qua một bên. Lúc ấy, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật cho ông nghe, khiến ông chứng quả Dự lưu. Ngài bảo ông trở về bằng con đường khác với con đường mà Devadatta đã dặn. Còn Ngài bước ra khỏi lối đi có mái che và ngồi xuống một gốc cây.

Trong khi người bắn cung thứ nhất chưa trở về, hai người kia đi trên con đường dự định gặp người này và bắn khoả không hiểu tại sao ông lại chậm trễ như vậy, cuối cùng họ nhìn thấy đức Phật. Khi đến đánh lễ đức Phật xong, họ ngồi xuống bên Ngài. Ngài lại tuyên thuyết các sự thật cho họ nghe khiến cả hai người cùng chứng quả Dự lưu. Rồi Ngài bảo họ trở về bằng con đường khác với con đường mà Devadatta đã ra lệnh. Cứ như thế những tay thiện xạ kia lần lượt đi đến, ngồi xuống nghe Ngài thuyết pháp, được an trú vào quả Dự lưu và được Ngài bảo đi về bằng một con đường khác.

Rồi khi người thiện xạ đầu tiên trở về gặp Devadatta, ông nói:

– Bạch Sư trưởng, tôi không thể nào giết bậc Toàn Giác được, Ngài là đáng Toàn Năng, đức Thế Tôn đầy đủ mọi uy lực siêu phàm.

Như vậy, cả toán thiện xạ nhận ra là họ đã thoát chết nhờ bậc Toàn Giác nên họ xuất gia sống đời tu hành theo Ngài và trở thành các bậc A-la-hán. Sự kiện

này được cả hội chúng Tỷ-kheo biết và một ngày kia họ bắt đầu nói đến chuyện này trong pháp đường:

– Này các Tỷ-kheo, các vị có nghe chuyện Devadatta, vì thù ghét một người là đức Thế Tôn mà đã quyết tâm làm thiệt mạng nhiều người và rồi những người này lại được chính đức Thế Tôn cứu mạng như thế nào không?

Lúc ấy, bậc Đạo sư bước vào hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi nói chuyện gì đấy?

Khi chúng Tỷ-kheo đáp lại, Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên mà trước đây kẻ ấy cũng đã quyết hại nhiều mạng người chỉ vì thù ghét Ta.

Rồi Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, thành Bà-la-nại có tên là Pupphavatī. Thái tử của Vua Vasavatti lên ngôi trị vì tại đó tên là Ekarāja và con của vua là Vương tử Canda làm phó vương. Một Bà-la-môn tên gọi Khaṇḍahāla là vị tế sư của vương tộc. Ông làm cố vấn cho vua trong mọi vấn đề thế sự cũng như thánh sự và vua rất tôn trọng tài trí của ông nên để ông làm phán quan. Nhưng ông lại thích hối lộ, thường nhận của đút lót và tước đoạt tài sản của nhiều người trao cho người khác làm chủ.

Một ngày kia, có người thua kiện, bước ra khỏi tòa án lớn tiếng than phiền, khi thấy Vương tử Canda đi ngang qua để bái yết vua cha, gã liền quỳ xuống. Vương tử hỏi sự tình, gã đáp:

– Tâu Chúa công, Khaṇḍahāla bóc lột các kẻ thua kiện khi ông ta xử án, thần đã thua kiện mặc dù thần đã hối lộ ông ta rồi.

Vương tử bảo gã đừng sợ, rồi khi dẫn gã đến tòa án, chàng trả lại quyền sở hữu về các tài sản bị tranh tụng cho gã. Dân chúng reo hò hoan nghênh vang dội. Khi vua nghe được, hỏi lý do, họ đáp:

– Vương tử đã xử án phân minh một vụ kiện mà Khaṇḍahāla đã xử sai, vì thế có tiếng reo hò như vậy.

Khi vương tử đến chúc tụng, vua bảo:

– Này Vương nhi, dân chúng bảo con vừa xử án phân minh?

– Tâu Phụ vương, chính phải.

Vua liền trao tòa án cho vương tử và dặn vương tử từ nay được quyền xử án. Lợi lộc của Khaṇḍahāla giảm sút dần, từ đó ông ta sinh lòng thù ghét vương tử và rình rập cố tìm lỗi của chàng.

Lúc bấy giờ, vua rất ít tu tập nội tâm. Một buổi sáng kia, khi gần thức dậy, vua mơ thấy cõi trời Ba Mươi Ba với mái đình trang hoàng lộng lẫy, đường

sá lót vàng, cao cả ngàn do-tuần, được điểm tô bằng cung Vejayanta và nhiều cung khác cùng với tất cả vẻ huy hoàng của lạc viên Nandana và nhiều cánh rừng khác với hồ Nanda và nhiều hồ khác nữa, khắp nơi đông đảo chư thiên. Vua muốn lên cõi trời và nghĩ thầm: “Khi Sư trưởng Khandahāla đến, ta sẽ hỏi ngài con đường lên thiên giới và ta sẽ lên đó nhờ con đường ngài chỉ dẫn.”

Sáng sớm hôm ấy, Khandahāla vào cung và vấn an vua xem ngài có được hưởng một đêm đầy mộng đẹp chẳng. Vua liền truyền đem cấm đôn cho ông ta ngồi rồi hỏi ngay vấn đề ấy.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

- 982.** Ngày xưa có một vị hôn quân,
Ở xứ Puppha, gặp lúc cần,
Liền hỏi tể sư hèn hạ ấy,
Nghiep tà, danh chánh Bà-la-môn.
- 983.** “Ngài là bậc Trí, mọi người đồn,
Thánh điển am tường đủ mọi môn,
Hãy nói công năng gì dẫn lối,
Đưa đường hành giả đến thiên cung?”

Đây là câu hỏi mà trừ đức Phật Đại Giác hoặc các đệ tử của Ngài ra, phải hỏi một vị Bồ-tát; nhưng ở đây, vua đã đem ra hỏi Khandahāla, chẳng khác nào một người lạc đường bảy ngày lại đi hỏi đường một kẻ đã đi lạc nửa tháng. Ông tự nhủ: “Đã đến lúc ta trừ khử được kẻ thù của ta rồi, ta sẽ giết Vương tử Canda, thế là toại nguyện.” Ông liền nói với vua:

- 984.** Hãy dâng nhiều lễ vật đầy tràn,
Giết những ai không đáng chết oan,
Nhờ vậy đạt công đức vĩ đại,
Người ta sẽ hưởng lạc thiên đàng.

Vua lại hỏi:

- 985.** Những gì là lễ vật đầy tràn,
Những kẻ nào không đáng chết oan?
Ta sẽ giết người, dâng tế lễ,
Nếu ngài nói ý nghĩa cho tường.

Sau đó, ông giải thích ý nghĩa này:

- 986.** Đem vợ con làm vật tế thần,
Phú thương quý tộc cũng tiêu vong.
Ngựa trâu tuyệt hảo, nòi cao quý,
Bốn loại tội đồ phải cúng dâng.

Như vậy, khi vua hỏi đường lên thiên giới, ông lại chỉ đường xuống địa ngục. Ông tự nhủ: “Nếu ta chỉ chọn một mình Vương tử Canda, mọi người sẽ nghĩ rằng ta làm thế vì thù ghét nó.” Cho nên ông đặt chàng vào chung với một

số người khác. Khi vấn đề này được đem ra bàn tán, các vương phi nghe tin lòng đầy kinh hãi, đồng cất tiếng khóc than.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

987. Cung phi mỹ nữ biết tin này:
“Vương tử, vương phi phải đọa đày”,
Khóc thét bỗng nhiên vì sợ hãi,
Vang rền mọi phía tận trời mây.

Cả vương cung náo loạn như thể rừng cây sālā bị gió bão rung chuyển vào giờ tận thế, khiến lão Bà-la-môn phải hỏi vua xem ngài có thể thực hiện được việc tế lễ ấy không.

– Sao ngài lại hỏi thế, này Sư trưởng? Nếu ta dâng tế lễ, ta sẽ được lên thiên giới mà.

– Tâu Đại vương, những kẻ nào yếu hèn, không quyết chí thì không thể nào tế lễ kiểu này được. Xin Đại vương triệu họ về đây cả rồi bản đạo sẽ dâng lễ vật ở huyệt tế thần.

Thế rồi, ông ta đem đủ lực lượng cần thiết ra khỏi thành, bảo họ đào huyệt tế lễ với đáy bằng, có hàng rào bao quanh vì các Bà-la-môn từ thời xưa đã ra lệnh phải làm hàng rào quanh đàn tế, sợ rằng các vị chân tu có thể đến ngăn cản buổi lễ. Vua cũng ban lệnh cho quần thần:

– Ta sẽ được lên thiên giới bằng cách đem hết vợ con ra cúng tế, vậy các khanh hãy đi báo tin cho chúng rõ rồi mang chúng về đây!

Lập tức, vua ra lệnh đem các vương tử đến:

988. Báo Canda, kẻ Suriya,
Lần lượt Bhaddasena, biết ý ta,
Rời đến Sūra, Vāmagotta,⁵⁵
Chúng đều phải chết, ý vua cha!

Trước hết, bọn họ đi tìm Vương tử Canda và nói:

– Tâu Điện hạ, đức vua muốn đem tế ngài để được lên thiên giới nên ra lệnh cho chúng thần đi triệu ngài về.

– Phụ vương ra lệnh bắt ta theo lời khuyến dụ của ai thế?

– Tâu Điện hạ, theo lệnh của Khaṇḍahāla.

– Ngài muốn bắt một mình ta hay còn ai khác nữa?

– Tâu Điện hạ, còn nhiều người khác vì ngài muốn dâng lễ tế đủ bốn loại lễ vật.

⁵⁵ Theo *Chú giải*, hai vị Hoàng tử Canda và Suriya là con của Chánh hậu Gotamidevī, còn ba vị Hoàng tử Bhaddasena, Sūra, Vāmagotta là những anh em cùng cha khác mẹ với hai vị hoàng tử ấy.

Vương tử nghĩ thầm: “Lão ấy không thù oán với những người kia, nhưng lão định cho họ chết chỉ vì thù oán ta đã ngăn chặn lão phạm tội ăn hối lộ qua việc xử án bất công của lão. Vậy ta có phận sự phải đi yết kiến vua cha xin ngài thả các người kia ra mới được.” Rồi chàng bảo họ:

– Các người cứ thi hành lệnh của phụ vương!

Họ liền đem chàng đến sân châu ngồi một mình tại đó xong lại đem các người kia đến để gần chàng rồi tâu với vua. Sau đó, vua ra lệnh đem các công chúa đặt bên các người kia:

989. Upasenī, Kokilā,
Lần lượt Muditā, Nandā,
Bảo các công nương đều phải chết,
Thật là kiên định, ý vua cha!

Vì thế, họ liền đi đem các công chúa đang kêu gào đến đặt cạnh các vương tử. Rồi vua lại ngấm kệ ra lệnh bắt các vương phi:

990. Trước tiên Vương hậu Vijayā,
Erāvatī, Kesinī, Sunandā,
Với mọi sắc hương đầy diễm lệ,
Chúng đều phải chết, ý nguyện ta!

Họ liền đem các vương phi đang gào khóc đến đặt cạnh các vương tử. Rồi vua lại ngấm kệ ra lệnh bắt bốn phú thương của hoàng gia:

991. Puṇṇamukha, Bhaddiya,
Lần lượt Siṅgāla, Vaddha,
Bảo các phú thương nghe thượng lệnh,
Chúng đều phải chết, ý nguyện ta!

Đám thị vệ tuân lệnh ra đi. Khi các vương tử và vương phi bị bắt, dân chúng không nói gì. Nhưng các phú thương có rất nhiều quyền thuộc nên cả kinh thành náo động khi họ bị bắt và dân chúng la ó phản kháng việc đem họ ra tế lễ. Vì thế, họ cùng quyền thuộc kéo đến yết kiến vua. Lúc ấy, các phú thương được quyền thuộc vây quanh xin nhà vua tha mạng.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

992. Các phú thương kêu khóc náo nùng,
Được vây quanh bởi các thân nhân:
“Đầu này xin cạo làm nô lệ,
Nhưng hãy tha cho mạng chúng thần!”

Nhưng dù họ van xin đến mức nào đi nữa, họ cũng không được vua thương xót. Các thị vệ của vua bắt những người quyền thuộc lui ra để kéo các phú thương đến cạnh các vương tử. Sau đó, vua ra lệnh đem voi ngựa và trâu dê đến:

993-94. Dem cả đàn vương tượng đến đây,
Sức voi vô địch, quý cao thay,
Ngựa, lừa chọn giống nòi ưu thắng,
Tất cả cùng dâng tế lễ này!

995. Hãy chọn ngưu vương loại đứng đầu,
Chúng là tặng vật quý dường bao,
Các thầy tế tự sắp hành lễ,
Sẽ có vật dâng cúng tối cao!

996-97. Hãy chuẩn bị cho tế lễ này,
Sẵn sàng ngay trước rạng ngày mai,
Bảo vương nhi đãi đằng như ý,
Thọ hưởng cuộc đời buổi tối nay!

Lúc bấy giờ, thái thượng hoàng và hoàng thái hậu vẫn còn sống nên dân chúng kéo đến tâu cho hai vị biết việc dự định tế lễ của vua. Hai vị xiết bao kinh hoàng vội đến khóc lóc với vua:

– Vương nhi hỡi, có thật con định làm một cuộc tế lễ như vậy chăng?

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

998. Mẫu hậu vội rời khỏi nội cung,
Việc kỳ quái vậy nghĩa gì chẳng?
Bốn vương tôn thầy đều đem giết,
Cho đủ lễ dâng hiến bạo tàn.

Vua đáp lại:

999. Khi mất Canda, mất hết rồi,
Nhưng con chịu mất chúng mà thôi,
Vì nhờ tế lễ này cao trọng,
Con sẽ được an trú cõi trời.

Mẫu hậu bảo:

1000. Dem cúng tế vương tử, hỡi con,
Chẳng bao giờ hưởng lạc thiên đường,
Đừng nghe lời dối gian như vậy,
Đây chính đường vào địa ngục môn.

1001. Con nên chọn đúng đạo mình quân,
Dem bố thí, dâng cả bạc vàng,
Đừng giết chúng sinh trên hạ giới,
Đây đường chắc chắn đến thiên đàng.

Vua đáp lại:

1002. Con phải vâng lời vị tế sư,
Giết con Canda, Suriya,

Chia lìa chúng thật đầy đau đớn,
Song được cõi trời, lợi lạc to!

Thế là hoàng thái hậu đành bỏ đi về, không thuyết phục được vua. Lúc ấy, thái thượng hoàng hay tin vội đến phản đối vua.

Bậc Đạo sư diễn tả việc xảy ra như sau:

1003. Đến lượt Vasavattī phụ vương,
“Hung tin làm hoảng hốt tâm can!
Bốn vương tôn thấy đều đem giết,
Cho đủ lễ dâng hiến bạo tàn?”

Vua đáp:

1004. Mất Canda và vương tử rồi,
Nhưng con chịu mất chúng mà thôi,
Vì nhờ tế lễ này cao trọng,
Con sẽ được an trú cõi trời.

Thái thượng hoàng bảo:

1005. Đem cúng tế vương tử, hồi con,
Chẳng bao giờ hưởng lạc thiên đường,
Đừng nghe lời dối gian như vậy,
Đây chính đường vào địa ngục môn.

1006. Con nên chọn đúng đạo minh quân,
Đem bố thí, dâng cả bạc vàng,
Đừng giết chúng sinh trên hạ giới,
Đây đường chắc chắn đến thiên đàng.

Vua đáp:

1007. Con phải vâng lời vị tế sư,
Giết con Canda, Suriya,
Chia lìa chúng thật đầy đau đớn,
Song được cõi trời, lợi lạc to!

Cuộc đối thoại lại diễn ra như trên và cuối cùng vua cha không lay chuyển nổi con đành bỏ đi với lời từ biệt:

1008. Nên đem cho hết khả năng mình,
Đừng cố ý tàn hại hữu tình,
Để các vương tôn làm bảo vệ,
Hộ phòng đất nước khỏi điêu linh.

Lúc ấy, Vương tử Canda nghĩ thầm: “Thảm họa xảy đến cho nhiều người cũng chỉ vì ta, vậy ta hãy van xin phụ vương cho họ khỏi tội chết mới được.” Vì thế chàng tâu với vua cha:

1009. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,

Con sẽ canh bầy voi, lũ ngựa,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1010. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân voi của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1011. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân ngựa của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1012. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Hoặc bắt làm nô lệ tặng ai,
Chúng con tùy thánh ý an bài,
Hoặc đầy tất cả ra ngoài nước,
Cầu thực tha phương ở xứ người.

Vua nghe chàng than khóc lòng đau đớn vô cùng, nước mắt chứa chan nên vua ra lệnh tha hết vợ con. Vua bảo:

– Không ai được giết các con ta, ta không cần thiên giới nữa!

1013. Những lời này tội nghiệp xin tha,
Làm trái tim ta tan nát ra,
Thả các vương nhi cho chúng thoát,
Thôi đừng tế lễ nữa vì ta!

Khi nghe vua nói vậy, thị vệ liền thả hết tội nhân ra, khởi đầu là các vương tử và sau cùng là bầy chim chóc. Lão Khaṇḍahāla đang bận rộn chuẩn bị việc đào huyệt tế lễ, có người đến mách lão:

– Nay lão Khaṇḍahāla hung dữ kia, đức vua đã thả hết tất cả các vương tử rồi, vậy lão hãy đi giết hết lũ con lão mà lấy máu đem ra tế thần.

– Sao nhà vua làm gì vậy kia?

Lão kêu lên và vội chạy đến tâu vua:

1014. Trước đây thần đã có tâu rằng,
Buổi lễ khó làm, khó thành công,
Giờ có gì ngài làm xáo trộn,
Lễ đàn được chuẩn bị gần xong?

1015. Người nào dâng lễ, bảo người dâng,
Luôn những người tùy hỷ tế đàn,
Tất cả người trong cuộc đại lễ,
Sẽ đều được đến cõi an nhàn.

Vua mù quáng nghe lời của lão Bà-la-môn đầy sân hận kia và tâm trí vua đã bị ám ảnh bởi vấn đề đạo giáo liền ra lệnh bắt vợ con lại. Lúc ấy, Vương tử Canda đem hết lễ phải trái tâu với vua cha:

1016. Sao lúc sinh ra lũ chúng con,
Hảo huyền chúc tụng Bà-la-môn,
Khi phân con trẻ là đành chết,
Vô tội nạn nhân của oán hờn?
1017. Sao cha tha mạng thuở thơ ngây,
Nhỏ dại biết đâu bất hạnh này?
Con trẻ hôm nay đành phải chết,
Giờ đang vui hưởng tuổi xuân đây?
1018. Nghĩ lúc chúng con mặc giáp bào,
Trên voi ngựa, chiến trận xông vào,
Nay làm lễ vật dâng đàn tế,
Chẳng lẽ việc này hợp lý sao?
1019. Ở trong chiến địa hoặc rừng hoang,
Chống lại loạn thần, lũ chúng con,
Phục vụ thường xuyên, nay bảo giết,
Mà không lý lẽ hoặc nguyên nhân.
1020. Nhìn chim xây tổ ấm trên cây,
Ca hát líu lo suốt cả ngày,
Yêu dấu chim non chăm sóc kỹ,
Còn cha đem giết lũ con vậy?
1021. Cha đừng tưởng lão Bà-la-môn,
Phản bạn tha cha lúc vắng con,
Đến lượt cha theo con kế tiếp,
Chúng con không chỉ chết cô đơn!
1022. Vua thường ban đạo sĩ thôn làng,
Thành thị tối ưu chính đặc ân,
Trên mọi gia đình đều hưởng lợi,
Tạo nên tài sản thật cao sang.
1023. Chính bọn này đây, tâu phụ thân,
Sẵn sàng phản bội các ân nhân,
Bà-la-môn tộc, cha nên nhớ,
Là giống bất trung, lũ bội ân.
1024. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ canh bầy voi, lũ ngựa,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1025. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân voi của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1026. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân ngựa của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1027. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Hoặc bắt làm nô lệ tặng ai,
Chúng con tùy thánh ý an bài,
Hoặc đầy tất cả ra ngoài nước,
Cầu thực tha phương ở xứ người.

Vua nghe lời con oán trách liền kêu to:

1028. Những lời này tội nghiệp xin tha,
Làm trái tim ta tan nát ra,
Thả các vương nhi cho chúng thoát,
Thôi đừng tể lễ nữa vì ta!

Vua nói xong kệ này cũng thấy người nhẹ nhõm. Tể sư Khaṇḍahāla lại đến nói:

1029. Trước đây, thần đã có râu răng,
Buổi lễ khó làm, khó thành công,
Giờ có gì ngài làm xáo trộn,
Lễ đàn được chuẩn bị gần xong?

1030. Người nào dâng lễ, bảo người dâng,
Luôn những người tùy hỷ tể đàn,
Tất cả người trong cuộc đại lễ,
Sẽ đều được đến cõi an nhàn.

Nói xong, tể sư lại cố thực hiện. Vương tử bèn dùng lời thuyết phục vua cha:

1031. Nếu kẻ đem con trẻ tể đàn,
Thăng lên thiên giới lúc lìa trần,
Để Bà-la-môn dâng con trước,
Sau đến lượt mình, tâu Phụ vương!

1032. Nếu kẻ đem con trẻ tể thần,
Thăng lên thiên giới lúc lìa trần,
Tể sư sao chẳng hy sinh trước,
Đem chính các con của lão dâng?

1033. Khandahāla biết như vậy,
Sao chẳng giết con của lão đi?
Giết hết những người thân quyến ấy,
Và luôn cả lão, để làm chi?

1034. Ai té lễ, hay khiến sai người,
Hoặc xem té lễ dạ thích vui,
Việc hành cuộc lễ lớn như thế,
Họ sẽ đi vào địa ngục thôi!

1035. Nếu kẻ giết người được sạch trong,
Giết xong lại được lên tiên bồng,
Bà-la-môn hãy tương tàn giết,
Để tin vào điều họ mong!

Vương tử nói xong, thấy rằng không thể thuyết phục nổi cha liền quay qua dân chúng đang vây quanh vua và bảo họ:

1036-37. Làm sao các bậc mẹ cha này,
Đứng lặng yên nhìn, chẳng có ai,
Dù quý yêu con mình đến thế,
Cản ngăn vua giết các con ngài.

1038. Ta ao ước vương phụ vạn an,
Ta mong tâm các bạn hân hoan,
Nhưng không tìm được người nào để,
Phản đối nên lời trước phụ vương?

Nhưng vẫn không ai thốt một lời nào. Vương tử liền bảo các vương phi đến van xin vua tỏ lòng thương xót con:

1039. Đây các vương phi hãy nguyện cầu,
Van xin sư trưởng, phụ vương mau,
Để tha vương tử này vô tội,
Khéo trở tài chinh chiến biết bao.

1040. Hãy xin sư trưởng với mình quân,
Tha mạng vương nhi chẳng lỗi lầm,
Danh tánh đã vang lừng thế giới,
Là niềm vinh dự của non sông.

Bọn họ liền đến van xin vua tỏ lòng thương xót con nhưng vua chẳng chú quan tâm. Lúc ấy, vương tử quá tuyệt vọng nên bắt đầu than khóc:

1041. Nếu không sinh trưởng chốn triều đường,
Ở dưới mái tranh kẻ khốn cùng,
Hoặc thợ giày hay người quét rác,
Thì ta sẽ sống thật an toàn,

Đến tròn tuổi thọ không vong mạng,
Làm nạn nhân vua chúa bất thường!

Rồi chàng nói to:

1042-43. Đi mau tất cả các vương phi,
Đến trước Khandā, hãy lạy quỳ,
Bảo các nàng không làm hại lão,
Các nàng chẳng có tội tình gì!

Và em gái nhỏ nhất của Vương tử Canda tên là Selā cũng không thể chịu đựng được nỗi sầu khổ sau khi quỳ lạy dưới chân phụ vương nên đã than khóc.

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc này như sau:

1044. Selā khóc, thấy các anh nàng,
Bị kết tội oan bởi phụ vương,
“Người bảo đây là đàn tể lễ,
Vì cha ta muốn đến thiên đàng.”

Nhưng vua cũng không quan tâm đến nàng. Đến lượt Vāsula, con của vương tử, thấy cha quá sầu thảm liền nói:

– Con sẽ cầu xin Thái thượng hoàng tha mạng cho cha.

Cậu bé quỳ xuống chân vua than khóc.

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc như sau:

1045. Chập chững Vāsula bước chân,
Trên đường đi đến chiếc ngai vàng,
Xin tha mạng của cha con trẻ,
Đừng để chúng con mất phụ thân.

Vua nghe cậu bé than khóc, lòng đau như cắt liền ôm cháu vào lòng, giàn giụa nước mắt và bảo:

– Vương tôn hãy an tâm, ta sẽ trả phụ thân lại cho cháu đó.

Rồi vua ra lệnh:

1046. Này cha con đó, Vāsula,
Lời của trẻ thơ cảm hóa ta,
Tha các vương nhi cho chúng thoát,
Thôi đừng tể lễ nữa vì cha!

Một lần nữa, lão Khandahāla vội đến phản đối vua:

1047. Trước đây thần đã có tâu rằng,
Buổi lễ khó làm, khó thành công,
Giờ có gì ngài làm xáo trộn,
Lễ đàn được chuẩn bị gần xong?

1048. Người nào dâng lễ, bảo người dâng,
Luôn những người tùy hỷ tể đàn,

Tất cả người trong cuộc đại lễ,
Sẽ đều được đến cõi an nhàn.

Vị vua mù quáng lại nhượng bộ lão, ra lệnh bắt các vương tử như cũ. Lúc ấy, Khandahāla tự nhủ: “Nhà vua này lòng quá mềm yếu, khi thì đòi bắt các con, khi thì lại thả ra hết, bây giờ lại nghe theo lời trẻ con đòi thả chúng ra; thôi ta phải dẫn vua đến huyết tể thần mới được.”

Lão liền ngâm kệ thúc giục vua:

1049. Đàn tể lễ nay đã sẵn sàng,
Kho tàng lễ vật tuyệt cao sang,
Đại vương mau hãy đi dâng lễ,
Rồi hưởng thiên cung cực lạc tràn!

Khi họ đem Bồ-tát đi đến huyết tể thần, các cung phi theo sau thành một đoàn dài.

Bạc Đạo sư diễn tả cảnh ấy như sau:

1050. Bảy trăm cung nữ của Canda,
Rực rỡ yêu kiều giữa tuổi hoa,
Tóc xõa tơ bời, mắt đắm lệ,
Theo anh hùng tận số đi xa.

1051. Nhiều phu nhân nhập bọn tùy tùng,
Trông dáng như tiên nữ giáng trần,
Vớ tóc tơ bời, mắt đắm lệ,
Đi theo nối gót vị anh hùng.

Thế rồi, bọn họ đồng cất tiếng khóc than:

1052. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tể đàn.

1053. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.

1054. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.

1055. Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,

- Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tế đàn.
- 1056.** Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.
- 1057.** Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.
- 1058.** Xưa ngự trên mình các thốt voi,
Oai phong lẫm liệt trước muôn người,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang bước lê chân cỗi chết rồi.
- 1059.** Xưa trên tuần mã thật hiên ngang,
Theo kế là đàn mã hàng hàng,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang chịu khổ hình lê bước chân.
- 1060.** Xưa trên xe quý thật oai phong,
Các cỗ xe theo cũng rất đông,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang phải lê chân bước nhọc lòng.
- 1061.** Xưa lúc rời cung cười ngựa sang,
Yên, cương, nai nịt điểm nhiều vàng,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang chịu khổ hình lê bước chân.

Trong lúc các vương phi đang khóc như vậy, thị vệ đem Bò-tát ra khỏi kinh thành. Dân chúng cả kinh thành đều đi theo ngài trong cảnh đại hỗn loạn. Nhưng vì đám người quá đông đảo, cổng thành không đủ rộng cho họ đi ra nên lão Bà-la-môn sợ chuyện bất trắc có thể xảy ra liền ra lệnh đóng cửa thành lại. Vì thế, đám đông không thể đi ra được, nhưng có một khu vườn hoa gần cổng phía nội thành, họ tụ tập tại đó lớn tiếng khóc than số phận thảm thương của các vương tử, khiến một bầy chim nghe tiếng liền bay đến tụ tập trên trời rất đông. Dân chúng cùng cất tiếng kêu gào với đàn chim:

- 1062.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
Hãy bay đi đến phía Đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
Cả bốn vương nhi bởi ám mê.

- 1063.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Cả bốn công nương bởi ám mê.
- 1064.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Cả bốn vương phi bởi ám mê.
- 1065.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Cả bốn chủ gia bởi ám mê.
- 1066.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Cả bốn con voi bởi ám mê.
- 1067.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Cả bốn ngựa kia bởi ám mê.
- 1068.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Bò đực bốn con bởi ám mê.
- 1069.** Chim hỡi, chim ăn thịt sống chẳng?
 Hãy bay đi đến phía Đông môn,
 Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
 Bộ bốn mỗi loài bởi ám mê.

Cứ thế, dân chúng than khóc mãi trong hoa viên. Rồi họ đi đến nơi ở của Bò-tát, vừa trang nghiêm đi nhiều quanh lâu đài nhiều vòng vừa cất tiếng khóc than qua các vãn kệ trong khi họ ngắm các ngôi tháp, hoa viên trong nội cung, v.v. ...

- 1070.** Lâu đài tráng lệ vẫn còn đây,
 Điện ngọc, cung son vẫn thế này,
 Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
 Đưa đi thọ án, hành hình ngay.
- 1071.** Ngôi nhà nóc nhọn dát vàng ròng,
 Bày trí đó đây đủ loại bông,

- Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, mạng đời vong.
- 1072.** Khu vườn thượng uyển rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.
- 1073.** Vườn Vô Ưu⁵⁶ (Asoka) cũng rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.
- 1074.** Vườn muồng hoàng yến thật xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.
- 1075.** Vườn hoa chuông⁵⁷ cũng rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.
- 1076.** Khu vườn xoài cũng rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.
- 1077.** Hồ đầy sen sắc trắng và hồng,
Rực rỡ thuyền vàng, điểm chuỗi bông,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, mạng đời vong.
- Họ cứ rên rỉ ở đó rồi đến gần chuông voi,...
- 1078.** Voi báu của chàng vẫn ở đây,
Đôi ngà thiên tượng vẫn uy nghi,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án hành hình ngay.
- 1079.** Ngựa báu của chàng vẫn ở đây,
Móng nguyên, vút gió chạy như bay,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án hành hình ngay.

⁵⁶ Asoka (無憂, Saracaindica): Cây Vô Ưu.

⁵⁷ Pāṭali (喇叭花, Bignonia Suaveolens): Hoa loa kèn hay hoa chuông.

- 1080.** Xe ngựa của chàng vẫn ở đây,
Đi như chim sáo hót thanh hay,
Điểm tô châu ngọc, xe rực rỡ,
Chàng ngự tựa thiên Nandana,
Bốn chàng hoàng tử nay phải chịu,
Bị bắt đưa đi hành quyết ngay.
- 1081.** Hoàng tử như vàng, tướng đẹp sang,
Thân mình bôi tắm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nở,
Đem cả bốn chàng tế lễ dâng.
- 1082.** Công chúa như vàng, vẻ đẹp sang,
Thân mình bôi tắm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nở,
Đem cả bốn nàng tế lễ dâng.
- 1083.** Hoàng hậu, vương phi, vẻ đẹp sang,
Thân mình bôi tắm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nở
Đem cả bốn nàng tế lễ dâng.
- 1084.** Gia chủ như vàng, tướng đẹp sang,
Thân mình bôi tắm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nở
Đem cả bốn người tế lễ dâng.
- 1085.** Phố thị, làng quê chẳng bóng người,
Như khu vườn rộng, vắng tanh thôi,
Thành Pupphavatī như thế,
Từ lúc Canda, Suriya bị tế rồi!

Vì không có cách nào ra khỏi thành được, dân chúng đành lang thang quanh quần trong thành khóc lóc tỉ tê. Trong lúc ấy, Bồ-tát được đưa đến đàn tế. Mẹ ngài, Hoàng hậu Gotamī, lăn lộn dưới chân vua, khóc lóc van xin vua tha mạng cho con:

- 1086.** Thiếp sẽ khổ đau hóa đại khờ,
Đầy mình phủ bụi lấm bơ phờ,
Nếu Canda bị dâng thần chết,
Thiếp thờ nghẹn ngào, Bệ hạ ơi!
- 1087.** Thiếp sẽ khổ đau hóa đại khờ,
Đầy mình phủ bụi lấm bơ phờ,
Suriya bị dâng thần chết,
Thiếp thờ nghẹn ngào, Bệ hạ ơi!

Bà than van như vậy nhưng vua không trả lời, bà ôm lấy bốn vương phi của vương tử, vừa khóc vừa bảo họ:

– Vương nhi phải đau đớn chia lìa các nàng. Sao các nàng không năn nỉ vương nhi ở lại?

1088. Sao chẳng nói năng, hỡi các dâu,
Oparakkhī, Ghaṭṭiyā,
Pokkharakkhī, Gāyikā,⁵⁸
Bày tỏ đôi lời yêu mến nhau,
Múa quanh Canda, Suriya,
Cho đến khi chàng được hỷ hoan,
Vì các nàng đây giỏi hát múa,
Khắp nơi tài nghệ chẳng ai bằng.

Rồi thấy rằng không làm gì hơn được nữa, bà ngừng than khóc với các vương phi và bắt đầu nguyên rủa lão Khaṇḍahāla:

1089. Ta mong mẹ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé tim ta khi thấy cảnh,
Canda yêu quý chết hôm nay.

1090. Ta mong mẹ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé tim ta khi thấy cảnh,
Suriya yêu quý chết hôm nay.

1091. Ta mong vợ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé hồn ta khi thấy cảnh,
Canda yêu quý chết hôm nay.

1092. Ta mong vợ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé hồn ta khi thấy cảnh,
Suriya yêu quý chết hôm nay.

1093. Ta mong mẹ của ác Khaṇḍa,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử, những anh tài.

1094. Ta mong mẹ của ác Khaṇḍa,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử của muôn nhà.

⁵⁸ Bản CST viết là Bhārika.

1095. Ta mong vợ của ác Khandā,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử, những anh tài.
1096. Ta mong vợ của ác Khandā,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử của muôn nhà.
- Sau đó, Bồ-tát van xin vua cha trong đàn tế:
1097. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ canh bầy voi, lũ ngựa,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.
1098. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân voi của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.
1099. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân ngựa của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.
1100. Xin làm nô lệ của Khandā,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Hoặc bắt làm nô lệ tặng ai,
Chúng con tùy thánh ý an bài,
Hoặc đầy tất cả ra ngoài nước,
Cầu thực tha phương ở xứ người.
1101. Dù nghèo mong có được con trai,
Khao khát kia, người nữ nguyện hoài,
Với họ có người thôi phải bỏ,
Bởi vì không được đưa con trai.
1102. Họ nghĩ điều an ủi chính mình,
Con trai sinh cháu nối đời đời,
Giờ đây vô có, vì đàn tế,
Bệ hạ phán lời giết các con.
1103. Con trai có được bởi cầu xin,
Cha chó giết đi con của mình,
Xin chó đem con dâng lễ tế,
Đưa con cầu tự được trời ban.

- 1104.** Con trai có được bởi cầu xin,
Cha chớ giết đi con của mình,
Xin chớ chia lìa tình mẫu tử,
Mẹ sinh con trẻ khổ vô cùng.

Khi chàng không thấy vua trả lời, chàng liền quỳ xuống than khóc dưới chân mẹ:

- 1105.** Khó khăn mẹ nuôi nấng Canda,
Giờ đây con mẹ phải lìa xa,
Con xin đánh lễ đôi chân mẹ,
Mong ước cha già đạt kiếp sau.
- 1106.** Mẹ hãy ôm con thật thiết thân,
Cho con ôm mẹ để hôn chân,
Giờ con đến chôn xa xăm ấy,
Làm vật tế đàn cho đức vua.
- 1107.** Mẹ hãy ôm con thật thiết thân,
Cho con ôm mẹ để hôn chân,
Giờ con đến chôn xa xăm ấy,
Để mẹ vương sầu ngập trái tim.
- 1108.** Mẹ hãy ôm con thật thiết thân,
Cho con ôm mẹ để hôn chân,
Giờ con đến chôn xa xăm ấy,
Để mọi người sầu ngập trái tim.
- Rồi mẫu hậu ngâm bốn vần kệ khóc than:
- 1109.** Quý tử trên đầu hãy buộc lên,
Vòng vương miện kết lá hoa sen,
Và hoa campaka này tương xứng,
Vẻ đẹp oai hùng tuổi tráng niên.
- 1110.** Lần cuối cùng con hãy tắm hương,
Loại chiên-đàn ngát thật cao sang,
Ngày xưa lễ hội trong cung điện,
Con đẹp tươi và hương tỏa lan.
- 1111.** Lần cuối cùng con khoác cẩm bào,
Lụa Kāsi mềm mịn đường nào,
Ngày xưa lễ hội trong cung điện,
Con khéo chỉnh trang, thật đẹp sao!
- 1112.** Vòng chuỗi tay này con hãy mang,
Điểm trang ngọc báu, trân châu, vàng,
Ngày xưa lễ hội trong cung điện,
Với chuỗi vòng này, con quý sang.

Đến lượt chánh phi của chàng tên là Candā, quỳ xuống chân chàng than khóc thảm thiết:

1113. Đại vương, chúa tể của giang sơn,
Ý của ngài ban khắp nước non,
Ngài chẳng còn tình yêu phụ tử,
Vớ người duy nhất kế ngài vàng.

Vua nghe vậy liền đáp:

1114. Ta thương mến tất cả ông hoàng,
Ta cũng quý yêu chính bản thân,
Vương hậu các nàng thân thiết cả,
Ta đem con tể lễ dâng đàn,
Bởi vì ta muốn lên thiên giới,
Chẳng muốn đi vào địa ngục môn!

Nàng Candā kêu to:

1115. Chúa thượng giết con trước, đoái thương,
Kẻo niềm thống khổ xé tâm can,
Vương nhi được kết vòng hoa ấy,
Mọi vẻ chàng nay thật vẹn toàn.

1116. Giết chúng con trong hổ tể đàn,
Nơi Canda đến, thiếp theo chàng,
Đại vương sẽ được công vô lượng,
Hồn trẻ lên thiên giới trú an.

Vua đáp lời:

1117. Nàng chớ ước mong chết trước thời,
Các vương đệ đừng cảm bao người,
Sẽ an ủi đầy, hồng nhan hỡi,
Khi mất chồng yêu quý ấy rồi!

Nàng nghe vậy đầm ngực than khóc, hăm dọa sẽ uống độc được tự vẫn và cuối cùng nàng lại kêu gào thảm thiết. Bạc Đạo sư ngâm kệ sau:

1118-20. Cổ vấn, thân bằng cạnh quốc vương,
Không ai dám nói để can ngăn,
Triều thần trung tín không ai cả,
Dám thuyết phục vua chớ giết con.

1121. Còn có các vương tử khác kia,
Thấy đều đầy đủ mọi oai nghi,
Hãy đem các vị lên đàn tế,
Và để Canda được thoát đi.

1122. Đem con xẻ thịt thành trăm mảnh,
Mang cúng bảy nơi, thỏa nguyện mình,

Xin chớ giết đi hoàng tử cả,
Vị kiêu hùng, tựa chúa sơn lâm.

- 1123.** Dem con xẻ thịt thành trăm mảnh,
Mang cúng bảy nơi, thỏa nguyện mình,
Xin chớ giết đi hoàng tử cả,
Người mà toàn bộ thế gian mong.

Sau khi đã than khóc giải bày mọi nỗi niềm đoạn trường mà vẫn không có gì an ủi được, nàng liền bước lên cạnh Bồ-tát, đứng khóc lóc mãi cho đến khi Bồ-tát bảo nàng:

– Này Candā, suốt đời ta đã biết bao lần tặng nàng ngọc ngà trân bảo trong các dịp yến tiệc hội hè, nay ta chỉ còn món báu vật cuối cùng trên mình ta để tặng nàng, xin nàng hãy nhận lấy!

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc này như sau:

- 1124.** Trang sức bảo châu đủ sắc màu,
Ngọc trai, ngọc bích, quý dường bao,
Tặng nàng những lúc tâm vui vẻ,
Nay vật cuối cùng ta gửi trao.

Nàng Candā lại bật khóc và ngâm các vần kệ sau:

- 1125.** Chuỗi hoa rực rỡ nở xinh tươi,
Quàng ở trên vai của những người,
Nay đổi hoa kia bằng kiếm sắc,
Trên vai vị ấy phủ phàng rơi.

- 1126.** Chuỗi hoa rực rỡ nở xinh tươi,
Quàng ở trên vai của những người,
Nay đổi hoa kia bằng kiếm sắc,
Trên vai vị ấy phủ phàng rơi.

- 1127.** Phút chốc kiếm kia đến tận nơi,
Cổ chàng vô tội lướt qua rồi,
Ôi, đem dây sắt mau ràng buộc,
Kéo trái tim ta sắp vỡ đôi!

- 1128.** Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tế đàn.

- 1129.** Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.

1130. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.
1131. Thọ bữa thịt cơm, tấm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tế đàn.
1132. Thọ bữa thịt cơm, tấm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.
1133. Thọ bữa thịt cơm, tấm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xúc trầm, chiêm-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.

Trong khi nàng than khóc như vậy, mọi người đã chuẩn bị nghi lễ xong xuôi trên huyết tể thân. Họ đưa vương tử đến đặt vào một chỗ ngồi thích hợp với chiếc cũi vượn ra phía trước. Lão Khandahāla cầm chén vàng lại gần chàng, đưa kiếm lên, đứng thẳng người và nói:

– Ta sẽ cắt cổ nó!

Khi vương phi thấy vậy, nàng nghĩ thầm: “Ta không còn nơi nào để nương tựa, vậy ta sẽ cầu xin phước lành cho phu quân bằng sức mạnh của chân lý.” Rồi nàng chấp tay lên đi giữa những người hành lễ, trang nghiêm thực hiện lời nguyện cầu chân lý.

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh này như sau:

1134. Khi sửa soạn xong lễ tế đàn,
Canda ngồi đó đợi tại nàn,
Pañca công chúa đi vào giữa,
Quần chúng khắp nơi phát nguyện vang.
1135. “Quả nhiên đây vị Bà-la-môn,
Làm độc kế do tính dối gian,
Mong ước phu quân yêu dấu ấy,
Chẳng bao lâu nữa được an toàn!
1136. Mong các thần tiên, quý chôn đây,
Hãy nghe lời nói của con vậy,

Thực hành nhiệm vụ con giao phó,
Tái hợp con cùng thái tử này!

- 1137.** Tất cả thần tiên ở chốn này,
Con xin quỳ xuống dưới chân ngài,
Hộ phù con trẻ không người giúp,
Thương xót nghe con cầu cứu đây!”

Thiên chủ Sakka nghe lời cầu xin của nàng và xem thấy sự tình xảy ra như vậy liền cầm một khối sắt sáng lòe hăm dọa nhà vua và đuổi tan đám đông dự lễ ấy.

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh này như sau:

- 1138.** Thiên thần nghe tiếng nọ kêu than,
Muốn giúp chánh nhân, vội giáng phàm,
Vung khối sắt lên lòe ánh sáng,
Làm tâm bạo chúa phải kinh hoàng.

- 1139.** “Bạo chúa biết ta, Thiên đế chẳng?
Hãy nhìn xem vũ khí ta mang,
Đừng làm hại trưởng nam vô tội,
Sur tử chúa trong bãi chiến trường!”

- 1140.** Tội ác này ai thấy chốn nào,
Vợ con bị giết cả nhà sao,
Cùng thần dân quý nhất thiên hạ,
Xứng đáng lên thiên giới tối cao?”

- 1141-42.** Bạo chúa vội cùng vị tể sư,
Thả người vô tội nạn nhân ra,
Đám đông lấy đá và cây gậy,
Cuồng nhiệt say sưa, họ hét la,
Đánh chết Khandaka ngay tại chỗ,
Đền bù bao tội ác gian tà.

Khi họ đã giết lão quốc sư xong, họ tìm cách bắt vua phải chết, nhưng Thiên chủ Sakka ôm vua lại không cho dân chúng giết vua. Khi ấy, đám đông mới tha mạng vua, nhưng họ nghĩ: “Ta không thể để vua này cai trị hay ở tại kinh thành nữa, ta phải bắt vua ra khỏi thành và ở một nơi do ta định đoạt.”

Thế là họ lột hết cẩm bào của vua, bắt vua mặc áo vàng, trùm khăn vàng lên đầu làm một kẻ khốn cùng và bắt vua phải ở khu vực dành cho hạng khốn cùng. Còn tất cả những kẻ nào nhúng tay vào việc tế lễ này hay đồng tình ủng hộ đều bị trừng trị đích đáng và khi chết phải đọa địa ngục đúng theo số phần của họ.

Bậc Đạo sư ngâm kệ sau:

- 1143.** Ai đã tạo nên tội ác vậy,
Thẳng đường vào địa ngục kia ngay,
Không ai được tái sinh thiên giới,
Khi đã mang lầm lỗi thế này.

Sau khi đã trừ bỏ được hai quái vật độc ác ấy, dân chúng liền mang lễ vật đến làm lễ dâng quang, rảy nước thánh lên đầu Thái tử Canda để chàng lên ngôi vua.

- 1144.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Các vua họp lại cùng nơi ấy
Quán đánh Canda kẻ vị cha.
- 1145.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Công nương họp lại cùng nơi ấy,
Quán đánh Canda kẻ vị cha.
- 1146.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Chư thiên họp lại cùng nơi ấy,
Quán đánh Canda kẻ vị cha.
- 1147.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Thiên nữ họp lại cùng nơi ấy,
Quán đánh Canda kẻ vị cha.
- 1148.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Các vua họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.
- 1149.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Công nương họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.
- 1150.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Chư thiên họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.
- 1151.** Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Thiên nữ họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.

1152. Khi các tù nhân đã được tha,
Mọi người mừng rỡ, hát hoan ca,
Phổ phường tràn ngập trong chiêm trống,
Hạnh phúc, tự do đến mọi nhà.

Bồ-tát ra lệnh cung cấp mọi nhu cầu cho cha được đầy đủ, nhưng phế vương không được phép vào kinh thành và khi nào tiền cấp dưỡng đã cạn, ông thường tìm gặp Bồ-tát vào những dịp ngài dự hội hè ở công viên hay những nơi công cộng khác. Vào những lúc ấy, phế vương không chấp tay kính chào con mình vì ông nghĩ: “Ta mới thật là Đại vương” nên ông chào ngài:

– Vạn tuế Chúa công!

Và khi Bồ-tát hỏi ông cần gì, ông nói rõ vật ấy, rồi Bồ-tát ra lệnh đem tiền bạc lại cho cha.

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Devadatta tìm cách giết hại nhiều người chỉ vì Ta mà trước kia kẻ ấy cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Devadatta là Khaṇḍahāla, Mẫu hậu Mahāmāyā là Hoàng hậu Gotamī, mẹ của Rāhula (La-hầu-la) là Candā, Rāhula là Vāsula, Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) là Selā, Kassapa (Ca-diếp) thuộc dòng họ Vāma là Sūra, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là Bhaddasena, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Vương tử Suriya và Vua Canda chính là Ta, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

§545. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ NĀRADA KASSAPA **(Mahānārada-kassapajātaka)⁵⁹ (J. VI. 219)**

Một vì vua xứ Videha...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể khi Ngài trú ngụ tại lạc viên Latthivana (Rừng Mía) về việc quy y của Tôn giả Uruvela Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp).

Lúc bấy giờ, uy danh của bậc Đạo sư về việc hoằng dương Chánh pháp đã bắt đầu lừng lẫy. Sau khi Ngài giáo hóa các vị tu khổ hạnh khác cùng Tôn giả Uruvela Kassapa, Ngài liền đi đến lạc viên Latthivana với cả ngàn Tỷ-kheo vây quanh, các vị này trước đây là những đạo sĩ khổ hạnh. Ngài muốn thuyết phục vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà) giữ lời hứa cúng dường tinh xá Veluvana (Trúc Lâm). Và lúc ấy, vua nước Magadha cùng đến với đoàn triều thần đông đến mười hai vạn người.

Sau khi đánh lễ đức Phật xong, vua ngồi xuống, rồi một vấn đề được đưa

⁵⁹ Chuyện này trong bản PTS và Tích Lan là số 544, trong bản CST là số 545.

ra tranh luận giữa các Bà-la-môn và các gia chủ trong đoàn tùy tùng của vua: “Phải chăng Tôn giả Uruvela Kassapa phục tùng sự giáo hóa của bậc Đại Sa-môn, hay là bậc Đại Sa-môn phục tùng sự hướng đạo tu hành của Tôn giả Uruvela Kassapa?” Lúc ấy, đức Thế Tôn nghĩ thầm: “Ta sẽ cho hội chúng thấy rằng Kassapa đã phục tùng sự giáo hóa của Ta.” Rồi Ngài ngâm kệ này:

Thấy gì Hiền giả Kassapa,
Người ở rừng Uruvela,
Lùng lấy tiếng tăm về khổ hạnh,⁶⁰
Sao ông từ bỏ lửa thiêng xưa?
Kassapa hỡi, nghe Ta hỏi,
Sao bỏ tế đàn với lửa kia?

Lúc ấy, vị Trưởng lão đã hiểu rõ ý nghĩa câu hỏi của đức Phật liền đáp kệ này:

Tế lễ nói lên ngũ dục trần,
Sắc, thanh, hương, vị với giai nhân,
Và khi biết những điều như thế,
Chỉ thấy trong đời sống thế gian,
Đều bất tịnh, con không thích thú,
Tế đàn dâng lễ cúng thiên thần.

Rồi để tỏ ra mình là đệ tử Phật, vị Tỷ-kheo này đặt đầu lên chân đức Phật và nói:

– Đức Thế Tôn là Đạo sư của con, con là đệ tử của Ngài.

Nói xong ông bay lên không bảy lần đến ngọn một cây cọ dừa (tāla), hai cây cọ dừa cho đến bảy cây cọ dừa rồi trở xuống đánh lễ đức Thế Tôn và ngồi qua một bên. Hội chúng trông thấy việc hy hữu như thế liền tán thán uy danh của bậc Đạo sư, đồng nói to:

– Cao cả thay thân lực của đức Phật! Nên mặc dù đã tin tưởng vững chắc vào uy lực của mình, mặc dù tự cho mình là Thánh nhân, Tôn giả Uruvela Kassapa cũng đã phá bỏ mọi vọng chấp sai lầm và xin quy y với đức Như Lai.

Bậc Đạo sư đáp:

– Việc ấy cũng không kỳ diệu gì khi ngày nay Ta đã đạt thắng trí viên mãn và giáo hóa vị này, vì ngày xưa, khi Ta còn là một Bà-la-môn tên gọi Nārada và còn tham đắm dục lạc, Ta cũng đã phá tan mọi vọng chấp sai lạc của ông ấy và khiến ông ấy phải quy phục.

Rồi theo lời thỉnh cầu của thánh chúng. Ngài kể câu chuyện sau đây.

⁶⁰ Xem *J. I. 83; Vin. I. 36.*

Ngày xưa, ở thành Mithilā trong quốc độ Videha có một vị minh quân trị vì rất đúng pháp tên là Aṅgati.⁶¹ Lúc bấy giờ, chánh hậu của ngài đang mang thai một công chúa xinh đẹp đầy ân phúc tên gọi Rujā,⁶² có công hạnh rất lớn và là người đã phát đại nguyện suốt một trăm ngàn kiếp. Mười sáu ngàn phi tần kia của ngài đều không có con. Vì thế, công chúa này rất được yêu quý nâng niu.

Hằng ngày, ngài thường ra lệnh ban cho nàng hai mươi lăm giỏ đầy hoa các loại và xiêm y lộng lẫy để nàng trang sức, lại ban cho nàng một ngàn đồng tiền để nàng bố thí các thức ăn uống tràn trề, mỗi tháng hai lần.

Lúc bấy giờ, ngài có ba vị cận thần tên gọi Vijaya, Sunāma và Alāta. Vào một ngày rằm tháng tư, cả kinh thành và cung điện được trang hoàng lộng lẫy như cảnh thiên giới. Sau khi đức vua đã tắm gội, xức dầu thơm và trang sức đủ loại ngọc ngà trân bảo, ngài cùng các cận thần ngự lên thượng lầu, mở cửa sổ nhìn mặt trăng tròn đang lên cao dần trên bầu trời quang đãng. Ngài bảo các cận thần:

– Đêm trăng này thật thú vị quá, các khanh muốn cùng ta hưởng lạc thú gì chăng?

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

- 1153.** Một vị vua xứ Videha,
Tên gọi Aṅgati, thuở xưa,
Có lắm cỗ xe, tài sản quý,
Binh hùng tướng mạnh kể sao vừa.
- 1154.** Một đêm trăng sáng ngày mười lăm,
Canh một sắp qua, ánh nguyệt rằm,
Tháng thứ tư mùa mưa mới đến,
Vua liền tụ họp các quần thần.
- 1155.** Vijaya, tướng Alāta,
Cùng với đại thần Sunāma,
Là các Trí nhân, tươi nét mặt,
Thông minh, kinh nghiệm đủ phò vua.
- 1156.** Videha hỏi chúng triều đình:
“Hãy nói ý mình muốn, mỗi khanh,
Nay đúng tháng tư, đêm mãn nguyệt,
Mây mờ không phủ ánh trăng thanh,
Đêm nay ta có gì vui thú,
Tiêu khiển thời giờ ấy thật nhanh?”

⁶¹ Bản CST viết Aṅgati.

⁶² Bản CST viết Rucā.

Cứ thế khi được vua hỏi đến, mỗi vị cận thân nói lên nguyện ước của lòng mình.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

- 1157.** Tướng Alāta vội tâu liền:
 “Bệ hạ! Xin cho tập hợp binh,
 Tất cả vui tươi thêm khí thế,
 Binh hùng, tướng mạnh, đấu tài tình.
- 1158.** Theo ý hạ thần, ta chiến chinh,
 Lượng đông vô số chàng hùng binh,
 Ta đi thu phục người chưa phục,
 Và xứ nào chưa phụ thuộc mình.”
- 1159.** Vừa nghe lời của Alāta,
 Sunāma bèn vội nói là:
 “Bệ hạ! Kẻ thù tất cả đã,
 Quy hàng, dưới trướng của ngài mà.
- 1160.** Kẻ thù đã bỏ hết gươm đao,
 Họ đã chịu theo, chịu cúi đầu,
 Đại lễ hôm nay rất đặc biệt,
 Hạ thần không thích đánh binh nhau.
- 1161.** Xin hãy làm liền, khẩn cấp mang,
 Thật nhiều ẩm thực, món cao sang,
 Đại vương, xin hãy vui say dục,
 Vũ điệu, hát ca, các loại đàn.”
- 1162.** Nghe xong lời của Sunāma,
 Vijaya bèn vội nói là:
 “Tất cả dục thường luôn đủ sẵn,
 Khi cần là phục vụ nhà vua.
- 1163.** Bệ hạ thích vui các dục nào,
 Thì ngài đạt được dễ làm sao!
 Tuy rằng có chúng luôn không khó,
 Nhưng ý đó thần nghĩ chẳng cao.
- 1164.** Chúng ta nên hầu cận Sa-môn,
 Hay vị Bà-la-môn hiểu thông,
 Thánh điển am tường, rõ nghĩa lý,
 Dẹp ngay nghi hoặc của ta xong.”
- 1165.** Nghe xong lời của Vijaya,
 Vua Amgati mới phán là:
 “Theo ý Vijaya khẩn tấu,
 Trẫm nay cũng thấy hỷ hoan ngay!

1166. Chúng ta nên hầu cận Sa-môn,
Hay vị Bà-la-môn hiểu thông,
Thánh điển am tường, rõ nghĩa lý,
Đẹp ngay nghi hoặc của ta xong.
1167. Tất cả thực thi ý kiến này,
Vậy hầu cận trí giả nào đây?
Vị mà thánh điển đầy thông hiểu,
Nghĩa lý am tường, đẹp mỗi nghi.”
1168. Nghe lời Vua Videha khuyên,
Tướng Alāta bèn tâu liền:
“Vườn Lộc Uyển kia có đạo sĩ,
Được xem là bậc Trí tinh chuyên.
1169. Vị Guṇa dòng Kassapa,
Học cao, thuyết pháp thật tài ba,
Đông nhiều đệ tử, ngài nên đến,
Vị ấy phá tan nghi của ta.”
1170. Nghe qua lời của Alāta,
Vua thúc giục liền quan thủ xa:
“Ngươi hãy đưa xa giá thẳng sẵn,
Chúng ta đi Migadāya.”
1171. Xa giá của vua được thẳng nhanh,
Bằng ngà voi đẹp, bạc viền quanh,
Nhiều đồ bóng láng và tinh sạch,
Xa giá trắng xinh tựa mặt trăng.
1172. Tứ mã thẳng đây là giống Sindh,
Sắc màu hoa súng trắng xinh xinh,
Chúng phi như gió và thuần thực,
Lại có đeo đai, lục lạc vàng.
1173. Sắc màu xa giá trắng tinh anh,
Lọng, mã, quạt cùng trắng bạch thanh,
Vua với đại thần cùng khởi tiến,
Ngài trông rực rỡ tựa vàng trắng.
1174. Nhiều kẻ theo hầu cho anh quân,
Đế vương vĩ đại thật oai hùng!
Bao nhiêu dũng sĩ trên lưng ngựa,
Mạnh mẽ bên mình mang giáo gươm.
1175. Đi trong chốc lát đến nơi kia,
Vị Khattiya bước xuống xe,

Vua Videha cùng các tướng,
Bộ hành tới lửa thề Guṇa.

1176. Lúc ấy tại đây tỵ rất đông,
Có nhiều gia chủ, Bà-la-môn,
Nhưng vua cũng vẫn không ra lệnh,
Bảo họ lui ra khỏi đất vườn.

Ngài ngồi qua một bên, được vây quanh bởi thính chúng gồm đủ hạng người như vậy, rồi ngài làm lễ yết kiến vị ẩn sĩ kia.

Bậc Đạo sư giải thích vấn đề này như sau:

1177. Sau đó vua ngồi ở một bên,
Dưới là một chiếc gối êm êm,
Đặt trên chiếc thảm nhiều màu sắc,
Nhẹ trải ra mời ngài ngự lên.
1178. Khi đã ngự an chỗ ấy xong,
Đức vua thân thiện hỏi thăm ông:
“Thưa ngài, nuôi sống ra sao vậy?
Thân được điều hay gió mạnh không?”
1179. Nếp sống của ngài có khó khăn?
Việc đi khát thực đủ ngài ăn?
Bệnh đau ít ỏi phải không ạ?
Đôi mắt có suy giảm, yếu chẳng?”
1180. Đạo sĩ Guṇa đáp hỷ hoan,
Khi Videha rất quan tâm,
“Đại vương, bản đạo mạng nuôi đủ,
Hai việc kia đều được ổn an.
1181. Xin hỏi Đại vương Videha,
Những vùng biên giới giương oai ra?
Các con vật kéo xe không bệnh?
Các cỗ xe đều nhanh, chạy xa?
Thân ngài không bệnh nào trầm trọng,
Mà khiến cho ngài khổ, thán ca?”
1182. Được hoan hỷ đáp, vua anh minh,
Thủ lãnh xa binh, yêu lý kinh,
Liên tục hỏi về nghĩa, giáo pháp,
Và phương cách áp dụng cho mình.
1183. “Kính thưa Tôn giả Kassapa,
Khi một con người dối mẹ cha,
Đối với vợ con, thầy dạy học,
Thế nào là đúng pháp, hài hòa?

- 1184.** Cư xử thế nào với trưởng tôn,
Với Sa-môn, các Bà-la-môn,
Và quân binh với cả dân chúng,
Xin hỏi làm sao mới chánh chân?
- 1185.** Thế nào người đứng pháp lâm chung,
Họ được đi về chốn phúc cung?
Còn những người tà pháp lúc chết,
Lại rơi địa ngục lúc sau cùng?”

Vì lúc ấy không có một vị Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện, cũng không có một vị Độc Giác Phật, một vị Thánh đệ tử của chư Phật hay một bậc đại trí nào nên vua hỏi liên tiếp các vấn đề đáng được nêu ra của một vị quốc vương cho một đạo sĩ lỡ thề không hiểu biết gì và lại mù quáng tựa trẻ thơ. Vừa khi được hỏi như vậy, ông đã không trả lời phù hợp câu hỏi mà nhân cơ hội tâu ngay:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương nghe đây!

Rồi ông tuyên thuyết tà pháp của mình như kẻ dùng cây đánh con bò trong khi nó đang đi, hay giống kẻ đang ném rác rưởi vào bát cơm.

Bậc Đạo sư giải thích vấn đề như sau:

- 1186.** Nghe xong lời của Videha,
Đạo sĩ Kassapa nói là:
“Bệ hạ, xin nghe bản đạo đáp,
Đây điều chân thật, chẳng sai ngoa.
- 1187.** Không hề có quả ác hay lành,
Cho những ai theo pháp thực hành,
Không có đời sau, tâu Bệ hạ!
Bởi ai từ đây đến đây sanh?
- 1188.** Tâu Bệ hạ! Không có tổ tông,
Từ đâu có mẹ, cha, hay ông?
Không người được gọi là thầy dạy,
Vì có ai thuần được kẻ nông?
- 1189.** Chúng sinh bình đẳng và tương đương,
Nên chẳng có người kính trưởng tôn,
Không có sức cường hoặc nỗ lực,
Từ đâu nhân loại khởi sinh, vượn?
Các chúng sinh thì theo định mệnh,
Như thuyền theo bánh lái mà nương.
- 1190.** Con người được nhận phần nên nhận,
Như thế từ đâu quả thí sanh?

Bệ hạ! Không hề có quả thí,
Sự tinh tấn trở thành vô năng.

- 1191.** Vật thí được người ngu phát ban,
Được người có trí nhận thu phần.
Những người bất lực, thực hành thí,
Kẻ ngốc nghĩ rằng mình Trí nhân.

Sau khi diễn giảng sự vô ích của bố thí, ông lại tiếp tục giải thích tội chướng không có công năng tạo nghiệp quả:

- 1192.** Bảy uẩn thân bền, không vỡ, động,
Đó là hỏa, địa, thủy và phong,
Cộng thêm lạc, khô, cùng đời sống,
Chẳng thấy điều làm chúng vỡ tung.
- 1193.** Nếu dùng gươm chặt, xuyên bằng đao,
Giữa bảy uẩn thân cũng chẳng sao,
Không một thân nào bị sát hại,
Không điều làm chúng chết, rời nhau.
- 1194.** Ai nắm đầu người rồi xuống tay,
Dùng thanh gươm bén chặt đầu ngay,
Cũng không phải chặt thân người ấy,
Quả ác từ đâu sanh khởi đây?
- 1195.** Tám mươi bốn đại kiếp luân hồi,
Qua hết, chúng sanh sẽ sạch thôi,
Chưa đến thời gian đặng đặng ấy,
Sạch trong chẳng được, dù rèn tôi.
- 1196.** Dù đã làm nhiều điều tốt hay,
Thời chưa đến, họ chẳng trong ngay,
Dù cho làm ác nhiều đi nữa,
Họ cũng không qua thời hạn này.
- 1197.** Tám mươi bốn đại kiếp trôi qua,
Lần lượt có trong sạch của ta,
Không thể nào ta vượt định mệnh,
Giống như biển chẳng vượt bờ xa.

Cứ thế, kẻ theo “thuyết Đoạn kiến” ấy đã dốc lòng bám quanh, củng cố lý lẽ riêng của chính mình.

- 1198.** Nghe lời đạo sĩ nói vừa xong,
Alāta bèn vội mở lòng:
“Theo những lời mà Đại đức thuyết,
Thì tôi cũng thỏa niềm trông mong.

1199. Tôi nhớ kiếp vừa sống trước đây,
Trong luân hồi của bản thân này,
Tôi là một thợ săn thành phố,
Kẻ giết bò, tên Piṅgala.
1200. Tại thành Bārāṇasī giàu,
Tội ác tôi gây tạo biết bao,
Tôi đã giết đi nhiều mạng sống,
Các loài súc vật heo, dê, trâu.
1201. Chết từ nơi ấy, đến đây sinh,
Vào một gia đình tướng phú vinh,
Quả ác rõ ràng là chẳng có,
Tôi không đến địa ngục hành hình.”
1202. Bảy giờ, nô lệ Bījaka,
Là gã nghèo hèn, rách rưới qua,
Đến chỗ của Guṇa đạo sĩ,
Gã này giữ Bồ-tát ngày trai.
1203. Nghe xong lời của Kassapa,
Cả đáp lời từ Alāta,
Gã vội thở dài và bức xúc,
Khóc liền, nước mắt tuôn trào ra.
1204. Vua Vedeha hỏi gã nô:
“Vì sao ngươi khóc, nói nguyên do,
Điều chi ngươi đã nghe hay thấy,
Cảm thọ thế nào? Hãy đáp cho!”
1205. Nghe xong lời của Vedeha,
Nô lệ Bījaka đáp là:
“Cảm thọ khổ đau con chẳng có,
Đại vương! Xin hãy lắng nghe qua.
1206. Con nhớ kiếp rồi con được sanh,
Bản thân thọ sung sướng, vui an,
Con là triệu phú tên Bhāva,
Ở Sāketa, thích đức lành.
1207. Tâm thuần, con thích phát ban ra,
Đại phú, Bà-la-môn ngợi ca,
Con nhớ bản thân con rất rõ,
Chưa từng tạo nghiệp ác, điều tà.
1208. Tâu đức vua, từ đó chết đi,
Con vào trong bụng một nô tỳ,

- Người này nghèo khổ, đội khuôn nước,
Con lúc sanh ra đã khổ nguy.
- 1209.** Dù phải lâm vào cảnh khó khăn,
Con đây nguyện sống cho công bằng,
Ai mà thiếu thốn, đang mong mỏi,
Con sót chia liền nửa bữa ăn.
- 1210.** Vào mừng mười bốn và mười lăm,
Luôn giữ gìn trai giới tịnh thanh,
Cũng chẳng giết sinh linh, hại chúng,
Cử kiêng trộm cắp, gắng tu tâm.
- 1211.** Có lẽ là toàn hạnh nghiệp trồng,
Tích công bồi đức, quả bằng không,
Con cho là giới kia vô ích,
Như tướng Alāta nói xong.
- 1212.** Có lẽ con đây vận xấu chê,
Như người lừa bịp chưa lành nghề,
Còn Alāta thì may mắn,
Bãi bạc khéo chơi đã vững nghề.
- 1213.** Con chẳng nhìn đâu thấy cửa đi,
Đến nơi cõi phúc, cảnh vui vầy,
Đại vương! Chính bởi nguyên do đó,
Nghe đạo sĩ xong, khóc lệ đầy.”
- 1214.** Nghe Bījaka trình tâu xong,
Vua Aṃgati liền phán rằng,
“Không có cửa vào cõi lạc phúc,
Bījaka chờ định mệnh mà mong!
- 1215.** Dẫu là hạnh phúc hoặc bi ai,
Thật sự là do định mệnh bày,
Tất cả nhờ luân hồi được tịnh,
Thời chưa đến, chớ vội người ơi!
- 1216.** Trẫm bận việc lành mãi, trước đây,
Bà-la-môn, phú gia trình hoài,
Trẫm còn chỉ phán xử nhiều việc,
Nên lãng quên bao dục lạc đây.”

Nói vậy xong, vua tạ từ ẩn sĩ:

– Thừa Tôn giả Kassapa, từ lâu nay trẫm thật là xao lãng, nhưng bây giờ trẫm đã tìm ra được một vị sư trưởng. Vậy từ nay trẫm sẽ tuân theo lời dạy của Tôn giả, trẫm sẽ an hưởng dục lạc mà thôi, dù có nghe thuyết pháp cũng không ngăn cản được trẫm đâu. Xin Tôn giả ở lại, trẫm đi đây!

Và vua nói:

- 1217.** “Thưa Tôn giả, hẹn gặp ngài sau,
Nếu có dịp nào hội ngộ nhau.”
Vua nói xong rồi liền cất bước,
Trở về cung điện Videha.

Thoạt tiên, khi vua đến viếng Guṇa, ngài chào vị này rất cung kính rồi nêu câu hỏi ra, nhưng khi ngài già từ, ngài chẳng chào hỏi gì nữa. Vì Guṇa không đúng như danh truyền, vì bất xứng nên chẳng được đánh lễ, vả lại càng ít được cúng dường thức ăn, v.v... Qua đêm đó, rạng sáng ngày hôm sau, vua triệu tập quần thần lại và bảo:

– Các khanh hãy chuẩn bị đủ mọi thứ dục lạc, từ nay trẫm sẽ chỉ theo đuổi dục lạc, các khanh đừng nói việc gì khác trước mặt trẫm, hãy để những vị này vị kia ra chấp chánh trị dân!

Và từ đó vua chìm đắm trong việc hưởng lạc.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

- 1218.** Sau khi đêm ấy đã dần tan,
Vua Aṃgati lại vội vàng,
Cho triệu đại thần đến điện họp,
Và rồi vua khởi phán lời rằng:
- 1219.** “Truyền bày biện tại Candaka,
Dục lạc luôn đầy cung điện ta,
Chớ để ai vào yết kiến, hỏi,
Dù là vì việc công hay tư.
- 1220.** Vijaya với Sunāma,
Thêm một tướng tài Alāta,
Ba vị đều rành việc phán xử,
Nên ngồi giải quyết mọi kêu ca.”
- 1221.** Vedeha phán điều này xong,
Trần ngập biết bao dục ở lòng,
Không phải bận phiền việc chấp chánh,
Không tìm gia phú, Bà-la-môn.
- 1222.** Sau đó vào đêm mười bốn kia,
Có nàng công chúa tên Rujā,
Được Vua Vedeha yêu quý,
Công chúa bèn thưa nhũ mẫu là:
- 1223.** “Xin hãy mau trang điểm giúp con!
Nô tỳ làm đẹp nhanh cho con!

- Mai là thiên nhật, rằm, trăng sáng,
Con sẽ vào cung gặp phụ hoàng.”
- 1224.** Các nô tỳ đến, mang tràng hoa,
Lại có chiên-đàn quý giá thoa,
Ma-ni, xà cừ, trân bảo đẹp,
Và thêm tấm vải thắm nhiều màu.
- 1225.** Công chúa ngồi trên chiếc ghế vàng,
Bao nhiêu tỳ nữ vây quanh nàng,
Điểm trang, phục sức cho công chúa,
Tôn dáng nàng thêm rực rỡ, sang.
- 1226.** Rujā đầy đủ mọi tư trang,
Đi giữa các nô tỳ của nàng,
Khi tiến vào cung Candaka,
Tựa như ánh chớp giữa mây ngàn.
- 1227.** Khi đến gần vua, nàng Rujā,
Là người chuộng luật, lễ vua cha,
Sau rồi an tọa kê bên ấy,
Trên một ghế xinh có khảm vàng.
- 1228.** Và Vedeha thấy con ngoan,
Ở giữa các nô tỳ một đoàn,
Công chúa tựa thân tiên rạng rỡ,
Vua cha bèn nói những lời rằng:
- 1229.** “Con thích cái hồ ở nội cung,
Có hay xuống giỡn vui, vừa lòng?
Họ thường đem đến con đầy đủ,
Các loại cao lương mỹ vị không?”
- 1230.** Thiếu nữ thường hay hái các bông,
Rồi khâu chúng lại thành từng vòng,
Tự làm nhà nhỏ, khu riêng biệt,
Thích thú vui đùa, giỡn chạy rong?
- 1231.** Còn thứ gì con thiếu thốn chẳng?
Bảo người lập tức mang cho con,
Này con, công chúa mặt thuần sáng,
Hãy nghĩ, dù cho tựa hái trăng!”
- 1232.** Nghe xong lời nói Vedeha,
Công chúa Rujā mới đáp là:
“Toàn bộ thứ này đều đủ cả,
Vì con ở cạnh đức vua cha!

1233. Ngài mai thiên nhật, ngày mười lăm,
Xin bảo đem cho con một ngàn,
Có số tiền vua cha tặng ấy,
Con đây thí mọi kẻ bần hàn.”
1234. Nghe xong lời nói của Rujā,
Vua Aṃgati vội bảo là:
“Lợi ích, quả sanh đâu chẳng thấy,
Vì con, bao của cải tiêu pha.
1235. Vào ngày trai giới, con hành trì,
Giữ giới, thường không ăn uống chi,
Việc chẳng uống ăn là luật định,
Kẻ không ăn uống, phước sanh gì?
1236. Thật sự, bản thân Bījaka,
Nghe xong lời của Kassapa,
Thờ dài, bức xúc liền than khóc,
Nước mắt không ngừng lăn chã sa.
1237. Rujā đang sống thì con ngoan,
Đừng bỏ thọ dùng các bữa ăn!
Con quý yêu, đời sau chẳng có!
Điều vô ích mà cực chi con?”
1238. Nghe Vedeha nói xong rồi,
Rujā, nàng công chúa rạng ngời,
Người biết việc nào sau hoặc trước,
Bèn trình lên phụ vương đôi lời:
1239. “Trước kia con có nghe điều này,
Con cũng đã từng chứng kiến đây,
‘Ai hễ gần thân với kẻ dốt,
Trở thành như kẻ dốt, ngu si.’
1240. Đã ngu mà đến với người ngu,
Thì sẽ thêm ngu xuẩn, chẳng vui,
Alāta và Bījaka,
Họ ngu là phải, Phụ vương ơi!”

Sau khi cả hai trách nhau như vậy, nàng giải thích để vua cha thoát khỏi tà kiến:

1241. Phụ vương, người có trí tuệ hơn,
Thông suốt, rõ ràng về lý chơn,
Sao lại theo tà kiến kém cỏi,
Như là đứa trẻ, rất ngây thơ?

1242. Nếu trong sạch được qua luân hồi,
Thì Guṇa tu vô nghĩa rồi!
Kẻ muội ngu hành kiêu lỗa thể,
Như thiêu thân thấy lửa vào thôi.
1243. Khi trước theo tà kiến nói rằng:
“Qua luân hồi sẽ được trong thanh”
Nhiều người vô trí làm không đúng,
Tai hại trời vầy, tội đã làm.
Bây giờ muốn thoát, quả là khó!
Tựa cá mắc câu dính chặt hàm.

Nàng đưa thêm ví dụ:

1244. Con sẽ nêu thêm ví dụ vào,
Phụ vương đạt lợi ích lớn lao,
Vì nhờ ví dụ mà người trí,
Hiểu được rõ ràng ý nghĩa sâu.
1245. Như con tàu của các thương buôn,
Chuyên chở nặng nề, vô lượng luôn,
Quá tải trọng tàu nên bị khiến,
Tàu chìm xuống đáy biển tan hoang.
1246. Và cũng vậy khi có một người,
Tích dần điều ác, chẳng buông lời,
Đến khi điều ác kia nhiều quá,
Địa ngục phải vào, khổ chẳng nguôi.
1247. Xin tâu Chúa tể địa cầu này,
Tội ác Alāta chứa đầy,
Ông chất chứa thêm nhiều ác nữa,
Theo đây ông dọa cảnh bi ai.
1248. Xin tâu Chúa tể địa cầu này,
Phước báu ông làm lúc trước đây,
Có quả sanh cho ông ấy hưởng,
Chính là ông được sướng vui vậy.
1249. Phước báu của ông cạn kiệt dần,
Do vui trong những việc vô lương,
Sau khi từ bỏ con đường chánh,
Ông đuổi theo sai hướng, trái đường.
1250. Như đòn cân ở thế thăng bằng,
Khi chẳng có gì trên đĩa cân,
Nhưng lúc đặt vào một vật nặng,
Đầu cân lập tức được nâng lên.

1251. Và cũng vậy khi có một người,
Tích dần điều thiện, chẳng buông lơi,
Như Bījaka hướng thiên giới,
Thích thú nhiều nơi quả tốt vui.

Việc hiện nay phải chịu thân phận nô lệ không phải từ quả của thiện nghiệp kia. Ở đây nên hiểu là việc ác đã làm trong quá khứ của người này dẫn đến thân phận nô lệ. Nàng giải thích ý nghĩa này như sau:

1252. Hiện nay nô lệ Bījaka,
Nhận thấy đau khổ của gã ta,
Là bởi ác hành trong quá khứ,
Đến giờ gã thọ quả sanh ra.
1253. Tội ác gã kia cạn kiệt đi,
Do vui vì giữ giới thường khi,
Đã đi đến chỗ Kassapa,
Cha hỡi, đừng theo tà đạo chi!

Rồi nàng lại tiếp tục phô bày tội chướng của việc gây ác nghiệp cùng lợi ích của việc thân cận bạn lành.⁶³

1254. Khi ta thân cận một người nào,
Người tốt hay là xấu dẫu sao,
Có giới hay là không có giới,
Ta theo ảnh hưởng ấy dần sau.⁶⁴
1255. Dẫu người bạn của ta như nào,
Và mức độ thân cận cạn, sâu,
Ta cũng trở thành người thế ấy,
Đồng hành, chung sống sẽ như nhau.
1256. Kẻ nào thân thiết những tha nhân,
Hay kẻ mà đang tiếp xúc gần,
Như mũi tên kia đã tẩm độc,
Làm lan cả bó trong bao tên.
Vì sợ nhiễm lây mà bậc Trí,
Không làm bạn với ác, tà gian.
1257. Nếu người bọc xác cá hôi ươn,
Vớ dải kusa, cỏ cát tường,
Cỏ sẽ có mùi hôi thúi ấy,
Cũng vậy kết giao kẻ đại cuồng.

⁶³ Xem Cp. 75, *Mahāsudassanacariyā* (Hạnh của đức Bồ-tát Mahāsudassana).

⁶⁴ Các câu kệ 1254-59, xem J. IV. 430, *Sattigumbajātaka* (Chuyện anh vũ Sattigumba), số §503; It. 67, *Sukhapatthanāsutta* (Kinh Hy vọng được lạc).

1258. Nhưng nếu người ta bọc cỏ hương,
Vào trong một chiếc lá thông thường,
Lá thơm mùi nhẹ nhàng êm dịu,
Cũng vậy kết giao bậc Trí nhân.

1259. Hiểu về cách lá bọc đồ hàng,
Biết ảnh hưởng nào cho bản thân,
Người trí chẳng đi theo kẻ ác,
Chỉ theo thân cận bậc Hiền lành.
Kẻ ác dẫn ta vào địa ngục,
Người hiền giúp đạt cõi vui an.

Sau khi thuyết pháp cho phụ vương qua sáu bài kệ ấy xong, công chúa bày tỏ nỗi khổ đau mà nàng phải chịu đựng trong các tiền thân xa xưa:

1260. Nhớ về chính bản thân luân hồi,
Bảy kiếp mà con đã nổi trôi,
Và vị lai, đi thêm bảy kiếp,
Khi nào con chết ở đây rồi.

1261. Đời thứ bảy xưa, tâu Phụ vương,
Con đây nam tử thợ rèn thường,
Sinh ra ở Rājagaha,
Thành phố thuộc vùng Magadha.

1262. Con đến bạn bè xấu, ác tâm,
Nên con làm việc ác nhiều lần,
Lại xâm phạm vợ người khác,
Cứ sống như là bất tử nhân.

1263. Nghiệp này được trừ và vùi yên,
Giống lửa dưới tro cháy dở dang,
Rồi cộng thêm vào bao nghiệp khác,
Con sanh ra tại nước Varṇsa.

1264. Trong phú gia, thành Kosambī,
Nhà giàu, nhiều của, ít ai bì,
Con là nam tử độc duy ấy,
Thường được cưng chiều, rất quý yêu.

1265. Nơi đó con thân cận bạn lành,
Người này thích quả thiện lai sanh,
Đa văn túc trí, hay tương trợ,
Người đã giúp con có lạc an.

1266. Vào ngày mười bốn và mười lăm,
Trai giới nhiều đêm con trọn hành,

Nghiệp ấy được tàng lưu, tích trữ,
Như kho báu dưới nước, yên nằm.

1267. Rồi nhiều quả xấu ác sanh ra,
Từ nghiệp tạo nơi Magadha,
Quả dần xoay chuyển giờ con gặp,
Như đã uống ăn trúng độc tà.

1268. Chết đi từ đó, tâu vua cha,
Con đọa địa ngục Roruva,
Bị nấu nung lâu vì sở nghiệp,
Mỗi khi nhớ lại, tâm không an.

1269. Ngục kia con ở rất nhiều năm,
Phải chịu biết bao nỗi khổ nàn,
Con lại sanh làm dê đực thiện,
Tại Bheṇṇākata,⁶⁵ Phụ hoàng!

Con dê đực nhỏ ấy có sức mạnh, bị người leo lên lưng và phải chở họ đi, nó cũng phải mang ách kéo cỗ xe nhỏ. Nàng nói rõ ý nghĩa này như sau:

1270. Con chở quý nam tử được cung,
Bằng xe kéo với cả trên lưng,
Đó là bởi quả nghiệp không thiện,
Theo đuổi vợ người, con đã từng.

Sau khi chết ở đó, con đầu thai vào bụng một con khỉ trong rừng. Ngày con sinh ra đời, con được đem đến trình cho con khỉ đầu đàn, nó nắm lấy chặt và bảo: “Đưa cho ta, con trai!” Rồi nó cắn hạ căn của con cho đứt lia dù con kêu thét lên.

Nàng diễn tả sự việc này qua vần kệ sau:

1271. Từ đó chết đi, con đến nơi,
Đầu thai làm khỉ rừng xa xôi,
Khỉ đầu đàn cắn hạ căn đứt,
Hậu quả do sẵn đuổi vợ người.

Kể đó, nàng thuật tiếp các tiền thân khác:

1272. Từ đó chết qua Dasaṇṇa,
Con làm bò đực, tâu vua cha,
Hiền lành, nhanh nhẹn, hạ căn thiện,
Chịu đựng lâu dài kéo cỗ xa.
Đây là quả của nghiệp khi trước,
Thân cận vợ người kiếp đã qua.

⁶⁵ Bản CST viết Bhinnāgata. Bản PTS và Tích Lan ghi Bheṇṇākata

1273. Từ đó chết qua xứ Vajjī,
 Làm con trong một danh gia kia,
 Không là nam cũng chẳng là nữ,
 Có được thân người chẳng dễ chi!
 Đó là bởi quả nghiệp không thiện,
 Theo đuổi vợ người, con xá chi.
1274. Rồi sanh ở Nandana viên,
 Nơi đẹp tươi của Đạo-lợi thiên,
 Là một nữ thần xinh tuyệt thế,
 Mỹ miều dung sắc như tâm nguyên.
1275. Xiêm áo của con rực đủ màu,
 Bông tai ngọc báu điểm tô vào,
 Con đây múa hát rất điêu luyện,
 Theo Đế-thích làm một nữ hầu.
1276. Lúc con ở tại cung trời ấy,
 Con nhớ rõ thông những kiếp này,
 Và vị lai đi thêm bảy kiếp,
 Khi nào con chết từ nơi đây.
1277. Điều tốt làm nơi Kosambī,
 Chuyển xoay dần đến đúng thời kỳ,
 Từ đây mà chết con sanh tới,
 Thiên giới và nhân giới thường khi.
1278. Trong suốt bảy kiếp, thừa Phụ vương,
 Con luôn được quý trọng, yêu thương,
 Tuy trong kiếp thứ sáu con vẫn,
 Không thoát khỏi thân phận nữ nương.
1279. Kiếp thứ bảy này như ước mong,
 Trở thành thiên tử đại thần thông,
 Con là thiên nam ở nơi ấy,
 Uy thế tối cao, thiên chúng đông.
1280. Thiên nữ vẫn còn đang kết hoa,
 Tại vườn thượng uyển Nandana,
 Và rồi thiên tử tên Java,
 Là vị nhận cho con chuỗi hoa.
1281. Thời gian một buổi trên trời bằng,
 Mười sáu năm tròn cõi thế nhân,
 Và một ngày đêm thiên giới ấy,
 Bằng trăm năm chẵn của nhân gian.

1282. Nghiệp cứ đi như vậy với ta,
Cho dù vô số kiếp kinh qua,
Nghiệp kia dẫn thiện hay là ác,
Cũng vẫn không bị hủy hoại ra.

Rồi kể đó, nàng tuyên pháp tối thượng:

1283. Nam nhân muốn sẽ được thành người,
Mỗi kiếp sanh thân, mỗi một đời,
Nên tránh xa vợ của kẻ khác,
Tựa người chân sạch tránh bùn dơ.

1284. Nữ nhân muốn sẽ được thành người,
Mỗi kiếp sanh thân, mỗi một đời,
Nên kính trọng chồng cho đúng mực,
Như tỳ thiếp đối với thiên vương.

1285. Người ham của cải ở thiên đàng,
Hạnh phúc, thọ lâu, danh tiếng vang,
Thì phải lánh xa các việc ác,
Nên hành ba loại pháp đàng hoàng.

1286. Đó là thông qua ý, khẩu, thân,
Không phóng dật và hiểu rõ ràng,
Lợi lạc bản thân, sống ý nghĩa,
Cho dù là nữ hay là nam.

1287. Bất cứ một ai ở cõi này,
Có danh, mọi của cải tràn đầy,
Do hành ba pháp tốt khi trước,
Dù mỗi chúng sanh nghiệp khác sai.

1288. Thừa Phụ vương, xin tự gẫm suy,
Sao cha có những nữ nhân đây?
Trông như thần nữ khéo trang điểm,
Lại có áo choàng vàng thể này.

Nàng khuyên bảo vua cha như vậy.

Bậc Đạo sư giải thích sự việc như sau:

1289. Như vậy, Rujā công chúa ngoan,
Đã làm cho phụ vương hài lòng,
Vì nàng giải thích đạo hay rõ,
Và pháp cho vua cha bất thông.

Sau khi đã giảng pháp cho vua cha nghe suốt đêm đến rạng sáng ngày hôm sau, nàng bảo:

– Tâu Phụ vương, xin đừng nghe lời kẻ tà thuyết lừa thế kia mà hãy theo lời bạn lành như con đây đang tâu với Phụ vương rằng có đời này và đời sau, có nghiệp quả thiện, ác! Xin Phụ vương đừng lạc vào tà đạo!

Tuy nhiên, nàng vẫn chưa đủ khả năng giải thoát vua cha khỏi tà thuyết của ngài. Ngài chỉ đẹp ý khi nghe những lời lẽ êm dịu của con, vì các bậc cha mẹ tự nhiên yêu thích lời lẽ của con cái họ, nhưng họ lại không chịu từ bỏ những ý kiến riêng của mình. Thế là trong kinh thành vang lên lời đồn đãi: “Công chúa Rujā đang cố đánh tan các tà kiến bằng cách giảng Chánh pháp.” Và dân chúng rất hoan hỷ: “Công chúa hiền đức sẽ giải thoát vua cha khỏi tà thuyết và sẽ đem lại phồn vinh cho dân chúng.”

Tuy nhiên, dù công chúa chưa đủ khả năng làm vua cha tỉnh ngộ, nàng vẫn không ngã lòng, thoái chí mà vẫn quyết tâm tìm phương tiện đem lại chân hạnh phúc cho vua cha. Nàng chấp tay lên đỉnh đầu lễ bái khắp mười phương, nàng nguyện cầu:

– Trong thế gian này có vị Sa-môn và Bà-la-môn chân chính phù hộ người đời, có chư thiên ngự trị khắp nơi, lại có các vị Đại Phạm thiên, kính xin các vị đến giúp cho vua cha của tiện nữ từ bỏ tà kiến hoặc nếu quý vị không có đủ tự lực, xin quý vị đến đây theo uy lực và công đức của tiện nữ để xua tan tà thuyết này và đem lại hạnh phúc cho toàn thể thế gian!

Lúc bấy giờ, Bồ-tát là vị Đại Phạm thiên tên gọi Nārada. Các vị Bồ-tát đầy lòng từ bi, lân mẫn và uy lực thỉnh thoảng hay phóng nhãn quang nhìn người thiện, kẻ ác trên thế gian. Ngày hôm ấy, ngài nhìn xuống thế gian thấy công chúa đang cầu nguyện chư thiên ngự trị khắp nơi đến giải thoát vua cha khỏi tà thuyết, ngài nghĩ thầm: “Trừ ta ra không ai có thể xua tan tà thuyết được, ta phải đến ngay hôm nay tỏ lòng từ ái với công chúa và mang lại hạnh phúc cho đức vua cùng dân chúng. Ta sẽ khoác bộ áo nào đây? Các ẩn sĩ tu hành thường được người đời yêu kính, lời lẽ của các vị ấy thường được xem là đáng tin thọ, vậy ta sẽ khoác áo ẩn sĩ.”

Thế là ngài hóa ra hình tướng thế nhân rất khả ái với làn da như vàng ròng, mái tóc bện lại được ghim bằng cây kim vàng. Sau khi mặc y trong bằng vải nhuộm và y ngoài bằng vải thô từ sợi vỏ cây nhuộm, ngài lại khoác lên vai tấm da nai đen làm bằng bạc lấp lánh điểm sao vàng ánh, cầm bình bát khát thực bằng vàng đeo lưng bằng một chuỗi ngọc, trên vai ngài đặt chiếc đòn gánh bằng vàng có ba mấu, cầm bình nước bằng san hô được buộc bằng chuỗi ngọc trai. Với bộ trang phục ấy, ngài liền phi thân qua bầu trời chẳng khác nào vầng trăng sáng rực giữa không gian rồi bước vào thượng lầu của cung Candaka, đứng sừng sững trước mặt vua.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

- 1290.** Rồi Bồ-tát Nārada này,
Từ cõi Phạm thiên đến cõi người,
Quan sát xứ Jambudīpa,
Ngài nhìn thấy rõ Amgati.
- 1291.** Ngài ngừng lại chỗ tòa lâu đài,
Phía trước nhà Vua Vedeha,
Khi thấy vị này đã đến chỗ,
Rujā lễ ẩn sĩ nơi đây.

Vua choáng váng trước vẻ huy hoàng của vị Phạm thiên nên không thể ngồi yên trên ngai vàng mà vội bước xuống đất, hỏi lý do ngài giáng lâm cùng danh hiệu, gia tộc của ngài.

Bậc Đạo sư giải thích sự việc như sau:

- 1292.** Rồi vua liền xuống khỏi ngai mình,
Tâm trí ngạc nhiên đến thất kinh,
Đề hỏi vị Nārada ấy,
Vua dùng lời lẽ sau thưa trình.
- 1293.** Ngài đến từ đâu, đáng thánh thần,
Như vàng trắng chiếu sáng đêm trường,
Nói cho ta biết tên, gia tộc,
Người gọi là gì giữa thế nhân?

Nārada nghĩ thầm: “Vị vua này không tin tưởng có đời sau, vậy ta phải nói cho vua biết về đời sau.” Rồi ngài ngâm kệ:

- 1294.** Ta đến đây từ hội chúng thiên,
Như vàng trắng chiếu sáng đêm đen,
Ta nêu danh tánh cùng gia tộc,
Kassapa, Nārada, họ tên.

Vua nghĩ thầm: “Lát nữa ta sẽ hỏi ngài về đời sau, bây giờ ta hãy hỏi ngài về mục đích việc giáng trần vì diệu này.”

- 1295.** Điều như thế thật diệu kỳ thay,
Giữa khoảng không, ngài đi đứng tài!
Ta muốn hỏi ngài đây một việc,
Lý do ngài có thần thông này?

Nārada đáp:

- 1296.** Chân thật, công bằng, chế ngự mình,
Rộng lòng bố thí đã lừng danh,
Nhờ công đức thực hành tinh tấn,
Như ý nguyện mình, ta lướt nhanh.

Ngay cả lúc ngài nói như vậy, vua cũng không thể tin vào đời sau bởi vì tà kiến đã ăn sâu, vua liền hỏi: “Có quả của phước thiện sao?” rồi ngâm kệ:

1297. Ngài đã nói điều kỳ diệu này
Là do phước thiện tựu thành đây,
Nếu điều này đúng như ngài nói,
Xin trả lời cho trăm thẳng ngay!

Nārada đáp:

1298. Đây việc của ngài, hỏi Đại vương,
Hỏi ta điều cảm thấy nghi nan,
Hiển nhiên ta đáp cho ngài rõ,
Nhờ lý luận, bằng chứng rõ ràng.

Vua liền hỏi:

1299. Nārada, trăm hỏi điều này,
Đừng trả lời sai câu hỏi đây,
Thật có chư thiên hay tổ phụ,
Đời sau như bọn chúng đồn vầy?

Nārada đáp:

1300. Thật có thiên thần với tổ tiên,
Đời sau như chúng vẫn nêu lên,
Nhưng người tham dục và mê đắm,
Không biết đời sau bởi đảo điên.

Khi nghe điều này, vua cười to và ngâm kệ:

1301. Nārada, nếu đã tin rằng,
Có cõi cho người chết trú thân,
Đưa trăm năm trăm đồng bạc gấp,
Đời sau trăm sẽ trả ngàn đồng.

Thế rồi bậc Đại sĩ đáp lời, khiển trách vua ngay giữa hội chúng:

1302. Ta đưa ngài đủ số năm trăm,
Nếu biết ngài hiền đức, rộng lòng,
Nhưng nếu ngài là người độc ác,
Đọa vào trong địa ngục đầy thân,
Còn ai đòi được ngài đem trả,
Đời kế, ngàn đồng ấy được không?

1303. Khi một người thù ghét thiện lương,
Chỉ yêu tội lỗi lại hung tàn,
Trí nhân chẳng muốn cho vay mượn,
Kẻ nợ ấy không thể đáo hoàn.

1304. Khi người ta biết kẻ tài năng,
Đức hạnh, tinh chuyên lại rộng lòng,

Họ sẽ mời người kia mượn của,
Bằng nhiều lợi lạc họ đem dâng,
Khi người kia đã làm xong việc,
Người sẽ bồi hoàn nợ đã mang.

Vua bị quả trách như vậy vẫn chưa hiểu, còn hoang mang. Hội chúng rất hoan hỷ, reo to:

– Vị thiên có đại thần lực vi diệu sẽ giải thoát Đại vương khỏi tà kiến ngay hôm nay.

Và cả kinh thành chấn động lên. Rồi nhờ thần lực của bậc Đại sĩ, không một ai ở trong phạm vi bảy do-tuần quanh thành Mithilā không được nghe ngài thuyết pháp. Lúc ấy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Nhà vua đã quá chấp thủ tà kiến, ta sẽ làm cho vua hiểu nỗi kinh hoàng của địa ngục mà bỏ tà kiến đi, sau đó ta sẽ trấn an vua bằng cõi chư thiên.” Rồi ngài bảo vua:

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương không bỏ tà kiến ấy đi, Đại vương sẽ bị đọa vào địa ngục chịu thống khổ không ngừng.

Và ngài bắt đầu kể đến các loại địa ngục khác nhau:

1305. Đại vương, khi già biệt đời này,
Ngài sẽ thấy điều, quạ cả bấy,
Vô xé xác ngài trong địa ngục,
Và kên kên nữa, máu me đây,
Còn ai bắt được ngài, đời kế,
Dem trả ngàn đồng ấy đã vay?

Sau khi tả địa ngục Diêu Quạ xong, ngài nói tiếp:

– Nếu Đại vương không đọa vào đó, Đại vương phải ở trong địa ngục nằm giữa các cõi.

Rồi ngài ngâm kệ miêu tả địa ngục ấy:

1306. Ở đó tối tăm thật mịt mù,
Và không vàng nhạt hoặc vàng trắng,
Ngục này hỗn độn và kinh khủng,
Chẳng biết ngày đêm, chẳng tháng năm,
Còn kẻ nào mong đòi món nợ,
Ở nơi như vậy nữa hay chẳng?

Sau khi tả địa ngục ở giữa các cõi ấy thật đầy đủ chi tiết, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương không chịu từ bỏ tà thuyết ấy, không những Đại vương phải chịu khổ hình này mà còn nhiều khổ hình khác nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

1307. Con chó Sabala đáng khỗn lồ,
Cùng Sāma lực lưỡng nhào vô,

Dùng răng cắn xé người tan xác,
Kẻ đọa từ đây đến ngục tù.

Các địa ngục kế tiếp cũng có cùng một quy luật như vậy, vì thế các địa ngục này và các cai ngục được ngài mô tả qua các bài kệ thật súc tích, những ngôn từ tượng hình như trong các đoạn trên:

- 1308.** Vậy khi ở ngục bị tan thân,
Vì thú dữ hành hạ bạo hung,
Thân xác tả tơi, dòng máu chảy,
Còn ai đòi trả nợ ngàn đồng?
- 1309.** Với cung tên, nhọn hoắt giáo gươm,
Quản ngục Kālūpakāḷa,
Đâm chém trọng thương người phải đọa,
Trước kia phạm tội ở nhân gian.
- 1310.** Trong khi kẻ ấy chạy lang thang,
Trong ngục, bị đâm ở bụng, sườn,
Gan ruột nát tan dòng máu chảy,
Ai mong đòi nó một ngàn đồng?
- 1311.** Trời mưa xuống các loại tên, đao,
Các khí cụ hành tội, cọc, lao,
Đám lửa rơi như than cháy bỏng,
Trời mưa đá tảng trút ào ào.
- 1312.** Luồng gió nóng ran thật hãi hùng,
Thổi vào trong ngục mạnh không cùng,
Không vì vui thú dù giấy lát,
Nó chạy quanh không chốn trú thân.
Còn ai muốn bắt người kia trả,
Đòi kẻ ngàn đồng ấy được không?
- 1313.** Bị buộc vào xe đang chạy nhanh,
Trên nền đất rực lửa hoành hành,
Biết bao gậy nhọn dài kim thúc,
Ai muốn đòi ngàn bạc cho đành?
- 1314.** Khi trào lên ngọn núi kinh hoàng,
Bừng cháy các đao xé nát thân,
Máu chảy đầm đìa, ai sẽ muốn,
Đòi sau đòi nó một ngàn chăng?
- 1315.** Khi nó trào lên một đồng than,
Đỏ hừng như núi lửa kinh hoàng,
Toàn thân cháy, thét gào đau khổ,
Ai muốn đòi ngàn bạc ấy chăng?

1316-17. Lốp cây dày đặc đến tầng mây,
Có cọc sắt đâm hút máu ngay,
Người nữ, nam sẵn vợ kẻ khác,
Phải trèo lên đó, bị từng bày,
Quý Diêm-la chúa luôn xua đuổi,
Mang các giáo dài ở dưới tay.

1318-19. Khi nó trèo lên cây vải bông,
Toàn thân đầy máu chảy ròng ròng,
Lột da, bị cháy, khổ kinh khiếp,
Bức bối thở than, bám ngọn bông,
Đề đền tội ác xưa như vậy,
Ai muốn đòi tiền nợ cũ không?

1320-21. Có những rừng cao đến đám mây,
Lá rừng là kiếm sắt tràn đầy,
Thiết đao uống máu người đầy đọa,
Khi nó trèo lên đám lá cây,
Thân nó bị cưa bằng kiếm sắt,
Nát tan, máu chảy hải hùng thay!
Ai mong đòi nó trong đời kẻ,
Trả nợ ngàn đồng nó đã vay?

1322. Khi nó vừa ra khỏi ngục này,
Phủ đầy lá sắt giữa rừng cây,
Liền vào sông Vetaraṇī,
Ai muốn đòi tiền nợ cũ đây?

1323-24. Dòng sông xiết Vetaraṇī,
Khốc liệt, nước sôi sục ngập tràn,
Bao phủ lá, hoa sen bén nhọn,
Trong khi nó bị đuổi trên sông,
Máu me bao phủ, tay chân đứt,
Dòng nước Vetaraṇī hải hùng,
Chẳng có một nơi nào trú ẩn,
Ai mong đòi nợ nó hay không?

Và giờ đây, sau khi nghe bậc Đại sĩ mô tả về địa ngục, vua cảm thấy rất sợ hãi, muốn tìm nơi an trú nên nói với ngài:

1325. Trầm sợ tựa cây đang bị cưa,
Hoang mang, không biết hướng cho vừa,
Giày vò vì sợ, sợ kinh khủng!
Khi được nghe ngài nói kệ qua.

1326. Vật cháy gặp dòng nước mát trong,
 Như cù lao giữa biển bão, đây đông,
 Như đèn khi tối đen đêm đến,
 Ngài chính là nơi trú trẫm mong.

1327. Xin dạy trẫm kinh và nghĩa hay,
 Trẫm đây quá khứ tội tràn đầy,
 Xin ngài chỉ trẫm đạo thanh tịnh,
 Tránh địa ngục kia, khỏi đọa đầy!

Sau đó, bậc Đại sĩ dạy vua con đường thanh tịnh bằng cách nêu gương các bậc tiên vương đã hành trì chánh đạo:

1328. Như các Vua Dhataratṭha,
 Vessāmitta, Aṭṭhaka,
 Yāmataggi và Sivi,
 Luôn cả Vua Usinnara,
 Trước đây họ hết lòng hầu cận,
 Các Sa-môn và Bà-la-môn.

1329. Tất cả họ cùng những Đại vương,
 Đã lên cõi Đế-thích thiên đường,
 Đức vua hãy tránh xa tà pháp,
 Và nỗ lực hành pháp chánh chân!

1330. Hãy cho người bung các đồ ăn,
 Ngay tại cung vua rồi báo rằng,
 Thành phố này ai đang đói, khát?
 Ai cần hoa đẹp, dầu thơm hương?
 Đang có vải nhiều, màu sắc khác,
 Ai không đồ đến nhận y choàng.

1331. Ai nhận dù, giày dép đẹp, mềm,
 Đi đường thuận tiện mát và êm,
 Hãy cho thông báo trong thành phố,
 Từ buổi sáng rồi đến tối đêm.

1332. Xin chớ bàn giao việc nhọc, bừa,
 Cho người, bò, ngựa già, như xưa,
 Xin vua ban bố sự chăm sóc,
 Vì lúc mạnh làm xong việc qua.

Như vậy, bậc Đại sĩ sau khi thuyết giảng cho vua về bố thí và đức hạnh, thấy rằng vua sẽ hoan hỷ khi được ví với một cỗ xe nên ngài tiếp tục thuyết pháp cho vua qua hình ảnh một cỗ xe như ý (ban mọi điều ước):

1333. Thân thể của vua là cỗ xe,
 Ý tâm được nhẹ, người điều xe,

- Lúc không hãm hại, trục xe chuyển,
Bố thí rộng lòng là mái che.
- 1334.** Kiểm bước chân là vành bánh xe,
Kiểm bàn tay là cái khung xe,
Kiểm nơi bụng, ổ trục lăn nhẹ,
Kiểm khẩu thì không cót kết xe.
- 1335.** Lời chân là các phần xe cân,
Lời chẳng thọc đâm, điều khiển êm,
Lời dịu hòa, toàn phần tốt đẹp,
Lời cân nhắc, kết dính lâu bền.
- 1336.** Khéo tạo bằng niềm tin, chẳng tham,
Khiêm cung, tay chấp, gọng xe ngang,
Càng xe, không cúi luôn, ương ngạnh,
Hộ trì giới luật, xe được ràng.
- 1337.** Không sân giận, tức xe không rung,
Học rộng tạo thành ván dựa lưng,
Thiện pháp tạo nên cây lọng trắng,
Tâm kiên trì, miếng đệm ngồi an.
- 1338.** Biết lúc nào, cần yếu của tâm,
Tự tin là cái chống ba chân,
Hạnh khiêm tốn tạo sợi dây buộc,
Không quá mạn thì ách nhẹ nhàng.
- 1339.** Tâm chẳng thôi lui tức nệm trường,
Tiến tu là sạch bụi đường mang,
Bậc Hiền trí có niệm, cây thúc,
Gắn bó, kiên trì, các sợi cương.
- 1340.** Tâm thuần thực dẫn đúng đường đi,
Như cỗ xe kéo ổn định, hay,
Mong muốn, tham lam, đường sai quấy,
Tự mình thu thúc, con đường ngay.
- 1341.** Xe lao đến sắc, thịnh, hương, vị,
Trí tuệ ra tay trị, lái đi,
Tâu Bệ hạ, trong trường hợp ấy,
Bản thân là chính người điều xe.
- 1342.** Nếu chiếc xe này được ổn an,
Được làm vững chắc và kiên gan,
Thì xe đem lại mọi điều ước,
Địa ngục không vào, khỏi khổ nàn.

– Như vậy, tâu Đại vương, ta đã dùng nhiều cách trình bày cho Đại vương đạo thanh tịnh mà ngài đã yêu cầu Nārada nói rõ để tránh đọa vào các địa ngục.

Sau khi thuyết giảng Chánh pháp cho vua và phá tan mọi tà kiến cùng an trú vua vào giới hạnh, ngài lại khuyên vua từ nay xa lánh bạn ác, thân cận với bạn lành và cẩn trọng trong mọi bước tiến. Rồi ngài tán thán mọi đức hạnh của công chúa, nói lời khuyên tu cho cả triều đình cùng các cung phi xong, ngài liền bay về Phạm thiên giới với thần lực vĩ đại siêu phàm.

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không những ngày nay mà từ xưa, Ta đã giáo hóa Uruvela Kassapa và phá tan lưới tà kiến vây chặt vị ấy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân qua các vần kệ cuối cùng:

- 1343.** Devadatta chính Alāta,
Bhaddaji chính là Sunāma,
Sāriputta chính là Vijaya,
Moggallāna chính là Bijaka.
- 1344.** Sunakkhatta, dân Licchavī,
Xưa lỏa thể, là Guṇa đạo sĩ,
Rujā đã giáo hóa quân vương đó,
Chính là thị giả Ānanda.
- 1345.** Uruvela Kassapa,
Là vị vua tà kiến xấu xa,
Đại Phạm thiên là Bồ-tát ấy,
Các ông ghi nhớ bốn sinh này.

§546. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ VIDHURA (*Vidhurajātaka*)⁶⁶ (J. VI. 255)

Yếu gây, ái hậu lại xanh xao...

Bậc Đạo sư kể câu chuyện này khi Ngài trú ở Jetavana (Kỳ Viên), liên quan đến sự viên mãn của trí tuệ tối thắng.

Một ngày kia, các Tỷ-kheo đưa ra một vấn đề tranh luận tại pháp đường, bảo nhau:

– Nay các Hiền giả, bậc Đạo sư đã đạt Đại trí, Quảng trí, Ngài thật tinh thông, ứng đối mau lẹ, nhạy bén, lý giải sắc sảo và có khả năng đánh đổ mọi biện luận của các đối thủ. Nhờ uy lực của thắng trí, Ngài đã phá tan những vấn đề nan giải do các trí giả Sát-đế-ly đưa ra, hàng phục họ và khiến họ hồi tâm. Sau khi an trú họ vào tam quy và ngũ giới, Ngài dạy họ con đường đưa đến Niết-bàn bất tử.

⁶⁶ Chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546.